



- đặc biệt : “Cửa sổ mở ra đường”
truyện mới của Nguyễn Đình Toàn
- phỏng vấn nhà văn Đoàn Quốc Sỹ



SỐ 185

TRẦN THỊ TUỆ MAI * KIM TUẤN * VŨ BẰNG
BỬU Ý * CHINH YÊN * NGUYỄN XUÂN HOÀNG
MƯỜNG MẪN * THI VŨ * HỒ MINH DŨNG
HOÀNG HƯƠNG TRANG * HOÀNG LỘC
DƯƠNG NGHIỆM MẬU * THƯ TRUNG

**tập san VĂN
số 185**

Tuyển tập Thơ Văn



Paris * 01-2026

Bìa : THIẾU NỮ
Tranh của Ngọc Dũng
Nguồn : Thư quán bản thảo

tập san VĂN
số 185

Tuyển tập Thơ Văn

Tập san Văn * Năm thứ tám
Số 185 ra ngày 01-09-1971

Tập san Văn học Nghệ thuật

Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

Năm thứ tám / số 185 /

Ngày 01-09-1971



Tuyển tập Thơ Văn

đọc trong số này:

- 1. Trần Thị Tuệ Mai; 11**
Kim Tuấn * Thơ
- 2. Vũ Bằng 16**
Thương nhớ mười hai, bút ký *
Tháng tám: ngô đồng nhất điệp lạc
thiên hạ cộng tri thu
- 3. Nguyễn Đình Toàn 80**
Cửa sổ mở ra đường, truyện ngắn

- | | |
|---------------------------------------|------------|
| 4. Bửu Ý | 121 |
| Biên, bút ký | |
| 5. Nguyễn Xuân Hoàng | 129 |
| Huế, chào buồn * bút ký | |
| 6. Thi Vũ; | 139 |
| Chinh Yên * Thơ | |
| 7. Mùng Mán | 144 |
| Vĩnh biệt mây, bọm nhậu * Truyện ngắn | |
| 8. Hoàng Hương Trang; | 173 |
| Hoàng Lộc * Thơ | |
| 9. Hồ Minh Dũng | 178 |
| Những chiếc vỏ ốc lăn, truyện ngắn | |
| 10. Nguyễn Nam Anh | 202 |
| thực hiện: Đi xa với Doãn Quốc Sỹ | |
| 11. Khê Kinh Kha; | 238 |
| Trần Dạ Lữ * Thơ | |

12. Dương Nghiễm Mậu 243

Kẻ sống đã chết, truyện dài (kỳ 6)

13. Tòa soạn VĂN 276

Giải đáp thắc mắc

14. Thư Trung 305

và các bạn – Tin văn văn

BÌA: THIẾU NỮ – Tranh NGỌC
DŨNG



Tòa soạn và Trị sự: 38,
Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định
số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn
Đình Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ
bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông
Trần Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp: ông Gia
Tuấn (phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo
VĂN.

* Quản lý: Cô Nguyễn thị Tuấn.

THƠ

Trần Thị Tuệ Mai * Kim Tuấn

Mê đường

*Với từng kỷ niệm lên men
tôi du khách lỡ say miền trần
gian
khi nghe xao xuyến tơ vàng
khi nhìn lửa quán đa đoan tình
người*

yêu từ xanh biếc trùng khơi
áo xanh tà gió nụ cười môi xanh.

Nhân gian tóc cũng đa tình
sợi hong mắt nắng sợi dành tay
mưa

sợi vương môi ấm lời thơ
sợi quàng vai gió trước bờ
phong ba.

Đi vào những cuộc tiễn đưa
quen vùng lệ thấm xóa mờ tin
yêu

— một phen ngơ ngẩn đường
chiều

*quê xưa, chợt hỏi về theo ngả
nào...*

Trần thị Tuệ Mai

Trên vùng Bản Hét

Bản Hét ta chào mi đây nhé

Chiều mưa che khuất núi đồi xa

Chiều mưa ta đứng trên đầu gió

*Thương mình hơn những bóng
mây qua*

Bản Hét thương đời anh lính trẻ

Quanh năm chờ phép về thăm
nhà

Quanh năm trần thủ đời gian
khô

Hầm đất nhìn quanh ta với ta

Bản Hét những chiều không
pháo kích

Trời im nghe gió thổi qua mau

Rừng im nghe cánh chim xào
xạc

Đồn im nghe súng bồng dưng
sâu

Bản Hét hành quân vùng Tam
Biên

Núi cao như dựng với sông liền
Rừng sâu màu lá xanh da mặt
Cơm sậy ăn sao nhớ mẹ hiền

Mẹ hiền phương đó con đầu núi
Bụng biên chưa hết trọn đời trai
Bụng biên đêm gối tay lên súng
Bống thấy thương thân, bống
thở dài.

Kim Tuấn

Vũ Bằng

Thương nhớ mười hai

Tháng Tám,

**Ngô đồng nhất điệp lạc
Thiên hạ cộng tri thu**

 ập những ngày trời đất
xuống màu như thế, người
khách xa nhà, cả trăm người như
một, đều cảm thấy buồn tê tê trong

lòng mà tự nhủ: “Ờ, đúng là mùa thu ở Bắc... Trời này có rượu ngon đem uống thì tuyệt trần đời!”

Thế thì ngày trời đất xuống màu ấy ra sao mà người ta lại rầu rầu trong dạ, sầu sầu muốn uống một cái gì? Thôi, ai lại còn lạ cái thời tiết ở miền Nam nước Việt nó nhõng nhẽo đến chừng nào: buổi tối nóng như điên, nửa đêm xoay ra lạnh lúc nào không biết; chiều sấm chớp ầm ầm, yên trí có mưa thì một lát sau trăng lại sáng trưng, ấy thế mà chính lúc người ta đang yên trí là nóng còn lâu thì mưa trút xuống rào rào làm cho ai cũng ngạc nhiên tự hỏi: “Quái, sao năm nay mưa sớm thế?”

Thế rồi ai cũng tưởng là mùa mưa bắt đầu thì chốc trời cũng không ra một hạt nước, trời nóng đến cái mức làm cho người ra mồ cả mắt, nhức cả đầu; nhưng có một buổi tối kia đi ăn đầu cá với một người yêu xa cách lâu ngày ở cầu Bình Lợi thì tự nhiên trời đổi gió, giăng tơ lên ngọn cỏ lá cây để đến lúc sắp đứng dậy ra về anh cảm thấy như có một cái lưới buồn rủ từ trên trời xuống nước, lan tràn ra khắp cả mặt đất chân mây và gói ghém luôn cả anh cùng với tâm óc anh vào đó.

Lau lách ở ven hồ kêu lên những tiếng rì rào y như thể những tiếng than nhỏ bé; nước vỗ vào bờ nghe trầm trầm; qua những chùm lá, qua những cành cây, gió rì rào như

kể chuyện xa xưa và giục người ta xích lại gần nhau cho ấm cõi lòng hơn một chút.

Mùa thu ở Bắc cũng đến với người ta như thế. Bây giờ mỗi khi thấy trời trở gió, không gian bàng bạc một màu chì; mỗi khi thấy lá rụng ở các công viên như những người đau ngực, bay lảo xào trên mặt đất hanh hao; mỗi khi thấy lá tre rụng vèo xuống các ao hồ nằm êm ả trong những lớp bèo ong bèo tấm, có ai biết rằng tôi nhớ lại những gì không? Cứ vào đầu tháng Tám, trời Bắc Việt buồn se sắt, đẹp nảo nùng, sáng sáng thức dậy từ lúc còn tối đèn, cầm cái áo ma ga mẹ lấy ở trong rương ra mặc cho mình, húp bát cháo đậu kho và ăn ba nắm xôi lạc do mẹ mua cho rồi

đút hai ba đồng xu đồng kêu xúng xoảng trong túi áo đi qua dãy Nhà Thờ, thẳng một lèo đến dốc Hàng Kèn, có ai biết rằng tôi đã trông thấy những gì và nghĩ những gì không?

Lúc ấy, trời đã sang thu. Lá cây nhội ở hai bên đường đi ra dốc Hàng Kèn vươn những cái thân gầy lên trên trời và mỗi khi có gió thổi thì từng chiếc lá vàng lại rụng xuống, xoay nhiều vòng, rồi đậu ở trên những vai trắng nuốt của các pho tượng mỹ nhân cỡi trường trong công viên ở cuối Phố Nhi, gần cái hang đá thờ Đức Mẹ.

Cái mà bây giờ tôi còn trông thấy rõ từng li từng tí là một cậu bé xách cái cặp da nặng trĩu đi học

một mình, vừa đi vừa ôn lại một bài văn xuôi có vần:

“Sáng ngày ra, ta đi học, hiu hiu gió, lá vàng rụng bay. Ấy là gió mùa thu, đưa hơi thu, rét sắp đến. Hỡi các anh học trò con, có nghĩ đến mặc áo rét không? Áo mặc rét, các anh sẽ trông lấy vào đâu? Có khi phải về hỏi mẹ cha.

“Các anh đi học xa, mẹ ở nhà, sáng ngày ra, thấy hiu hiu gió, lá vàng rụng bay, biết là gió mùa thu, đưa hơi thu, rét sắp đến, đã nghĩ lo áo rét cho các anh. Mẹ mở hòm, tìm áo cũ, áo cũ lành tốt thời gửi ngay, áo cũ rách thời mẹ vá, không có áo cũ thời mẹ may.

“Các anh ở nhà trường ngồi bàn ghế, cầm bút viết, mẹ ở nhà,

ngồi dưới cửa, cầm kim vá may.
Các anh đi ra đường, thấy gió lạnh,
lòng nhớ mẹ, mong mẹ gửi cho áo;
mẹ ở nhà thấy gió lạnh, lòng lo con,
gửi cho áo, mong con học cho hay.

“Mỗi một năm, gió mùa thu, lá
vàng bay, lòng mẹ lo.

Gió mùa thu, mỗi năm, lá vàng
bay. Các anh đi học trường, mỗi
năm càng mỗi hay, đèn công cha
mẹ, không phụ áo mẹ may.

“Gió mùa thu, lá vàng bay, năm
sau như năm trước. Nếu sự học
của các anh cũng năm sau như năm
trước thời công mẹ may áo cũng
như gió mùa thu, lá vàng rụng bay”.

Lắm nhăm ôn lại bài học rồi, anh
học trò bé nhỏ ấy nhìn lên bầu trời

bàng bạc và nhảy nhót như một con chim sẻ. Là vì y biết là mùa thu đã bắt đầu, các cây nhội chỉ chít quả, chim hét về nhiều, chắc hẳn y có nhiều hi vọng bắt được nhiều để về nuôi, nếu còn sống, hay rán lên cho mèo ăn, nếu chẳng may chim bị trọng thương mà chết.

Tuy nhiên, chỉ có ý tưởng của tôi theo chân được cậu bé ấy mà thôi, vì cậu bé ấy chỉ là cái bóng, mà là cái hình bóng của chính tôi năm mươi mấy năm về trước. Thương thương cậu bé vô tội ấy biết chừng nào! Tôi chú ý tới cậu ta, nhưng lúc chính tôi là cậu bé ấy thì tôi lại không chú ý.

Đến bây giờ tôi không còn là cậu bé ấy nữa thì tôi lại thương

thương vô cùng, nhưng thương thương đến mấy cũng là vô ích vì cậu bé ấy đâu còn nữa; đồng thời ông bà, bố mẹ cũng chết cả rồi mà có khi anh em, bè bạn lúc nhỏ cũng không còn nữa, vì chiến tranh này, ai mà dám biết người thân của mình sống chết ra sao.

Duy chỉ còn có mùa thu tồn tại, nhưng đến cái buồn se sắt, đẹp nào nùng của Bắc Việt thân yêu cũng lại biệt mù tăm tích, không biết đến bao giờ mới lại được nghe thấy hơi may về với hoa vàng, không biết đến bao giờ mới lại được thấy lá ngô đồng rụng xuống giếng thu, nửa đêm thả một lá thuyền con đi mua rượu sen Tây Hồ về uống mà cũng không biết đến bao giờ mới lại được cùng với người vợ tắm

mắm ăn mấy con ốc nhồi thịt thăn,
miến, mộc nhĩ hấp với lá gừng
trông trắng trong khi thỉnh thoảng
ở đằng xa lại vọng lại những tiếng
hát chèo, tiếng rước sư tử, tiếng
trống quân thùng thình!

Mùa thu ở Bắc Việt xa xưa ời,
ta buồn da diết khi nghĩ đến kiếp
chúng sinh hệ lụy trong biển trầm
luân, nhưng ta không thể không
cảm ơn Trời Phật đã cho người Bắc
đau khổ triền miên một mùa thu
xanh mơ mộng diễm tình đến thế.
Mộng từ ngọn gió, cánh hoa mộng
đi, mộng từ tiếng nhạc về én đi mà
mộng lại, mộng từ bông sen tàn tạ
trong đầm mà mộng lên, mộng từ
sắc ố quan hà mà mộng xuống.

Quái lạ là cái mùa kì diệu: tự

nhiên trời chỉ đổi màu, gió chỉ thay chiều làm rụng một cái lá ngô đồng, thế là bao nhiêu cảnh vật đều nhuộm một màu tê tái, làm cho lòng người đa cảm tự nhiên thấy se sắt, tự lường. Thế là trời đất cỏ cây tự nhiên hiện ra dưới một lăng kính mới: trắng sáng đẹp là thế cũng hóa ra buồn, trời bát ngát yêu thương như thế mà cũng hóa ra tê tái, sông nước đẹp mông mênh như thế mà cũng hóa ra đìu hiu lạnh.

Ngay đến cái thân mình, bình thường chẳng làm sao, vậy mà không hiểu cơn có nào thấy gió thu về xào xạc ngoài hiên mình cũng tự nhiên thấy thương cho thân thể và băng khuâng buồn nhớ. Nhớ cái gì, buồn cái gì, không rõ rệt. Chính

vào lúc bóng tối chưa tan, người vợ thấy chồng chong một ngọn đèn con lên pha trà uống một mình và khe khẽ ngâm thơ cũng không hiểu tại sao chồng lại bâng khuâng như vậy:

*Trăng tà con quạ kêu sương,
Lửa chài le lói, sầu vương giấc hồ.*

*Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa
Hàn San.*

Chính thực ra, nghe thấy gió thu đuổi lá chạy ở rặng cây ngoài vườn, người vợ cũng bâng khuâng nhưng chính mình không biết đó thôi.

Lúc ấy, muốn chiều chồng cách gì đi nữa thì cái buồn vô căn cứ của người chồng cũng không thể nào giải được. Những cuộc biệt ly, những ngày thất thế, bao nhiêu cuộc ân tình ngang trái, bao nhiêu mộng ước không thành, bao nhiêu cuộc phù trầm cay đắng của những ngày xa thật là xa, tưởng đâu như ở một tiền kiếp đã lu mờ, tự nhiên trở lại như vang như bóng, ần ần hiện hiện trong khúc ngâm cảm khái của Bạch Cư Dị buộc ngựa vào gốc ngô đồng trèo lên trên một cái chòi uống rượu với đám ca nhi lạc phách.

*Bóng đâu trong sáng vô ngần,
Sầu thêm giận đắp cỗi trần khắp
nơi,*

Đóng lâu đồn thú kìa ai,
Biệt li buổi mới đâu người trước
sân.

Canh khuya ai đó phi tần,
Vua không yêu nữa tần ngần về
cung.

Biên thành thế thủ không xong,
Bạc đầu ông tướng thông dong lên
chòi.

Soi cho đứt ruột bao người,
Thiền thờ, ngọc thỏ trên đời biết
chi!

Cái buồn mùa thu lê thê, cái
buồn mùa thu tê mê, cái buồn mùa
thu nã nê nhưng không day dứt
đến mức làm cho người ta chán

sống. Ấy là vì gió thu buồn, nhưng trời thu lại đẹp, đẹp nhất là trăng thu, đẹp đến nỗi làm cho người ta buồn nhưng vẫn cứ muốn sống, để hưởng cái đẹp bàng bạc trong khắp trời cây mây nước - nếu chết đi thì uổng quá.

Trong một năm, không có mùa nào trăng lại sáng và đẹp như trăng thu. Từ thượng tuần tháng Tám, nhìn lên cao, nhà thi sĩ thấy cả một bầu trời phẳng lì mà xanh ngắt, không có một đám mây làm vẩn đục làn ánh sáng mờ hồ của trăng tỏa ra khắp cả nội cỏ đồi cây, chân sim bóng đá, nhưng từ rằm trở đi thì ánh trăng mới thực lung linh kì ảo. Vợ chồng dắt nhau đi vào trong ánh trăng lúc ấy cảm thấy mình đi ở trên trần mà dường như có cánh

ở dưới chân, không bước mà có cái gì đẩy chân đi nhẹ nhẹ vào trong cỏi mê li thần thoại. Lắng tai nghe thật kỹ, đâu đây có cái gì rung động như cánh của những con bướm mới ra ràng.

Mà ở đâu đây có cái hương thơm gì dìu dịu thế? À, đấy là hương lúa ba giăng, mà tiếng rung động nhẹ nhẹ kia chính là tiếng ân tình nhỏ bé của những bông thóc thơm thơm ngã vào lòng nhau để tìm sự ấm áp trước ngọn gió vàng hiu hắt.

Mùa hồng lúc này đã rộ, bưởi cũng đã nhiều, nhưng thơm ngọt ngào mùi đất nước quê hương, đó có cái gì sánh được với cốm Vòng ăn với chuối trứng cuốc ngon lành.

Đi trên những con đường nóng bỏng của trời tháng Tám miền Nam bây giờ, tôi nhớ gì là nhớ đến những buổi sáng mùa thu mẹ mua cho một mẻ cốm giót ăn lót lòng buổi sáng trước khi đi học, rồi đến khi có vợ có con thì vợ biết tính chồng, thường dặn những người gánh cốm ở Vòng lên bán, thế nào cũng giữ cho những mẻ cốm thật ngon đem nén rồi đơm vào những cái đĩa con phượng để chồng ngồi nhân nha xắt từng miếng nhỏ, vừa ăn vừa nhấm nháp nước trà sen thơm ngát.

Những ngày như thế, trời vào buổi trưa sáng mờ mờ như lọc qua một dải lụa nõn nường. Có người thấy trời đẹp nõn nường như thế cảm thấy rạo rức không ngủ được.

Tôi nhớ có nhiều khi giữa buổi trưa, có những anh bạn gõ cửa vào ngồi đòi uống rượu “nhắm với bất cứ cái gì cũng được”. Gió đập vào lá cây hoàng lan trồng giữa sân kêu rào rào. Một vài cánh hoa tím ở trên giàn hoa rơi vào trong chén rượu: anh em uống cả hoa và cứ như thế uống cho đến xế chiều rồi tất cả dắt nhau đi - lang thang bất cứ đâu, vì tuy rằng không ai nói ra lời, nhưng ai cũng cảm thấy trong sâu thẳm cõi lòng rằng gặp những ngày trời đất thế này mà không đi ra ngoài thì uống quá. Đi quanh Hồ Gươm nhìn lên cây gạo ở Ngõ Hồ nghe những con sếu báo tin rét sắp về; đi lên Ngọc Hà ở đằng sau Bách Thú xem hoa và tán tỉnh chuyện tầm phơ với mấy cô nàng trắng ngà trong ngọc; đi ra Nghi

Tầm mua mấy cây thế rồi rẽ ra ngõ Quảng Lạc tìm nhà một ông bạn già để ngắm lại cái tượng “Mạnh Mẫu gánh sách cho con đi học”... đi như thế trong một bầu không khí vừa vừa lạnh, hiu hiu gió, biên biếc sâu, kể đã là thú đấy; nhưng chưa thấm với cái thú của người đàn ông được vợ chiều, vào buổi tà huân dắt tay vợ đi chơi ở ngoại ô nhìn trắng dải trên ruộng lúa và nghe tiếng hát trống quân theo gió vàng heo hút ở làng bên kia sông vọng lại.

Trăng sáng quá, em ơi, cứ đi như thế này, cả đêm không biết chán. Trăng dải trên đường thơm thơm; trăng cài trên tóc ngoan ngoan của những khóm tre xào xạc; trăng thơm môi mời đón của dòng sông

chảy êm đềm; trăng ôm lấy những bộ ngực xanh của những trái đồi ban đêm ngào ngạt mùi sim chín... trăng ơi, sao trăng khéo đa tình, cứ đi hoài theo chân cô gái tuyết trinh và lén cả vào phòng the của người cô phụ lay động lá màn chích ảnh?

Lúc ấy, đứng dừng lại nhìn vào mắt vợ thì trong mắt vợ mình cũng thấy có trăng, có trăng cả ở toàn thân, mặc quần áo mà như là khóa thân; chạm mạnh vào thì vỡ. Tự nhiên mình có cảm giác trăng ở trong lòng mình cũng lung linh một thứ ánh sáng xanh màu huyền diệu, thắm hoa hương, làm cho cả tâm óc chơi vơi, rung động.

– Ờ, ngày xưa Thân Thiên Sư dùng phép thuật đưa Đường Minh

Hoàng du Nguyệt điện để tìm Dương Quý Phi có lẽ lòng cũng chỉ chơi vui, rung động đến thế là cùng.

Tội nghiệp cho cái ông vua mê gái quá chừng là mê: Dương Quý Phi chết rồi mà thương nhớ không nguôi đến nỗi phải nhờ Thân Thiên Sư đánh đồng thiếp đi tìm, mà đến lúc Thân Thiên Sư bảo là đã gặp nàng thành tiên trên cung nguyệt cũng cứ tin là thực. Đúng vào một đêm Trung Thu, Đường Minh Hoàng lập đàn cúng tế trong nội đình rồi nhờ Thân Thiên Sư dùng phép thuật đưa hồn lên cung nguyệt. Chỉ một lát, thân hình của ông vua mê gái đó nhẹ bỗng như lông hồng, bay bỗng chín từng không vào được cung nguyệt và gặp

người yêu thực. Nhưng tiên giới và phàm trần cách biệt nhau, Dương Quý Phi chỉ biết trông Đường Minh Hoàng mà khóc.

Theo sách “Thiên bảo di sự” thì Quý Phi ném một chiếc vòng ngọc cho Minh Hoàng rồi biến mất. Minh hoàng nhặt lấy xem: quả thực là chiếc vòng ngọc tự tay mình ban cho nàng năm xưa. Nhà vua ứa nước mắt. Thì vừa lúc đó con ngọc tho đang cầm chày giã thuốc ở dưới cây quế, ném cái chày vào vai áo nhà vua mà bảo: “Làm vua mà chẳng biết lấy nước lấy dân làm trọng, chỉ say mê một người đàn bà, chuyện đó đã xấu lắm rồi, nhưng xấu vượt bậc là đến lúc loạn li, chẳng biết tự sửa lỗi mình lại đổ cả lỗi lên đầu một

người yếu đuối, như thế sao gọi là thương yêu được, sao gọi là tiếc nhớ được?” Đường Minh Hoàng sức thức.

Thì ra đó chỉ là một giấc chiêm bao, nhưng lạ thay, cái vòng của Quý Phi tặng ở trên cung nguyệt vẫn còn ở trong tay Minh Hoàng. Buồn héo lá gan, Đường Minh Hoàng từ đó đỡ nghĩ đến Quý Phi nhưng nhà thơ Lý Thương Ẩn nhờ đó đã viết nên tám câu thống thiết khi đi qua trạm Mã Côi, nhắc lại cái nhục quân sĩ bắt nhà vua phải giết Quý Phi, đồng thời nhớ đến lời nguyện ước khi xưa giữa “chàng” và “nàng” đêm thất tịch.

Cớ sao bốn kẻ làm thiên tử,

Kém Mạc Sầu kia được hãn hoi.

Mê gái, thế thì hay hay dở? Dở hay hay không ai dám quyết, nhưng Đường Minh Hoàng chỉ vì mê gái mà thành ra thần tượng của tình yêu, âu cũng li kì ác!

Không thể, sao cứ đến Trung Thu ở Bắc cũng như Nam, nhà hát nào cũng đưa vở tuồng “Đường Minh Hoàng du Nguyệt điện” để chài người đi xem; còn hàng bánh dẻo, bánh nướng thập cẩm, đậu đen, hạt sen trứng muối, ôi thôi hàng nào mà không có một bức tranh thật lớn vẽ ông vua mê gái đó lúng liếng con mắt nhìn Dương Quý Phi hay làm thành hình đen cho chạy đèn kéo quân để hấp dẫn nhiều người bu lại?

Ở miền Nam, đồng bào ăn tết Trung Thu kể đã vui đáo để, nhưng không có những khu hoàn toàn tết. Mua một cái đèn con thỏ, ở Chợ Lớn có, ở Sài Gòn cũng có, ở đường Thủ Khoa Huân có mà ở Nancy cũng có, có cả cái tàu chạy trong thau nước, có đầu sư tử, có đèn quả đào, có cả ngựa nghê bằng ni lông nữa... nhưng ở Bắc thì không thể.

Có những năm đi xem tết Trung Thu ở miền Nam đất nước ta, tôi tưởng như lạc vào trong một cái động đồ chơi bằng giấy có đủ các sắc cầu vồng, chan hòa ánh sáng thần tiên, nhưng có ai bảo cho tôi biết tại sao tôi vẫn cảm thấy là chơi cái tết Trung Thu như thế vẫn còn thiếu cái gì? Cái gì đó là cái không khí chẳng? Cái gì đó là cái thời

tiết chẳng? Cái gì đó là cái tâm hồn phơi phơi chẳng?

Từ đầu tháng Tám, các phố Hàng Gai, Hàng Hai, Hàng Mã, Hàng Hòm, Hàng Thiếc, Hàng Bông Lò, Hàng Trống hóa trang một cách kì diệu đến nỗi làm cho du khách không thể nào nhận ra được nữa. Các hàng tạp hóa, hàng sách, hàng giấy, hàng tơ lụa, nhất nhất đều thu cả hàng hóa lại một chỗ để bày bán toàn những đồ chơi tháng Tám. Ôi chao, sao mà lắm kiểu đèn đến thế: đèn quả dưa, đèn xếp, đèn trái trám, đèn con thỏ, đèn kéo quân, đèn thiềm thừ, đèn ông sao...

Hồi người đàn bà đẹp như thơ đi sắm tết cho con, bà đã mua con voi lắc lư cái đầu đứng trên một

cái bệ có bánh xe đẩy được thì ngại gì không mua thêm một đầu sư tử và một quả ngọc cho nó vờn để vui cửa vui nhà? Ai ưa điển tích, rước ông Lão Vọng râu bạc ngồi câu cá về mà bày cỗ; con cá chép kia là “Lý ngư bá nguyệt” treo ở nhà có con đi thi rất nhiều hi vọng đỗ cao; nhưng cô gái nhà lành kia đừng mua lũ nhỏ làm bằng vỏ trứng làm gì, cứ về lấy hai quả dừa phết bông gòn vào rồi đính tai đính mắt vào đó làm hai con thỏ mẹ đặt vào trong hai cái bát chiết yêu, trông còn nền nã hơn nhiều, phải không cô?

Bây giờ tôi bàn với cô như thế này: ngày mười bốn, kê cái án thư ra ngoài hàng hiên bày hai con thỏ mẹ hai bên, giữa để một cái lư trầm rồi đặt ông Lão Vọng câu cá ở giữa,

hai bên là hai con chó tết bằng tép quả bưởi bỏ ra, mắt làm bằng hai hột nhãn, hai bên hai bát hạt dẻ, giữa là bốn bát chiết yêu gạo nếp trắng bao lấy bốn chữ cũng bằng gạo nếp nhuộm màu xanh, đỏ, tím, vàng “Trung Thu Nguyệt bính”. Ai muốn cổ to hơn thì treo ở trên một cái đèn kéo quân, dưới đặt rất nhiều ghế, và trên mỗi ghế để một thứ đồ chơi như đàn lợn làm bằng ca tông, cô tiên đánh đàn, cái đầu sư tử và các thứ bánh trái như bánh dẻo, bánh nướng, bánh đậu xanh, bánh chữ, bánh tô châu; nhưng có một nguyên tắc không ai được phép quên; cái bánh dẻo to nhất phải bày ở giữa, trên một cái ki kê ở trước án thư, và nhớ đặt lên đó một con thạch sùng bằng bột; còn các con giống khác như kì lân, con

phượng, trái đào, quả chuối, cành hoa... muốn đặt đâu cũng được.

Ấy đấy, cỗ Trung Thu bày như thế có thể coi là tạm xong rồi đấy. Bây giờ chỉ còn đợi trời tối là thắp đèn xếp, đèn quả bưởi, đèn múi trám treo ở đây kềm căng hai bên cho sáng tinh lên rồi đốt nhang thắp nến, lễ Trời, lễ Phật, trong khi người lớn ngồi ăn ốc hấp thơm trắng, còn trẻ con đánh trống cứ om lên và múa sư tử lừng tưng xoèng ở trước sân gạch có trăng chiếu sáng như ban ngày.

Bây giờ đã lớn tuổi rồi, trí óc hẳn là phải suy đi chứ có đâu được phương cương như trước, nhưng quả tình tôi không hiểu làm sao cứ nhớ đến những cái tết Trung Thu

hồi nhỏ, bày cỗ, múa sư tử, đánh trống ầm ầm như thế thì tôi lại như thấy máu chảy mạnh hơn, con mắt sáng hơn, mà tinh thần cũng hăng hơn?

Gốm chết là cái thuở thiếu thời tai ác ấy. Nhà tôi bán đầu sư tử: ai mà bảo sư tử của nhà khác cùng phổ lớn hơn mà đẹp hơn thì tôi tưởng có thể sanh sự liền; đèn kéo quân nhà tôi bán cũng là đèn đẹp nhất; còn cỗ tháng Tám thì khỏi phải nói, bao giờ tôi cũng thấy cỗ của nhà tôi hách nhất và to nhất, không cỗ nhà ai sánh kịp... Cứ từ mười hai tháng Tám là ngày bày cỗ, tôi sượng như điên, có đêm thao thức đến một hai giờ khuya không ngủ được. Đi hết Hàng Thiếc xem những cái tàu bay tàu thủy, lại

rẽ Hàng Mã xem con giống, quay xuống Hàng Gai xem đèn và sự tử, rồi lại quành ra Hàng Trống để đứng ngắm nghía xem nên về nhà xin tiền để mua cái trống nào, tôi oán ức bố mẹ bắt phải lên giường đi ngủ. Nằm nhìn lên những đám mây bay quanh ông trăng sáng in rõ hình thằng cuội, cây đa, tôi thao thức vắn vơ và nhiều khi, mở mắt rõ ràng, tôi tưởng như thấy có những cô tiên bé nhỏ bằng ngón tay út bay là là từ mặt trăng xuống đất dắt nhau đi “dung giăng dung dẻ” và hát những câu hát dân gian mà tôi thích thú vô cùng vì lẽ chính tôi cũng biết những câu hát ấy:

“Ông giăng, ông giăng – xuống
chơi với tôi – có bầu có bạn – có
ván cơm xôi – có nồi cơm nếp - có

đẹp bánh chưng - có lưng hũ rượu
- có chiếu bảm dù - thẳng cu xí
xoài - bắt trai bỏ giỏ - cái đồ ằm
em - đi xem đánh cá - có rá vo gạo
- có gáo múc nước - có lược chải
đầu - có trâu cày ruộng - có muống
thả ao - ông sao trên trời...”

Tôi cũng lăm bắm trong bụng
hát theo các cô tiên rồi thiu thiu
ngủ lúc nào không biết, nhưng
trong khi chập chờn, vẫn nghe thấy
tiếng trống sư tử ở đằng xa vọng
lại và những đứa trẻ hàng xóm vừa
vỗ tay vừa đồng ca:

Ông trăng mà bảo ông trời,

*Những người hạ giới là người như
tiên.*

Ông trời mới bảo ông trăng,

*Những người hạ giới mặt nhân
như tườu.¹*

Nhớ ời là nhớ cái tết Trung Thu ở Bắc! Vui, mà vui thế là cùng! Về sau này lớn lên, nghĩ đến giờ phút đó, tôi không lạ làm sao lại có những người thấy tết Trung Thu về lại muốn phát điên lên, bày các trò chơi lạ để hưởng thụ cuộc đời cho đã.

Ờ này, hầu hết chúng ta gặp lúc trời sâu ngất ngất, lòng hận mang mang, thường ngâm câu thơ cổ:

Thương nữ bất tri vong quốc hận

*Cách giang do xưởng Hậu Đình
Hoa.*

¹ tườu là con khỉ

(Gái kia không biết buồn vong
quốc

Còn hát bên sông khúc Hậu Đình.)

Nhưng có mấy ai nhớ rằng Hậu Đình Hoa, nguyên thủy là của một anh chàng thấy mùa thu đẹp như điên không chịu được, đã sai các cận thần soạn ra bản hát ấy để cùng hát với khúc “Ngọc Thụ” đêm rằm tháng Tám ở Vọng Nguyệt Đình trong ngự uyển?

Cái anh chàng mê mùa thu xanh ấy là một vị vua chơi bời vô độ, hoang dâm có tiếng, tên là Trần Hậu Chủ. Chính ông này đã cùng các cận thần soạn ra hai khúc “Ngọc Thụ” và “Hậu Đình Hoa”, nhạc và lời dâm dật để cho các phi tần đẹp nhất trong ban “Nguyệt lí quần

tiên” vừa múa vừa hát theo điệu “lộng nguyệt vũ” tức là múa vờn trăng vậy.

Ôi chao, người ta cứ đả kích các cái “sô” và khích động nhạc bây giờ: tội quá. Âu Mỹ, tổ sư lỗi vũ nhạc ấy, bất quá cũng chỉ là những kẻ nổi gót Hậu Chủ mà thôi! Đêm thu, trăng sáng, Trần Hậu Chủ cho bày tiệc yến rồi đích thân dẫn ban “Nguyệt lí quần tiên” ra trình diễn, ả nào ả nấy chỉ khoác ngoài một cái áo dài màu lụa bạch để vừa múa vừa thoát y... rồi thốn thà thốn thiện đến trước mặt Hậu Chủ để trình... ngự duyệt.

Tương truyền các ả trong ban “Nguyệt lí quần tiên” đều vui vẻ trình thân như các người đẹp “xếch

xy” bây giờ, duy có một người đẹp
rút rè không chịu tiến lại gần nhà
vua.

Nhân lúc đó chất men đã bốc,
Hậu Chủ chạy lại ghì chặt lấy cô
ta, xé cái áo dài lụa bạch ra để...
soạng làn da mát rượi mỗi lúc mỗi
trắng, mỗi lúc mỗi trong hơn và
sáng hơn. Nhà vua cười ha hả:

– Chao ôi, trăng cũng đa tình!
Không thể, sao mỗi lúc mỗi sáng
hơn lên như vậy?

Rồi ngâm vang bốn câu thơ
dưới ánh trăng:

Nguyệt diệc đa tình thậm

Chiếu thử ôn nhu hương

Duy ngô đắc chung lão

*Lao nguyệt phí quang mang
Về sau, có người tạm dịch:
Gớm cho trăng cũng đa tình,
Này nơi êm ấm cũng rình sáng soi;
Suốt đời riêng một ta vui
Trăng soi tỏ lảm cũng toi công mà!*

Sách xưa chép rằng: sau khi ngâm xong bốn câu thơ trên, Hậu Chủ buông tay ra thì người con gái lăn xuống đất, không động đậy. Thì ra người đẹp bị hôn quân nắm chặt, sợ và hổ thẹn không chịu được, đã tắt thở từ lúc nào rồi.

Các phi tần hoảng hốt tâu lên Hậu Chủ thì đức vua lè nhè truyền cho thái giám khiêng bỏ xác chết xuống sông. Nhưng cũng chính

giữa lúc ấy thì lửa sáng lòe ở hoàng thành, tiếng hò hét, tiếng đao kiếm vang lên như sấm dậy: quân nhà Tùy chiếm được hoàng cung và bủa vây tứ phía để tìm bắt tên vua dân dật.

Hậu Chủ chui trốn vào một bụi rậm, chờ lúc nửa đêm về sáng, thừa khi có mây che khuất mặt trăng, bò ra một cái giếng ở hậu cung, đâm đầu mà chết.

Cái chết không mấy gì đẹp, điều đó ai cũng thấy; nhưng nghĩ cho cùng thì cũng tội cho Hậu Chủ vì tội có phải riêng của Hậu Chủ đâu. Ai bảo trời thu đẹp nào nùng, buồn se sắt; ai xui gió thu biêng biếc nổi sầu hắt hiu; ai làm cho ánh trăng thu mượn mượn như nhung để cho

người đa cảm thấy tâm hồn phơi phới, thấy lòng tê tái, thấy thêm ân ái?

Nằm ở trên cái lầu cao nhìn ra cuối dòng sông có khói tỏa mờ mờ, người chồng tưởng như thấy trong lúc bóng giăng lồng bóng nước thì cả bầu trời rền rĩ lên khe khẽ, thương thương, y như thể tiếng rền rĩ thương thương, khe khẽ của người vợ nằm trong vòng tay của người chồng triu mến.

Gió lay động bức màn mỏng nơi cửa sổ. Xa xa, ở trên con đường dọc mé sông, có những bóng đèn trẻ con đi rước tháng Tám phản chiếu xuống nước trong vẩn vắt. Im, để mà nghe! Anh có thấy gì không?

Anh chỉ nghe thấy có tiếng thở

của trắng và tiếng tim em đập mạnh như một con chim bé nhỏ.

Không. Còn gì nữa, anh không thấy à? Thỉnh thoảng cùng với gió may ở bên kia sông đưa lại, có tiếng hát trống quân. Thôi phải rồi, mình ở thành phố lâu ngày không nghe hát trống quân, mà Trung Thu không có tiếng hát trống quân không được. Em là con gái Thuận Thành ở Bắc Ninh vốn là đất nổi tiếng về hát trống quân và quan họ. Đã lâu lắm, em không được nghe một đêm trống quân nào “gia dụng”, thế nào tối rằm này, chúng ta cũng phải sang Gia Quất xem hát, anh có chịu không?

Chịu chứ. Và anh chịu luôn các cụ nhà ta sao mà tâm lý thế, lại khéo

biết lấy mùa này làm mùa cưới vợ, lấy chồng. Gió hiu hiu khêu gọi thế này, mà trời về khuya, lại hơi lạnh lạnh, trai với gái tốt đôi, thử hỏi còn có bài thơ nào đẹp hơn không?

Quan quan thư cưu...

Nằm xích nữa lại đây em, anh kể cho em nghe nốt bài thơ của cặp vợ chồng mới cưới...

Người vợ mỉm cười, mở rộng cửa sổ ra hơn một chút để cho ánh trăng tràn vào cả gian phòng. Đến lúc thiu thiu ngủ trên tay chồng, người vợ nói khe khẽ như trong mộng: “Nhớ nhé... thế nào chúng mình cũng phải đi nghe hát trống quân!”

Thương biết bao nhiêu, nhớ

không có cách gì quên được cái đêm Trung Thu năm ấy, hai vợ chồng quần quít tơ hồng, cùng dắt tay đi qua cầu Bồ Đề sang bên kia sông, vào trong một cái quán ngồi ăn miếng bánh đậu xanh, uống chén nước chè tươi, nghe hai tay tổ là Hai Mảo và cô Sinh ở Hưng Yên về hát đố nhau những câu hiểm hóc do Lí Xuyến ở Gia Lâm sang cầm trịch.

Từ khi lạc bước vào Nam, tôi không còn được đi xem một đám trống quân nào, trừ phi nghe vó vắn ở trên đài phát thanh, nên càng nghĩ đến cái đám hát đêm Trung Thu năm đó lại càng nhớ quá.

Thực ra, nói đến hát thì nhớ không biết bao nhiêu thứ: Phú Thọ

có hát xoan, hát ghẹo, Vĩnh Phúc có hát hội Rô. Bắc Ninh có hát quan họ và có biết bao nhiêu miền còn bao nhiêu điệu hát mê li nữa, như hát cửa đình có màu sắc tôn giáo, hát nhà trò ở các đám khao vọng, hát ca trù, hát văn, hát xẩm... nhưng không hiểu là vì vợ mình thích mà mình cũng thích lây hay tại một lí do nào không biết, tôi thích hát trống quân... không chịu được.

Tục truyền nghệ thuật hát trống quân có từ thế kỉ thứ mười ba, phổ biến lúc quân ta chống quân Nguyên. Khi nghỉ, quân ta ngồi gõ vào tang trống mà “hát sông” và “hát đôi”. Về sau, trong ngày tết Trung Thu, trai gái thường họp nhau dưới bóng trăng, trên bãi cỏ, trước sân đình, để hát trống quân

với nội dung đối đáp giao duyên, đề cao tình bạn, ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên đất nước.

Hồi cô Ba Sa Đéc, cô Tư Cần Thơ, cô Năm Vĩnh Long, cô Sáu Mỹ Tho, cô Bảy Đồng Xoài, mấy cô đã có bao giờ được xem tận mắt một đám hát trống quân chưa? Ngộ không để đâu cho hết, mấy cô à. Nhạc cụ của điệu hát này giản dị không chỗ nói: đàn kiềng, đàn nhị, đàn sến, tây ban cầm... hết thấy đều là đồ bỏ. Tất cả nhạc cụ chỉ gồm một cái hố sâu, có cái thùng bằng thiếc úp trên, trên thùng có một sợi dây kẽm dài chừng năm sáu thước căng giữa hai cái cọc. Cầm mảnh gỗ, gỗ khế một chút vào đầu dây, cái dây bật vào thùng phát ra một thứ âm thanh giòn giã nhịp theo tiếng hát:

Thình thùng thình!

Một đàn cò trắng bay tung,

Bên nam bên nữ ta cùng cất lên,

Cất lên một tiếng linh đình,

*Cho loan sánh phượng, cho mình
sánh ta...*

Hát trống quân thường mô tả niềm vui hồn nhiên của dân ta. Người hát phải biến báo, mau trí, sáng tác đột xuất để hát trả lời lại bên kia, có khi nghiêm nghị, có khi trào phúng, nhưng bao giờ cũng phải giữ thái độ thanh nhã, khiêm nhường, thua thì chịu thua chớ không được tỏ thái độ cục cằn thô鄙, nói thánh nói tướng, đề cao mình, hạ thấp địch.

Tôi nhớ đêm ấy Hai Mảo đã hát
một câu hóc búa để hạ phe Sinh:

Thình thùng thình!

Tiếng đồn thực nữ đại tài,

*Bây giờ anh hỏi một lời phân
minh.*

Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,

*Bốn phương phẳng lặng hai
kinh vững vàng,*

Tài hoa ma mọi già gan,

*Hỏi rằng tên họ anh chàng ở
đâu?*

Tuy biết nhiều câu đố hiểm hóc,
nhưng chỉ thuộc những vật dụng
hằng ngày, chớ không biết nhiều
điển tích, Sinh không thể nào giảng

được. Dưới ánh trăng rằm, khán giả thấy mặt nàng đỏ ửng lên... Nhưng chẳng lẽ ngồi im? Nàng đành phải nhượng bộ, xin Hai Mảo giảng giùm:

Một lòng như ý sở cầu

*Xin chàng nói lại trước sau sự
tình*

Thình thùng thình!

*Hai Mảo nhìn Lí Xuyên cầm
trịch một cách hả hê và giăng:*

Thình thùng thình!

Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,

*Bốn phương phẳng lặng hai
kinh vững vàng,*

Họ Lương tên gọi Thạch An,

Triều vua Gia Tĩnh rõ ràng tài
hoa,

Thật là trong ngọc trắng ngà,

Thấy mình không biết giảng ra
mấy lời.

Đôi ta cùng một làng chơi,

Thấy em thực nữ trả lời cũng
xinh,

Bây giờ lại hỏi phân minh,

Tài hoa ngỏ hết sự tình anh hay.

Ở đời một giống lạ thay,

Đêm đêm hí nguyệt ngày ngày
có thai.

Thình thùng thình!

Những tiếng “thình thùng

thình” cứ nhắc đi nhắc lại mãi câu đố của Mão làm cho Sinh càng rối ruột. Biết làm sao bây giờ? Sinh nhất định không chịu nhục vì Sinh vẫn khinh Mão ra mặt, thường giễu Mão què.

Nhưng tiếng “thình thùng thình” mỗi lúc thêm giục giã. Mà cái phép hát trống quân lại không cho người ta giờ giọng cục cằn liều lĩnh.

Rút cuộc, Sinh lại đành phải xin hàng vậy; xin hàng như vậy có lợi vì giữ được thể diện với công chúng và mặt khác thì lại được chia giải thưởng, chớ giờ mặt liều thì chẳng được xơ múi gì.

Sinh cúi mặt hát:

Thấy chàng tôi bốn cột chơi,
Thi gan mới biết là người tài
hoa.

Chấp chi bồ liễu đàn bà,
Giữ gìn cho vững bông hoa trên
cành.

E khi sóng gió bất bình,
Đành thân phận thiếp, ngại
danh giá chàng.

Ấy mới tài, ấy mới gan,
Xin chàng tỏ lại rõ ràng thiếp
hay.

Có thể chứ! Cái công tu luyện
của Mỗ không phải là vô ích. Thấy
Sinh hạ mình xin lỗi, Mỗ thấy nao
nao trong lòng. Bèn hát:

*Hay, hay, hay thực là hay,
Làng nho có lẽ chịu tay bọm già,
Thuyền duyên rõ mặt tài hoa,
Nếu nàng đã chịu thì ta cũng lờ.
Cát đẳng thuận nẻo gió đưa,
Chấp chung tần tảo sớm trưa
tùy lòng.*

Sinh đáp:

*Sâm thương đã vẹn chữ đồng,
Biết người, biết mặt, biết lòng
làm sao?*

*E khi chiếc bách ba đào,
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi
may.*

Sắt cầm hồ đã bén dây,

Thiếp xin thưa lại câu này vui chung.

Hai chữ “vui chung” của Sinh có ý nghĩa xin chia giải với Mão, nhưng sợ người cầm trịch không nghe, nàng liếc Lí Xuyên một cách tình tứ rồi hát:

Đây nhiều tài tử anh hùng,

Biết rằng lòng có chắc lòng cho ai.

Sợ khi ép trúc nài mai,

Thế trong dù lớn hơn ngoài khó phân.

Vụng hèn nhờ lượng đại nhân,

Tùy lòng giải cấu xử phân được nhờ.

Lí Xuyến hiểu ý, trông Sinh mà cười. Ông phê vào tờ giấy cầm trịch cho nàng ngang khuyên với Mão.

Nhưng sau Trung Thu năm đó, Sinh không đi hát giải nữa. Cô đã trở thành bác Mão gái; còn Mão què, xong vụ giết giải ở Gia Quất rồi cũng bỏ nghề, xếp một chỗ ngồi ở đền Mậu Dương đoán thẻ cho các bà các cô đi lễ.

Đau nhất là trong khi thiên hạ ca khúc bạc đầu như thế thì ba năm sau đó, vào một ngày cách mạng bùng nổ mùa thu, vợ chồng mình lại ngâm câu li biệt. Đó chính là cái năm mà chính lúc vợ chồng đi lễ giao thừa đền Ngọc Sơn thì cầu Thê Húc gãy. Điềm xui xẻo đó ai ngờ lại vận vào mình cho đến cuối

năm, rồi từ đó cứ kéo lê thê mãi như lời thơ “Chinh phụ hành”:

Thập bát giá lang quân,

Thập cửu lang quân xuất,

Nhị thập, bất qui lai,

Kim niên nhị thập nhất.

Mà sau này có nữ sĩ dịch là:

Mới năm mười tám lấy mình,

Mà năm mười chín dứt tình ra đi.

Hai mươi, mình vẫn chưa về,

Giờ hai mươi một trăng thề còn soi!

Cái thời buổi loạn li tạo nên bao nhiêu là biệt li. Nằm ở miền Nam

vắng trắng mà chỉ thấy hỏa châu,
không có tiếng trống quân mà chỉ
nghe toàn tiếng súng, không biết
làm gì để giết cái vô liêu, người
chồng bây giờ chỉ còn biết trèo lên
trên lầu, cầm li rượu nhìn ra bóng
đêm mịt mù, ngâm câu thơ “Thú
cổ đoạn nhân hành”:

*Sưu không trống giục người xa,
Thu về cánh nhận bay qua gợn
sầu.*

*Đêm nay sương trắng bắt đầu,
Cố hương hắt cũng một màu
gương nga.*

*Mấy em tan tác không nhà,
Tử sinh nào biết đâu mà hỏi han.
Thư đi không thấu dặm ngàn,*

Bên trời huống lại chưa tan nửa bình.

Nửa đêm về sáng, trăng xuống thấp chỉ còn cao bằng ngọn tre thì cũng lúc ấy người tương tư cố hương cũng say khà. Hà, sáng mai đây, cuộc đời lại tiếp diễn, cả thế giới lại thi nhau kêu gọi hòa bình và chưa biết chừng lại có người tự thiêu “vì hòa bình, cho hòa bình”. Nhưng hòa bình bao giờ tới? Hòa bình đi có còn trở lại không?

Người xa nhà không muốn nghĩ lôi thôi gì nữa, vì hy vọng sống để trông thấy hòa bình và trở lại cố hương, nhìn lại cố hương một chút trước khi nhắm mắt, mỗi ngày mỗi nhạt đi mất rồi.

Cái thời buổi li loạn này, tiến

bộ đến tột bực, có đâu lại như thời Thiên Bảo được. Cuối thời Thiên Bảo, An Lộc Sơn nổi loạn, chiếm kinh thành Tràng An. Vua Huyền Tôn phải chạy vào Thục. Sau, Hoàng thái tử lên ngôi ở đất Linh Vũ, hiệu là Túc Tôn.

Bấy giờ Đỗ Phủ ở Khương Thôn (Lộc Châu) cùng với gia quyến. Nghe tin tân quân mới tức vị, nhà thi sĩ từ biệt vợ con, trốn đến nơi hành tại. Chẳng may giữa đường, ông bị giặc bắt và bị kệt mấy tháng trời. Mãi sau, Đỗ Phủ mới trốn được về Linh Vũ. Túc Tôn phong cho ông chức Tả thập di, giữa khi ở nhà, vợ con ông cùng quần, đến nỗi có vài con nhỏ chết đói. Túc Tôn cho phép ông về thăm nhà:

Mặt trời xế về Tây,
Núi cao cao vút, sắc mây ửng
hồng.
Kim ô chìm xuống mặt đồng,
Thấy ta, cái sẻ reo mừng ngõ
gai,
Ta từ ngàn dặm xa xôi,
Về quê hương cũ với người thân
yêu.
Vợ con sững sốt nhường bao,
Lạ rằng “người ở nơi nào lại
đây?”
Định thần lau mắt lệ đầy,
Lầm than, kể lại những ngày ra
đi...

*Loạn li, trôi dạt một thì,
Ra đi, đâu hẹn ngày về hôm nay.
Đầu tường, hàng xóm tới đây,
Nghẹn ngào cùng vị thân này
cảm than.
Cầm đèn quên cả đêm tàn,
Nhìn nhau còn tưởng mơ màng
thấy nhau.²*

Bây giờ sống trong chiến tranh
“mốt” mới, ai đã từ biệt vợ con
để ra đi lại còn dám nuôi hi vọng
được ngâm lại bài “Khương Thôn”
như Đỗ Phủ? Hoạ chẳng chỉ thấy
cố hương trong giấc mộng hay
là mượn bóng trăng để gửi mối

² Vì tác giả lúc chép thơ chỉ dựa vào trí nhớ nên không ghi tên được tác giả và dịch giả.

tương tư hoa vàng về chốn nghìn
dặm quan sơn.

Tiếng chim xào xạc bên đồi.

*Giật mình lại ngỡ tiếng người
dưới hoa,*

Đường xa, rừng vắng, trăng tà,

*Khói lên nghi ngút thấy nhà ta
đâu!*

Trăng thu, mây thu, gió thu ơ,
trăng đẹp quá, mây cao quá, gió
buồn quá, người nhớ nhà van xin
với trăng đừng đẹp quá, mây đừng
xanh quá, gió đừng buồn quá, vì
càng đẹp, càng xanh, càng buồn thì
người xa nhà lại càng nhớ day dứt
đến phong vị Giang Nam, không có
cách gì khuây khỏa được trăm sầu
nghìn giận.

Đó cũng là lời nguyện ước của cô gái còn son nhớ chồng đi lính trong khi chiến cuộc vẫn lan tràn, sen tàn rồi sen lại nở bao nhiêu lần mà người thương vẫn đi biên biệt không về:

Từ ngày chàng ra ải quan,

*Mình em với bóng trăng tròn lẻ
loì.*

Trăng đừng tròn mái hiên ngoài,

*Xin trăng hãy vỡ làm hai mảnh
lòng.*

Mảnh thì rơi xuống cô phòng,

*Mảnh gài ngọn ải cho chồng em
soi.*

Đến gần sáng, gió may làm
rụng mấy cái lá biệt li cuối cùng
trên mặt đường hanh hao xào xạc.

Người mắc bệnh tương tư uống
thêm một li rượu thật đầy, cho thật
say, rồi lên giường nằm thiêu thiêu
giấc hồ. Trăng khéo trêu người,
nào có chịu thôi, lại chiếu vào cái
giường xô lệch một nửa trăng (là
trăng) để đó, một nửa giường để
đó (để đó) chờ ai...

Vũ Bằng

VĂN số 186

Số đặc biệt: ĐÔNG HỒ



giới thiệu

MỘT CÁCH BUỒN PHIỀN

tập truyện LÊ VĂN THIÊN

bìa NGỌC DŨNG — 130 trang —
giá 70 đồng

QUÊ HƯƠNG LƯU ĐẦY

truyện dài HOÀNG NGỌC HIỂN

bìa NGUYỄN TRUNG — 176
trang — giá 120 đồng

NỖI BUỒN ƯỚC VỌNG

tập thơ HOÀI TUYẾT TRANG

bìa DUY THANH — 64 trang —
giá 100 đồng

Muốn mua xin gửi đúng giá sách, bưu phiếu hoặc tem thư gửi theo lối bảo đảm, về ông Nguyễn Đình Vượng, số 38 đường Phạm Ngũ Lão, Sài Gòn, kèm theo tên họ và địa chỉ rõ ràng. Sách sẽ được gửi bảo đảm tới bạn ngay. Cước phí sẽ do VĂN trả.

Các tỉnh: Đà Nẵng, nhà sách Lam Sơn; Huế, các nhà sách lớn; Qui Nhơn, nhà sách Khánh Hưng; Nha Trang, nhà sách Huy Hoàng; Ban Mê Thuột, nhà sách Văn Hóa; Mỹ Tho, nhà sách Do Quang; Vĩnh Long, nhà sách Minh Trí...

Nguyễn Đình Toàn

Cửa sổ mở ra đường

ĐÊM TRONG MỘT KHU PHỐ
SÀI GÒN.

Các rạp hát, tiệm cà phê, ngân
hàng đã đóng cửa.

Phố vắng.

Trên hè phố một người đàn ông
cầm cúi bước về phía đầu phố nơi
ngọn đèn giao thông tự động vẫn

còn đang nhấp nháy. Người đàn ông, độ năm mươi tuổi, mặc dù còn khỏe mạnh, nhưng vẫn không giấu được vẻ già nua bắt đầu. Ông ta mặt vuông, để tóc chùm gáy, có ria mép, cách ăn mặc có vẻ một người giàu có.

Tới ngã tư, người đàn ông ngó xe rồi lặng lẽ băng qua đường.

Công viên trước tòa Đô Chính.

Bể nước không còn phun nước.

Trên chiếc ghế đá trong công trường Lam Sơn, một người cảnh sát mặc áo mưa ngồi co ro, mặc dầu trời không mưa.

Bức tượng Thủy Quân Lục Chiến in một cái bóng lớn xuống bãi cỏ.



Mấy ngọn đèn đường soi rõ một lớp sương xanh biếc tỏa mờ cả khu phố, trên mặt nhựa.



Một vài chiếc xe hơi chạy nhanh

qua con đường rộng trước trụ sở Quốc Hội.

Tiếng chân người đàn ông vang đều trên lề đường bỗng im bật.

Ông ta dừng lại bên một chiếc DS đen, đậu nối đuôi với vài chiếc xe kiểu khác sát lề đường.

Người đàn ông bị xúc động thấy rõ. Ông ta lần túi lấy thuốc lá, một chiếc bật lửa gaz bằng vàng, quẹt lửa, châm hút, thở khói, mắt không rời khỏi chiếc xe.

Sau đó ông ta quay đầu nhìn quanh quần các dãy lầu ngay trên đầu và phía bên kia đường, xa hơn nữa khách sạn Caravelle với những căn phòng còn thắp đèn sáng sau những tấm màn che màu hồng, màu xanh nhạt và màu mỡ gà.

Ông ta nhìn lại một lần nữa những căn lầu ngay trên đầu.

Chỉ còn một căn phòng lớn ở phía góc đường, trên tầng thứ ba còn đèn sáng; Một vài căn khác của số còn mở, nhưng tất cả đều tối đen.

Những căn lầu trên dãy bên kia đường hầu hết không còn một tia đèn lửa nào trừ căn lớn nhất trên thượng tầng, nhưng tất cả các cửa sổ, đứng từ chỗ người đàn ông ngó thấy, đều đóng kín, ánh sáng nhìn thấy sau những tấm kính là ánh sáng vàng của những ngọn đèn tròn chứ không phải ánh sáng trắng của những ngọn đèn ống.

Tất cả những gì người đàn ông nhìn thấy có lẽ chẳng giúp gì cho

cái điều ông ta muốn tìm kiếm cả.

Ông ta nhắc điều thuốc lá ra khỏi môi rồi lại đặt trở lại.

Ông ta có dáng một nửa muốn bỏ đi một nửa muốn ở lại bên chiếc xe vẽ chưa thể quyết định.

*

Trong khi ấy trên một tầng lầu, một người đàn bà mặc âu phục sang trọng giờ tay mở một cánh cửa sơn màu sữa. Trên ngón tay người đàn bà, chiếc nhẫn hột soàn phản chiếu ánh đèn sau lưng óng ánh sáng.

Một bàn tay đàn ông nắm lấy tay người đàn bà đã để trên chốt cửa.

Bàn tay người đàn bà buông lỏng ra, và người đàn bà ngã người về phía sau, lọt vào lòng người đàn ông.

Người đàn bà độ ngoài ba mươi.

Người đàn ông còn rất trẻ, chỉ mới độ hai mươi, một cậu con trai. Người con trai rúc đầu vào cổ người đàn bà say đắm.

Người đàn bà nói:

– Nào thôi để tôi về.

Người con trai vẫn mãi mê hít hà quanh cổ, tai, má và trên môi người đàn bà.

Ở đằng sau họ, một chiếc giường chần gối xô lệch. Chiếc gạt tàn thuốc để dưới sàn đầy tàn thuốc.

Trên bàn ngủ một lọ hoa bỏ không.

Người con trai hỏi:

– Hôm nào em trở lại?

Người đàn bà nhẹ nhàng gỡ tay người con trai, mở cửa, không trả lời câu hỏi, bước ra ngoài hành lang.

Người con trai theo người đàn bà.

Tới thang máy hai người đứng dừng lại. Người đàn bà đưa tay bấm nút điện, thang từ dưới chạy lên, nàng mở cửa, bước vào. Trước khi đóng cửa, người đàn bà nhòai người hôn người con trai.

– Ngủ đi.

- Nhưng bà chưa nói.
- Nói gì?
- Bao giờ bà sẽ trở lại.
- Tôi sẽ trở lại.

Người đàn bà bấm chiếc nút có khắc chữ R.

Nàng có vẻ không muốn kéo dài cái cảnh lưu luyến.

Người con trai đứng vịn tay vào những chiếc song sắt, nhìn theo chiếc thang máy đang từ từ tụt xuống thấp. Hình dáng hảnh giống như một con khỉ ở trong chuồng, giống như một người tù.

Trong thang máy, trong ánh sáng mờ của ngọn đèn chiếu qua

tấm kính đục trên đầu, người đàn bà mở ví soi gương.

Nàng vội vã đóng ví lại, đứng tựa lưng vào thành gỗ sau lưng.

Hai hàng lông mày chau lại trên hai con mắt đẹp, tô hơi xanh.

Người đàn bà có một vẻ bất an thấy rõ.

Thang máy dừng lại ở tầng cuối cùng.

Người đàn bà mở cửa bước ra.

Hành lang Eden.

Một tấm lưới sắt lớn đã được hạ xuống ngang lối đi, làm cửa đóng hành lang.

Người đàn bà lách mình sau chiếc cột tròn lớn, ngách đi nhỏ còn sót, đi ra đường,

Nàng dừng lại bên chiếc xe DS đen người đàn ông vừa đứng nhìn lúc nãy.

Người đàn ông không còn đứng đó.

Một con chó ghéch mũi người chiếc lốp xe.

Người đàn bà mở ví lấy khoá mở cửa xe, bước vào, đóng lại. Nàng bật công tắc, ngó mình trong tấm gương chiếu hậu.

Nàng nghiêng đầu ngó ra ngoài cửa xe để lùi xe.

Chiếc đèn đỏ ở sau xe bật sáng
làm con chó giật mình.

Người đàn bà ngó sát bóng
mình trong gương và tự “hừ” một
tiếng với bóng mình.

Nàng cho xe chạy.

Con chó đứng ngó theo chiếc
xe, ve vẩy hai cái tai, sau đó nằm
xuống chỗ đang đứng.

Chiếc xe lượn vòng bên nước
trước tòa Đô Chính, chạy dọc theo
công trường Lam Sơn.

Người đàn bà nhìn về phía
người cảnh sát đang ngồi gác.

Viên cảnh sát đang quẹt diêm
châm thuốc là hút.

Y giữ nguyên thế ngồi cũ.

*

Người con trai từ chỗ cửa thang máy trở về phòng.

Hắn mở cửa, bước vào, đóng cửa lại, đứng tựa lưng vào cánh cửa nhìn căn phòng.

Chăn nệm bừa bãi một chiếc gối rớt dưới sàn, cạnh đó một ly rượu đã cạn, trên bàn ngủ, một chiếc ly khác cũng đã được uống hết.

Hắn nhớ lại mấy tiếng đồng hồ vừa trải qua với người đàn bà.

Rượu. Khoái lạc. Thân thể người đàn bà đầy tròn, làn da mịn màng, chiếc khăn tắm che một phần người nàng từ trong phòng

tầm bước ra, dáng điệu lúc nàng quần quanh cổ hần, nàng nhắm mắt cắn chặt hai hàm răng, nàng có lối hưởng thụ khiến hần muốn làm tăng sự khoái lạc cho nàng chứ không phải cho hần.

Hần cảm thấy tim bóp lại trong ngực.

Hần bỏ ra và trườn xuống phần thân thể tuyệt diệu nhất của người đàn bà.

Nàng oằn oại.

Nàng xiết chặt tay hần.

Khi vòng tay nàng nói lỏng dần ra, hần bỗng rùng mình.

Nàng mở mắt nhìn hần, đôi mắt đen sâu, đang dần dần lấy lại

vẻ bình thường sau cơn thất lạc vì dục tình.

Cùng với đôi mắt mở lớn của người đàn bà, đôi mắt người con trai cũng mở lớn nhìn lại căn phòng với những dấu vết tan hoang.

Hắn trải lại tấm khăn trải giường.

Hắn nhặt những chiếc ly xếp lại một chỗ.

Hắn úp mặt vào chiếc gối trên đó có một vết son môi và mấy sợi tóc rụng.

*

Trong phòng ngủ sang trọng, có hai chiếc giường nhỏ.

Người đàn ông đứng bên chiếc DS hồi nãy, trong bộ đồ ngủ còn nằm đọc báo.

Người đàn bà mở cửa phòng bước vào.

Người đàn ông buông tờ báo ngừng lên nhìn người đàn bà.

Người đàn bà vừa nói vừa đi tới trước tấm gương.

– Hôm nay mình về sớm?

Nàng tháo những đồ trang sức, tự ngắm mình trong tấm gương, nhìn bóng người đàn ông sau bóng mình.

Người đàn ông tiếp tục đọc báo.

Ông lấy ống điếu ra khỏi miệng, gõ tàn vào chiếc gạt tàn trên bàn

ngủ, dùng chum đồ dùng mạ kền sáng loáng nạo, ngoáy, tiếp tục gõ tòn vào cái gạt tòn.

Trong căn phòng chỉ có tiếng sột soạt của người đàn bà thay đổi y phục và tiếng chiếc ống điều gỗ trên cái gạt tòn bằng thủy tinh dày do người đàn ông gây ra.

Người đàn bà vào phòng tắm, mở máy nước nóng tắm.

Nàng xoa nhẹ cục xà bông màu hồng trên khắp thân thể chỉ còn che bằng một lớp khói mờ.

*

Người đàn ông trở dậy xỏ chân vào đôi dép vải, đi lại phía tủ rượu, lấy rượu uống.

Ông cầm ly rượu bước lại trước bàn phấn, đứng vào vị thế người đàn bà vừa đứng soi gương yên lặng nhìn ngó những đồ trang sức người đàn bà vừa tháo ra để đó: đồng hồ, nhẫn, vòng.

Người đàn ông chói mắt vì một tia sáng hắt từ viên kim cương trên chiếc nhẫn của người đàn bà. Ông ta tưởng tượng ra những cảnh cử động của cái tay đeo nhẫn của người đàn bà trong đó có một cảnh giống hệt như lúc người đàn bà mở cửa phòng người con trai.

*

Người đàn bà từ trong phòng tắm ra, lại ngồi trước gương chải đầu.

Người đàn ông yên lặng ngắm người đàn bà.

– Mình về lúc mấy giờ?

– Mới.

– Công việc ra sao?

– Họ đã chịu giá xong xuôi cả. Nhưng bọn T.V. muốn giăng một cái bẫy.

– ...?

– Chúng nó đã biết sẽ không thâu nổi vụ này nhưng vẫn vận động rời cho người đi bỏ giá.

– Nó định bắt chẹt mình trong việc chuyển vận?

– Đúng thế. Nó đã ăn cánh với bọn chủ tàu, chủ xe.

– Mình đã liên lạc được với bà X. chưa?

– Em đi với bà ta tối nay.

Người đàn ông cúi xuống quàng tay quấn quanh cổ người đàn bà, ghé hôn trên mái tóc, trên chiếc cổ trắng đầy.

Người đàn bà nhắm mắt, ngửa mặt, rùng mình.

Nàng ngừng tay chải tóc.

Người đàn ông đứng thẳng trở lại trong dáng điệu cũ, uống nốt ly rượu.

Người đàn bà tới bên chiếc giường của mình, cúi xuống cầm lên một tập hồ sơ để sẵn trên mặt bàn ngủ, mở ra coi qua loa.

– Sao khuya rồi anh còn uống rượu?

Người đàn ông cúi nhìn ly rượu cầm trong tay, mắt ông ta thoáng một nét buồn, cái vẻ mặt tương tự lúc ông ta ngừng lại bên chiếc xe móc túi kiểm thuốc châm hút.

– Mình sẽ giải quyết về vụ chuyên chở này ra sao nếu xảy ra vài chuyện trục trặc.

Người đàn ông nhếch mép cười:

– Dầu sao sức chịu đựng của chúng vẫn nằm ở trong vài cái ngân hàng.

– Anh phải biết bọn ấy không phải tay vừa.

– Nhưng đây là một vụ cứu trợ,

trước sau mọi việc rồi cũng sẽ phải được giải quyết dưới nhãn hiệu từ thiện.

Người đàn bà nhún vai, lấy chiếc kính trắng trên bàn ngủ, đeo lên mắt; tay cầm chiếc bút chì màu chăm chú theo dõi một tờ giấy đầy chữ đánh máy trong tập hồ sơ.

Người đàn ông ngó người đàn bà.

Một lát ông ta nói:

– Em sang với anh chứ?

Người đàn bà ngưng đọc, gỡ cặp kính cầm ra tay nhìn sang giường bên này đáp:

– Hôm nay em mệt.

Người đàn ông uống cạn ly rượu:

– Lúc này anh có nhìn thấy xe em ngoài phố.

Nàng không nói gì.

– Anh định chờ em cùng về. Nhưng...

Người đàn bà lắc đầu, vội vã với bao thuốc lá để bên cạnh chiếc gạt tàn trên bàn ngủ, quạt lửa châm hút, thở mạnh khói. Cái nắp bật lửa được đóng lại tạo một tiếng kêu khô.

Nàng gập tập giấy lại nói:

- Chờ em làm gì?

Người đàn ông ngược nhìn người đàn bà.

Cả hai người vẽ mặt đều thoáng
vẽ u ám.

Người đàn bà rít mạnh thêm
một hơi thuốc lá rồi đập điều thuốc
vào trong cái gạt tàn.

Điều thuốc thun lại như con
sâu.

Nàng nằm xuống giường với
tay tắt ngọn đèn ngủ, xây lưng lại
phía người đàn ông, ngó ra ngoài
cửa sổ.

Bên ngoài đêm đã khuya.

Sương mù.

Những cành cây khẽ lay động
trong gió.

Những vì sao lấp lăm sáng sau

làn mây mỏng, sâu, giống như một chiếc khăn tay ướt.

Người đàn ông để chiếc ly không xuống bàn ngủ, cầm lại tờ báo vút bên cạnh tiếp tục đọc.

*

Trong phòng làm việc của người đàn bà.

Ba người đàn ông và người đàn bà ngồi quanh một chiếc bàn tròn.

Người đàn bà nói:

– Bác cho tôi biết về giá cả mấy chiếc xà lan?

Người đàn ông thứ nhất nói:

– Công ty đã mua được cả ba chiếc. Trên nguyên tắc mình có

quyền ưu tiên thuê lại. Tạm thời
hãy dùng để chở xăng.

Người đàn bà nói:

– Còn chở thứ khác?

Người đối thoại trả lời.

– Tiền sẽ được trả gấp năm.

Nhưng équipage[équipage thủy thủ đoàn.]
rất khó thành lập.

Người đàn bà:

– Khó, nhưng liệu có làm được
không?

Người đàn ông:

– Bảy mươi phần trăm.

Người đàn bà:

– Trong bao nhiêu ngày thì bác có thể cho tôi biết kết quả?

Người đàn ông:

– Bất cứ lúc nào bà muốn. Trường hợp thành lập được tôi sẽ bảo cho bà biết ngay.

*

Người đàn bà quay sang người đàn ông thứ hai.

Người đàn bà nói:

– Vụ gạo ra sao ông?

Người đàn ông thứ hai nói:

– Mười hai giờ trưa mai sẽ có kết quả vụ đấu thầu.

Người đàn bà:

– Họ có cho người điều đình gì với mình không?

Người đàn ông thứ hai:

– Không.

Người đàn bà:

– Mười giờ sáng mai ông gặp tôi, tôi sẽ cho biết giá cao nhất mình sẽ bỏ.

*

Người đàn bà quay sang người đàn ông thứ ba:

– Còn ông?

Người đàn ông thứ ba giở một tập hồ sơ để trước mặt coi lại giấy trước khi nói:

– Tất cả mọi nỗ lực của công ty

là thầu được việc cung cấp nước ngọt để lọc dầu, khi mỏ dầu bắt đầu được khai thác.

Người đàn bà nói:

– Việc đó phải được coi là mục tiêu chính của công ty trong tương lai. Ông phải liên lạc thường xuyên với tôi mỗi khi có tin gì mới.

Người đàn ông:

– Trong buổi họp hàng tuần, thứ hai tới, có thể có thêm vài chi tiết cụ thể.

Nhóm nhân viên đứng dậy ra khỏi phòng.

*

Còn lại một mình người đàn bà trong căn phòng.

Nàng mở ngăn kéo bàn làm việc lấy thuốc lá châm hút. Nàng thở khói và chột ngó ra ngoài cửa sổ.

Trời đổ mưa từ lúc nào.

Người đàn bà đứng dậy, nàng đi lại phía cửa sổ, kéo một góc tấm màn che nhìn xuống đường.

Trời mưa lớn. Cả khu phố chìm trong một màn nước âm u. Những trận gió thổi lướt trên các hàng cây chỉ còn nhìn thấy như những cái bóng đen.

Trên bầu trời ướt sũng hơi nước, thỉnh thoảng những tia chớp ngoằn ngoèo xẹt lên.

Phố vắng. Một vài chiếc xe chạy mau về phía cuối phố làm nước bắn tung toé.

Người đàn bà bỗng nhận ra ở phía xa, dưới một gốc cây lớn, cạnh mái hiên một khách sạn có một chiếc đồng hồ treo ở cửa, bóng một người nhìn đăm đăm lên phía cửa sổ nàng đang đứng.

Người đàn bà giật mình. Nàng cố nhìn rõ hơn cái bóng đang đội mưa đứng trông lên chỗ mình đứng đó và nàng nhận ra đó là người con trai.

Người đàn bà vội vàng buông tấm rèm đang cầm trong tay xuống.

Nàng thù người chưa biết quyết định sao, thì bỗng nghe tiếng chuông điện thoại reo.

Nàng bước vội về phía bàn giấy nhắc máy điện thoại lên nghe.

Nàng bị xúc động thấy rõ.

*

Người đàn ông gọi đây nói cho
vợ.

Chàng hỏi:

– Em đấy hả?

Người đàn bà:

– Vâng.

Người đàn ông:

– Anh hỏi xem em có sao không.
Hình như đêm qua em không ngủ.

Người đàn bà:

– Không sao. Em vẫn bình
thường.

Người đàn ông:

– Giọng em có vẻ mệt đó.

Người đàn bà:

– Mưa bất ngờ thành ra em cũng hơi khó chịu.

Người đàn ông:

– Trưa nay có lẽ anh không về được. Anh phải đi ăn cơm khách.

Người đàn bà:

– Vậy tối nay mình sẽ ăn ở T.N. Anh đợi em ở đó chừng 8 giờ rưỡi em tới.

Người đàn ông:

– Em...

Người đàn bà cúp máy. Nàng còn dùng dằng chưa nhấc tay ra khỏi chiếc máy.

Người đàn ông nghe tiếng máy cúp, lặng lẽ bỏ máy xuống.

Mặt ông thoáng vẻ tư lự. ông đưa tay bấm nút chiếc máy trên bàn và một người tùy phái ôm một chồng hồ sơ vào.

Họ nói với nhau một điều gì đó.

Người tùy phái ra khỏi phòng.

Người đàn ông làm một cử chỉ như xua đuổi những nỗi phiền muộn riêng, ám ảnh trong đầu, cúi xuống làm việc.

*

Người đàn bà lấy áo mưa trên móc trong góc phòng mặc lên người, mở cửa đi ra ngoài. Nàng xuống cầu thang, ra đường. Nàng

dừng lại trước mái hiên, nhìn mưa,
ngó về phía cuối phố, nơi người
con trai đứng.

Nàng giương dù băng qua
đường.

Trời mưa lớn.

Gió thổi ào ào trên hè phố.

Những hàng cây ngả nghiêng
trong gió.

Người đàn bà đi rảo bước về
phía người con trai.

Nàng đi tới trước mặt người
con trai và tiếp tục đi thẳng. Người
con trai đi theo.

Hai người yên lặng đi bên nhau;
không ai nói gì.

Tới đầu phố họ rẽ vào một con đường vắng.

Người đàn bà dừng lại, ngóng về phía xa có vẻ như muốn tìm một chiếc taxi.

Người con trai cũng đứng lại đăm đăm nhìn người đàn bà.

Nàng nói:

– Cậu điên hả?

Người con trai bảo:

– Bà không trả lời điện thoại.

Người đàn bà:

– Tôi đã nói trước, tôi không trả lời.

Người con trai:

– Tại sao bà xuống?

Không một chiếc xe nào ở cuối
tầm mắt người đàn bà. Phố vắng.
Mưa giăng một tấm màn trắng mờ.

Người đàn bà tiếp tục đi.

Người con trai đi liền bên cạnh.

Người đàn bà:

– Tôi đã nói...

Người con trai nắm chặt lấy
cánh tay người đàn bà.

Chàng nói:

– Em không biết...

Người đàn bà lộ vẻ khó chịu khi
người con trai nắm lấy tay mình.
Nhưng cuối cùng nàng vẫn đề mặc
cho hắn nắm.

Bước chân nàng thoảng một
chút rối loạn.

Người đàn bà nói:

– Cậu đừng theo tôi như thế.

Người con trai kéo bản người
đàn bà đứng khựng lại. Chàng
xoay người đứng chặn phía trước,
không để nàng bước tới nữa.

Trời vẫn mưa.

Người đàn bà bị giữ lại muốn
tỏ ý phần nộ

Nàng ngược mắt trông thẳng
vào mặt người con trai.

Hai người đứng gọn dưới chiếc
dù che mưa.

Đôi mắt người đàn bà bắt gặp

đôi mắt quá dịu dàng của người con trai. Khuôn mặt tiêu tụy trẻ thơ, đẹp, của chàng bỗng làm cho sự giận dữ trên nét mặt người đàn bà tan biến.

Người đàn bà nói:

– Cậu...

Nhưng người con trai không để cho nàng nói hết câu.

Chàng cúi xuống và bằng một cử chỉ rất nhanh và đầy say đắm, chàng hôn lên miệng người đàn bà.

Câu nói của người đàn bà bị chiếc hôn giữ lại.

Nàng vùng vằng kháng cự.

Nhưng vì một tay nàng nắm chặt mớ tóc đằng sau gáy người

con trai không thể kéo chàng ra khỏi chiếc hôn.

Bàn tay ở đằng sau gáy người con trai bỗng duỗi ra mềm yếu.

Người đàn bà đã nhập vào cuộc chơi.

Những giọt nước bám trên da mặt người con trai, rớt xuống, thấm qua mặt người đàn bà.

Đôi mắt người đàn bà nhắm sau rèm my dài cong.

Cái hôn kéo dài.

Miệng người đàn bà mở dần.

Có vẻ như nàng muốn nhả cái hôn ra.

Cũng có thể nàng không chịu nổi sự xúc động.

Nàng có một chiếc miệng xinh và một hàm răng trắng ngần. Hai chiếc môi mỏng thoa son, ướt dính nước bọt.

Người con trai bị đứt khỏi môi người đàn bà.

Trong cơn cuồng nhiệt chàng úp mặt, hôn trên má, trên cổ, trên vai nàng.

Hai người đứng trên vỉa hè, dưới những tàn cây, dưới mưa và bầu trời xám đục, chỉ còn là hai cái bóng.

Nguyễn Đình Toàn

BỮU Ý

Biển

*Tôi không nói gì lớn tiếng,
thế nhưng ngọn cỏ mong manh nhất
cũng hiểu được những âu lo,
cay đắng của tôi.
(KASSAK, thi sĩ Hung-gia-lợi)*

in buồn như đàn chim đen
từ góc trời bão tố lũ lượt
kéo về. Tôi cũng đã có khi nhìn lên
bầu trời và cảm thấy lòng không
an. Thử nghĩ: một biển mực tàu úp
chụp trên đầu, hay bỗng đâu một

vết màu, tím chẳng hạn, xa lạ, sống sượng, ín giữa đỉnh trời, hay một ngọn thiên kiếm nào cắt đôi một màn mây...

Sự còn lại nào cũng khơi dậy nỗi u hoài, bởi nhãn tiền đã đắm màu tang tóc. Một bầu trời về đêm lấm tấm ngân xa, một ngày biển nước trong... bắt trí tưởng vọt tới một bước hay vọt lùi một bước để ta chỉ còn hãi sợ cho nổi tàn tạ, chỉ còn hoài niệm những ngày đẹp qua; những cái đẹp kề cận đã bị ám, không còn được sống trọn vẹn. Đẹp chỉ là đẹp xưa, Ngay như bóng chim trên nền trời cũng như đang ngậm hoàng hôn gấp gấp tìm nơi trú ngụ; đó là hình ảnh của sống sót, nổi trôi. Cây cối, nhà cửa làm chứng tích cho tang thương. Trời

với Người đang đua trò sắp ngựa.

Nước thì xanh, bọt thì trắng,
ánh nước thì đủ màu khoác lác.
Trước cảnh huyền hóa của sắc
tượng, tôi hoàn hoàn thấy mình là
một món đồ chơi vô nghĩa của Vô
Thường.

Những buổi quang tạnh, biển
lồ lộ rạng rỡ như bức tranh vĩ đại
chói lòa ánh sáng. Và bởi thế, cũng
chính những lúc này, biển mất đi
những ngụ ý, ẩn dụ tiềm tàng, thăm
thăm, bất tận; ta chỉ thấy lòng
sáng lên ráo hoảnh không chỗ đậu;
buộc lòng đâm ra tiếc nuối một nỗi
niềm gì đã đắm sâu, đã ra khơi.
Nỗi vui dễ rơi vào sựong sùng, vì
đời làm sao dựng nổi cuộc vui lai
láng ngang bằng cái lai láng sống

động trước mắt. Tôi chỉ muốn vui mượn từ một cuộc đàn bày nào đó, từ một sự hình dung mập mờ nào đó trong trí tưởng để cho tôi nấn thành một lóe sáng tin yêu. Hay tôi hãy dỗ cho tôi buồn, buồn níu kéo những chuỗi buồn đã có mặt để neo mình đừng bay bổng.

Chỉ ở đây mới thị hiện song trùng biển nước biển mây như một cặp vằn vô tận và đầy uy tín của Thiên nhiên. Tôi khó lòng chỉ yêu người; cũng thế, người đâu dễ chỉ yêu tôi. Bởi biển dù lặng vẫn ngầm gầm cơn bão biển. Người với tôi đảo từng vòng gian nan trong đó. Nếu đánh đổi cảnh trí này lấy người yêu, cũng thiệt cho mình mà thôi. Nếu có người yêu, phải noi gương biển mà cầu xé, dày vò.

Người con gái xuất hiện ở biển chỉ đẹp một cách xác thật, làm sao đẹp bằng người con gái ảo. Tôi hiểu tại sao những kẻ yêu nhau dễ lời kiêu thúc trên bãi bể, mà sau đó vẫn dễ khóa lấp cho nhau những điều dĩ lỡ, coi đó như cơn mộng mị không còn biết xảy ra lúc nào trong thời gian.

Làm sao tôi có thể chỉ yêu em, bởi chính tôi không thể chỉ yêu tôi, tôi đang bắt gặp mình tán lác, nên tôi chỉ có thể Yêu, thế thôi, một cách vơ vào, nghìn vạn.

Giữa vùng ảnh hưởng hùng hậu của biển, phút gặp nào cũng bạc. Tôi đã buông tôi vào tung hoành vang vọng của hải triều âm. Tôi nghĩ rằng, tôi dự định rằng, tôi

mơ mộng rằng, tôi im lặng rằng. Một chuỗi trùng trùng, một chuỗi lưng chừng. Nhưng đừng quên giữa Xứ Sở Bao La luôn ngự vì Con Mắt Nhận Chân. Hãy đón ánh phản chiếu của con mắt đó, hãy đem nó vào lòng, như tặng vật quý báu của trùng dương tri kỷ.

Trời nước gió mây xoắn vó với nhau vô cùng khăng khít, liên kết với nhau bằng cái vô tận vượt sức con người, trong khi đó con người, từng đoàn từng lũ đứng ngồi, như một mớ chấm phết chưa sắp đặt trong cuốn thiên thư. Thỉnh thoảng xuất hiện một đốm tàu, một chiếc ghe ngư phủ làm gạch nối giữa người với xa khơi.

Muốn khỏi lạc nhịp, ta phải chuẩn bị ngay từ trước sự tham dự. Chuẩn bị mẫn mà cho da thịt và cơ mang trong lòng cơn say sóng không tan.

Bửu Ý

VĂN số 186

Số đặc biệt: ĐÔNG HỒ

trước đòi hỏi nồng nhiệt của hàng
ngàn bạn đọc chưa kịp mua đã hết

nhà xuất bản
NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG
tái bản lần thứ nhất



SỐNG CHỈ MỘT LẦN
truyện dài của **Mai Thảo**

2500 ấn bản mới, in đẹp hơn lần
trước đã phát hành trên toàn
quốc từ ngày 1 tháng 7 năm 1971

— đang bán tới ngàn thứ hai —
gần hết

Nguyễn Xuân Hoàng

Huế, chào buồn

Xin chào thành phố buồn
thiu, con sông lặng lẽ.

Xin chào trận mưa dầm dề, cơn
nắng chói chang.

Xin chào Bao Vinh phố hẹp nhà
đông thuyền bè đứt neo, tiếng động
ban đêm.

Xin chào những người bạn mà
ta đã gặp trên chuyến đi, những

đồng nghiệp mới quen, ngôi trường nổi tiếng, xin chào mùa thi, mùa hạ của Huế.

Xin chào những chiếc đò xếp lớp như cá mòi đóng hộp, một chút gió sông, một trời đen ám, một đêm lạ lùng.

Xin chào những đóa sen trắng nở thơm quanh hào Thành Nội, con đường bóng mát lờm chớm đá xanh dẫn đến ngôi nhà người họa sĩ trẻ đã một thời cùng ta chung học dưới một mái trường.

Xin chào bóng tối của những cây nhãn trong quán Ngự Viên, những giọt mưa phả ướt mặt ta trên đường về chỗ trọ, tối ám quạnh hiu.

Xin chào những cây me thở
diệp lục tổ nơi bạn ta đang ở mà ta
không đến được, xin chào nhà sàn
Trần Thúc Nhẫn vườn kín lá cây
xanh, nơi người bạn gái trú ngụ
với một mối tình đã chết.

Xin chào người anh em quen
và không quen đang làm thơ viết
văn tình ái và cách mạng rải rác
trong Huế bi thương phần nộ và
dịu dàng.

Xin chào mảng nắng sáng góc
phố Lê Lợi, màu trời chiều thàng
sáu trên thôn Vĩ dạ, xin chào hơi
thở thơm của mái tóc ướp đầm
mùi bồ kết và chanh, tấm đầy mật
ong rừng trên đầu em.

Xin chào những chiếc cầu sơn
trắng buồn thảm, bắc qua những

con sông lặng lẽ không buồn trôi,
con sông trên đó ta đã nằm ngủ
một đêm dài đầy gió bão.

Xin chào Kỳ Đài chưa treo cờ,
những khẩu đại bác bảo tàng viện
bóng lưỡng sẽ không bao giờ còn
thở khói súng, bờ cỏ mượt sương
buổi sáng còn ướt gót chân ta.

Xin chào Đập Đá thấp, với chiếc
cầu vòng cao trong trí tưởng, dẫn
ngang những làng xóm khô cằn
vừa trẻ lại bằng những chùm nắng
lóng lánh trên hàng cau, bờ cỏ.

Xin chào Thuận An cát vàng
bàn xỉn, chiếc phà thô kệch chòng
chành, người đi ngơ ngẩn.

Xin chào những bàn thờ, những
nén hương ngạt ngào dọc bờ sông

bị vây ám trong cơn mưa vào ngày
kinh đô thất thủ làm sống dậy trong
ta một Tôn Thất Thuyết đảm lược,
một Hàm Nghi vĩ đại can trường.

Xin chào nỗi đau khổ trong
chiếc nón, trong màu áo, trong
mắt nhìn của những người mẹ ở
chợ Đông Ba.

Xin chào một người trong
trường Jeanne d'Arc với cổng kín
tường cao, chiếc xích đu đong đưa
cả một chiều chờ đợi.

Xin chào đôi mắt to đen, vành
khăn tang trắng, áo lụa vàng, nụ
cười buồn, nhìn ai không nói trong
sân trường Quốc Học.

Xin chào những trái cây còn
non trong ngôi nhà cổ, nơi bóng

tối nhiều hơn ánh sáng, chỗ tan nát nhiều hơn sự lành lặn, nơi ta đã đến đốt một ngày dài buồn bã.

Xin chào những cây sầu đông không nở trái để ta hái tặng X, xin chào những con đường X đã đi mà ta không biết nơi nào để dẫm lên đó những dấu chân muộn màng, xin chào ngôi nhà X đã ở cùng với những người thân yêu mà ta chưa một lần gặp mặt, xin chào những kỷ niệm riêng tư của em mà tôi không hề muốn nhìn ngắm.

Xin chào những người Mỹ chưa một lần đặt chân lên Huế và không bao giờ muốn tàn nhẫn với Huế.

Xin chào những dấu đạn, những hố bom, những xác chết, những vườn không, nhà trống, những

chia lìa và tử nhục của một thành phố tai ương.

Xin chào những chùm hoa phượng nở đỏ như máu người trong trường Đồng Khánh, trái tim của lập trường quyết liệt, hăng nồng và sắt máu, xin chào mãi mãi những tâm hồn cách mạng, yêu nước khôn nguôi đang không ngừng nhúm ngọn lửa tranh đấu liên lý chống mọi gian trá, bất công và đàn áp.

Xin chào người người đang yêu, những mối tình đang lớn hay đã chết trong Huế.

Xin chào mặt trời trên cao, con mắt duy nhất đã nhìn thấy tội ác và đau khổ của một vùng đất khô cằn, nghèo đói, gầy ốm, bệnh tật,

thiên tai và (kỳ lạ thay!) chịu đựng bền bỉ dẻo dai mãnh liệt hơn bất cứ một người dân nào trên thế giới.

Xin chào Thượng Đế bất công, một trí óc đã mỏi mòn, một buồng ngực đã thoi thóp, nên ngày một ngày hai gieo liền tay hết lỗi lầm này đến lầm lỗi khác.

Xin chào con đường mòn nhỏ dọc bờ sông với cỏ xanh đưa tới những bậc cấp của Lăng Miếu trước trường nữ trung học, nơi ta đã đi dạo mỗi buổi chiều với An, ghé đá nhám bản nơi ta đã ngồi một mình nhìn con sông lặng lẽ và những bậc cấp bằng gạch nung nay đã rêu

xanh nơi ta tưởng đang nghe thấy
tiếng cười rộn ràng của tình yêu
Huế.

Xin chào các em nhỏ ở Huế,
những đứa con được nuôi dưỡng
trong một bầu khí đe dọa, bú mớm
bằng thứ sữa thử thách, đầy cay
đắng và kinh hoàng; các em sẽ lớn
hơn mọi trẻ em trên thế giới vì các
em có đủ căm thù để tranh đấu và
đủ yêu thương để tha thứ và sống
với kẻ khác.

Xin chào một tuổi trẻ hiện tại
dũng cảm Huế.

Xin chào quá khứ vàng son và
xa cách Huế.

Xin chào tương lai của một
thành phố mà chắc chắn là ta sẽ

còn trở lại dù không ai chờ đợi hẹn hò.

Hãy làm bộ vĩnh biệt Huế, nghe!

Nguyễn Xuân Hoàng

VĂN số 186

Số đặc biệt: ĐÔNG HỒ

Thơ

Thi Vũ * Chinh Yên

Thăm nhà Emily Brontë

Gió cao mồm hú sa mù

*Đảo chiều mưa ngập lá thu ngổ
ngàng*

Máu xanh vắt cổ về trang

*Chân son mờ nhạt đá vàng héo
hơn*

Môi xưa môi đó không còn
Liều trai của đập nghe giòn lửa
ma
Nốt ruồi tỏ ngủ hồn ca
Trên tay di động ngón ngà phiêu
hương
Vô thường dọa dẫm còn thương
Bên vườn chỉ mảnh trắng gương
soi thề
Vùng trời ngã ngựa anh về
Một thân sấm chớp bốn bề đòi
hoang.

Thi Vũ

Yorkshire, 1967

Â n

Em về nắng trải chiêm bao

*Gió thơm mùi áo ngọt ngào mùi
da*

Ta đây ả bóng chiều tà

*Lòng khe khẽ động nhát nhòa
theo em.*

N g ủ

*Nằm xuống đây nhắm mắt và
ngủ*

Ngủ và quên ở chốn non ngàn

Chim động lá giật mình tỉnh dậy

*Bóng theo hình tiếp tục lang
thang...*

M ỏ i

*Nằm xuống đây hỡi một đời
còm cõi*

*Lẳng tai nghe con nước mặn xô
bờ*

*Ngọn gió chiều xem chừng như
đã mỏi*

*Còn sức nào đây mãi một phong
ba...*

Chinh Yên

Mường Mán

Vĩnh biệt mây, bọm nhậu

- Trời ơi, nhớ cái ấy quá.
- Cái gì?
- Cái ấy.
- Cái ấy nằm giữa hai cái đùi?
- Không phải.
- Cái ấy nằm dưới lớp vải mỏng tanh?
- Không phải.

– Mẹ mày, không phải, không phải. Thế cái ấy nằm ngay trong miệng mày, có phải...?

– Không phải nốt.

– Hì hì, mẹ kiếp mày xạo hả?

– A ha! Tao đốch thêm xạo với mày, cái ấy có thiệt mà.

– Thiệt không?

– Thiệt mà.

– Cái gì?

– Cái ấy.

– Đ.m. vòng vo bùng binh hoài, ông sốt ruột ông đập mày nát bét như con rệp bây giờ.

– Con rệp nào?

– Con rệp lúc nãy tao thấy nó bò ở cổ áo mày ấy.

– Thiệt không?

– Thiệt chứ, một con rệp màu đỏ hoặc là nâu nâu gì đó,

– Sao lại hoặc là...? Nó đâu rồi?

– Tao bóp nát rồi?

– Bóp lúc nào?

– Lúc mày còn ngủ.

– Hèn gì nãy giờ tao thấy mày cứ đưa tay lên mũi ngửi hoài à! Thơm không?

– Không thơm, nhưng cái mùi rệp nó kỳ kỳ sao ấy, mày ơi.

– Kỳ thế nào?

- Nó gần giống như mùi đàn bà.
- Trời ơi, thiệt không?
- Thiệt chứ sao không, bộ mày tưởng tao xạo hả?
- Ừa ừa, tao tạm tin.
- Tin gấp, tin mạnh vào chỗ, sao lại “tạm”? Không tin mày thử tìm một con rệp bóp nát ngửi coi.
- Tao chưa thử bao giờ.
- Mày thử thì biết.
- Nhưng giờ kiếm nó ở đâu?
- Trong quần, trong áo, trong người mày chứ đâu.
- Đ.m. bộ mày cho rằng ông ở bẩn người toàn rệp sao?

– Không phải ở dờ mới có rệp, có người ăn mặc đẹp, tắm ngày mười bận vẫn có rệp như thường, có rệp là có rệp. Ông nội tao nói con người có số; ai phải số rệp là rệp, có kẻ mang cả một tập thể rệp lúc nhúc trong đầu, trong não tủy, trong máu, trong xương, trong tế bào...

– Nghe mà nói tao buồn mửa quá.

– Thế lúc gần đàn bà mà có buồn mửa không?

– Mà muốn nói hạng đàn bà nào?

– Bất cứ...

– Không.

– Thế thì nhất định mũi mày bị hư ít lắm là vài chục sợi thần kinh khứu giác, nếu không mày đã ngửi thấy mùi rệp ở bọn nó rồi.

– Lần thứ nhất trong đời tao mới nghe một thằng nói mùi rệp giống mùi đàn bà.

– Tóm lại mày không tin chớ gì?

– Nửa tin nửa ngờ; lần này về tao phải kiểm chứng lại mới được.

– Té ra lâu nay mày không để ý tụi nó thơm mùi gì à?

– Một trăm lần hết chín mươi chín bận cứ xáp vào là tao hong hộc như trâu, xong, đ.m. thở muốn hong nổi nữa chớ nói chỉ tới chuyện để ý để ý tụi nó thơm hôi mùi chi. Theo tao tụi nó thường

xức nước hoa, có vài đũa xức dầu “song thập” hoặc dầu “nhị thiên đường” nên chúng thơm hôi tùy thuộc mấy loại mùi đó.

– Ô hô, thằng này ngó vậy mà ngây thơ quá ta, tao muốn nói cái mùi nguyên chất cơ.

– Được rồi, mày yên chí, thế nào lần này về tới, dù có ham đến độ nào, ta cũng cố gắng dành năm phút coi mày nói có đúng không.

– Biết rồi có về được không?

– Tụt đầu xuống mày, mẹ kiếp lại pháo.

– Điều này kéo dài e chết khát cả lũ, làm sao xuống suối lấy nước đây?

- Đái ra mà uống.
- Hì hì, mày tưởng nước đái dễ uống lắm chắc?
- Suyt, mày có nghe súng nổ bên kia đồi không?
- Tụi quân báo đưng bọn nó đó.
- Làm gì mà ngấm nghĩa hai bàn tay kỹ vậy?
- Tao nghĩ mình rất có thể mất một tay hay một chân...
- Khéo lo nhảm, giữa thời buổi này chẳng có chi là của riêng mình hết.
- Tay chân, lục phủ ngũ tạng không của riêng mình thì của ai. Mày nói nghe phát khùng.

- Cửa bom đạn.
- Mày chán đời quá thế rồi đó.
- Thiệt mà, đôi khi tao thêm làm một hòn đá, một cục đất còn hơn làm con người.
- Mày nói nghe thối chí bỏ cha.
- Cứ ngồi bó rọ thế này Phật Chúa Thánh Thần cũng muốn biến thành đá, huống tao.
- Thằng này phát điên rồi, tụi bây ơi.
- Mày la gì kỳ cục vậy, bọn nó đâu có nghe.
- Đào cái hố này sâu thêm tí nữa đi.
- Hơi sức đâu mày lo; sâu cạn

gì tới số cũng ngủm hết, số chưa tới vẫn phây phây. Mà cứ nghĩ rằng bọn mình đang dự một cuộc xổ số, những cái hố này là những lô; đạn chơm trúng lô nào là lô ấy trúng độc đắc.

– Mà ví von ngộ quá há.

– Ngộ gì, tao đang ước được trúng số độc đắc đây.

– Thôi, bỏ qua đi mà, nghe quê quá.

– A ha! Thằng này nhát quá ta.

– Đất rung, trời ơi, đất rung mạnh quá.

– B52 đó.

– Cứ y như sấm sét.

– Mày nói đến sấm sét xui tao nhớ nhà quá chừng, những hôm biển động gió lớn và dông và mưa và sấm ầm ầm ngỡ như trái đất sắp vỡ tung, thuyền không ra khơi được, tao nằm nhà nghe con mẹ góa nhà láng giềng vừa ru con vừa ca vọng cổ mùi đíu chịu được.

– Con mẹ góa?

–Ừa, mới có hai con thôi, da dẻ mặt mòi lắm, chồng đi lính chết.

– Ngon quá hén, thằng chồng đi lính chết trận nào mày?

– Đ. m. đíu phải chết trận, hần ta đi lính hơn mười năm, uýnh nhau có trăm trận chẳng chết...

– Thế sao chết?

- Say rượu té xuống cầu chết.
- Thằng chả cao số thiệt, đạn bắn không chết, chết về tay Hà bá; còn con mẹ sao mà?
- Ngon, nhưng kệt.
- Kệt gì?
- Kệt ông già tao đó, ông già tao mê con mẹ.
- Mê ngang xương vậy hả?
- Mê mạnh đi chớ.
- Con mẹ đối với ông già mà sao?
- Cũng mê mạnh.
- Mê mạnh là thế nào?
- Một buổi biển động, tao nằm

nhà hồng nghe con mẹ hát, tao dòm qua kẽ liếp thấy ông già tao đang ca vọng cổ với con mẹ.

– Sao mà mày bảo không nghe con mẹ ca mà?

– Con mê ca vọng cổ dưới bụng ông già tao, ca không ra tiếng chỉ ừ... ừ... u u.

– Đ. m. hay quá hén. Thế mà có buồn không?

– Buồn gì mà, con mẹ chê tao con nít.

– Mà có chứng tỏ mà không phải là con nít không?

– Có, một lần.

– Loạn quá nhỉ!

– Loạn gì mà, đòi mà.

– Đòi thế nào?

– Mà thử tưởng tượng ngày nào mà lấy vợ; mà ra trận mà chết, ở nhà em chịu chi thấu. Có đưa chồng chết chưa tới ba tháng, lãnh tiền tử tuất nuôi trai phom phom.

– Ừ nhỉ, buồn thiệt.

– Đ.m. B52 dọt gôm thế sao tụi nó còn pháo!

– Điều này còn lâu mới yên.

– Yên sao được mà, bom đạn hai phe còn hàng triệu tấn phải xài cho hết chớ, chẳng lẽ sản xuất ra bỏ không.

– Ừa há!

– Ấy, con chi nó bò sau lưng tao nhột nhột đây này.

– Rệp.

– Mà y vén áo bắt giùm tao coi.

– Không phải, con kiến.

– Thế kiến có giống mùi đàn bà không?

– Không, nó giống mùi cà phê đen trộn rượu đế.

– Xạo.

– Mà y bóp nát ngửi coi.

– Ừa há, giông giông, mà y có cái mũi thần.

– Mũi thần mẹ gì, mà y có đang thềm một cốc cà phê đen pha rượu đế đó không?

- Ừt... thềm mạnh đi chớ.
- Vậy giờ mà người cút cũng thấy giống mùi đó.
- Hà hà! Mà ăn nói nghe rợn tóc gáy.
- Lấy cơm sấy ra nhai đỡ buồn mà.
- Nhai rồi lấy nước đâu uống?
- Tao còn.
- Còn hả? Nhiều không?
- Cỡ một phần tám bi đông. Lo gì, mà nói hết nước thì uống nước đáì mà.
- Tao sợ tới lúc mình khô hết nước, rặn thấy mẹ cũng không còn nước đáì nữa thì nguy.

– Ô hô, khéo lo, tới lúc đó biết liền.

– Ước chi giờ có chai 33 thiết lạnh hả?

– Đ.m. đừng nhắc tới rượu nữa, tao thèm.

– À này, lúc này mày nói nhớ cái ấy là cái khỉ khô gì vậy?

– Nhớ cái ấy của con mẹ ấy đó.

– Con mẹ nào?

– Mày ngu như lợn lòi, con mẹ góa đó.

– Hì hì! Cho nó ra cho đỡ đi.

– Mẹ kiếp! “Ra” rồi sức hơi đâu đi cho nổi mày.

– Khốn khổ cho con quá nhỉ.

- Đêm qua tao ngỡ chết rồi.
- Đ.m, xe bọn nó sao nhiều quá
mày, cứ nườm nượp như xe ở xa
lộ Biên hòa.
- Lúc ấy mày có nín thở không?
- Nín mạnh đi chứ.
- Máy bay không tới kịp chắc
mình tiêu.
- Thôi quên đi mày, yên để tao
nhắm mắt ngủ tí.
- Ừa, gắng ngủ và mơ thấy
rượu, bọm nhậu.

*

Tô phở bốc khói trước mặt tao, những cọng hành xanh, những khoanh ớt đỏ – chai 33, cái ly đầy đá rớt tràn bọt trắng xóa: phần của mày. Phần tao, tao đã ăn hết tô phở rồi, chỉ còn chút ít nước váng mỡ vàng và những hạt tiêu sót lại dưới đáy tô. Chai bia tao uống gần cạn. Chai nữa? Không, tao không uống nữa đâu, uống một mình thế này chán chết. Có mày chắc hai thằng cũng đánh gục hết một két rồi. Những cặp mắt chung quanh đang tò mò nhìn tao, nhìn tô phở bốc khói; chai bia, cái ly trước mặt tao không người uống. Tao ngồi một mình; tao co rút như con chó ốm. Giá có mày, có mày? Có mày chắc tao chẳng ngậm cầm như hến thế này đâu, tao phải ngoác miệng thật to ra để cười. Mày có lỗi nói

chuyện khôi hài tuyệt vời hết sức. Mày luôn có cái nhìn đảo ngược lại cái nhìn của tao. Mày có cái mũi thật thần tình, chỉ có mũi mày mới khám phá ra mùi đàn bà giống mùi rệp. Mày có nhiều tài vật nữa. Tao nghĩ nếu không là lính, ở ngoài đời mày có thể trở thành một kịch sĩ trứ danh; mà thôi, cần chi phải ngoài đời, phải lên sân khấu, từ lâu mày không là một kịch sĩ rồi đó sao? Tên kịch sĩ đáng yêu của riêng tao.

Đó, thành phố cũng chẳng có chi lạ: người, xe cộ và bụi. Thành phố, mùi nước hoa lẫn với mùi xăng. Mùi xăng bốc ra từ ống khói xe và mùi nước hoa bốc ra phảng phất từ tóc tai da thịt áo quần lót đàn bà con gái.

Râu chưa cạo, áo quần chưa thay, đầu mình tay chân chưa tắm gội; tao mang theo cái mùi rừng rú mọi rợ của một thứ Mán-sơn-đầu về đập vào mũi người ngọm ở đây, nhưng chẳng ai bị ngộ độc bởi cái mùi dị kỳ của tao cả. Cái mùi ẩm rịn của tao bị giải tán ngay tức khắc y hết đám thương phế binh biểu tình cầm dùi bị giải tán bằng lựu đạn cay và dùi ma trắc của toán cảnh sát dã chiến mấy phút trước đây bên kia sông. Lựu đạn cay thì cay ra nước mắt; mùi nước hoa, mùi khói xăng làm tao chóng mặt, càng chóng mặt càng thấy lạc lõng dễ sợ.

Tô phở trước mặt tao không còn bốc khói, nó nguội. Ly bia, đám bọt hạ xuống chỉ còn màu nước vàng,

những cục đá cũng vội tan. Trời nóng quá, nắng.

Cái rạp xi-nê bên kia đại lộ đầy ắp người. Tấm biển quảng cáo vẽ thẳng cao bồi viễn tây Mỹ đặt tay hờm trên báng súng ngắn; thẳng họa sĩ nào vẽ tấm biển cũng giỏi đó mà. Nó vẽ hay thật, cái màu hỏa hoàng lộng lên sau lưng thẳng cao bồi đúng là màu trời sa mạc. Xứ mình không có sa mạc, núi rừng thì quá nhiều, nhiều quá xanh quá, dội bom đánh phá mấy cũng không hết rừng nổi. Có lần mày nói: thử tưởng tượng ngày nào bọn mình từ rừng xanh chui ra, thấy con phố này cháy trụi hết, cát dưới đất đùn lên biến thành sa mạc, mày và tao làm hai thẳng du thủ du thực đi lang thang moi cát tìm vàng. Đúng

là mày có óc khôì hài đúu chịu được
Tao ghiền cái tâm tính cởi mở của
mày mất rồi, từ nay chắc tao hiếm
có dịp được ngoác miệng cười
thoải mái nữa.

Chai 33 tao đã cạn. Chai nữa?
Không, tao không uống nữa đâu.

Cái máy hát trong góc quán
đang ca eo éo đấy. Nhớ lúc ở núi
mày đã đập cái ra-dô tí hon vào
đá khi nghe một con nhỏ van vi
ỉ ôi, không, không tôi không còn
yêu anh nữa... Mày đập bể và giải
thích: thối không chịu được. Mày
có lối nói thật gọn, vẫn chê tao ưa
nói bóng bẩy. Tao biết, cái gì mày
cũng cố làm ra vẻ ngược với tao
hết; mày ngược tao xuôi và mày
xuôi tao ngược, ngàn lần như vậy

sao mà y và tao vẫn thân nhau được nhỉ?

Tao ngồi một mình. Tô phở đã nguội, ly bia trước mặt vẫn còn. Một con ruồi bay đáp xuống tô phở nguội, nó đáp xuống bay vòng vòng lên y hết chiếc trực thăng. Tao ngồi im và bỗng cảm tưởng con ruồi là mà y. Trong đời tao, tao ghét nhất ruồi và muỗi, nhưng giờ tao đang nhìn con ruồi trên tô phở bằng con mắt có cảm tình; gặp phải lúc khác chắc nó phải bẹp dí hoặc tan xác vì cái chụp thần tốc của tao.

Bàn bên cạnh có bốn chú lính đang say sưa tí toé kể chuyện Lào. Bọn nó vui vẻ quá chừng: bia vào, chuyện Lào tung ra. Bọn nó tung chuyện mặt trận và phần khởi đón

những cái liếc nhìn lên thán phục hoặc mai mỉa của mấy thằng mặc đồ xi-vin ngồi bàn bên kia. Bốn thằng chúng nó cười đùa vui quá khiến tao bắt thèm, vừa thèm vừa muốn tung vài quả đấm vào những cái mặt nhờn nhờn phách tấu phách tán nọ. Một thằng xi-vin mới từ ngoài vào, áo quần tóc tai đúng là dân híp-pi con so, học đòi. Thằng xi-vin nhập bọn với bốn thằng lính đang tán chuyện Lào.

– Ta vừa đi ngoại quốc về. Một thằng lính cao giọng.

– Lào hả? Tao nghe BBC mỗi đêm theo dõi kỹ lắm, một cuộc chiến có thể nói là ác liệt nhất thế kỷ. Thằng xi-vin nói.

Cứ như vậy, tụi nó vẫn đáp nhau

cùng nhiều tiếng cười úm lại phụ họa. Lào? Ngoại quốc? – Thối quá. Lào? Ừ Lào, Phou-om, Mương-nong, Tchépone.. Tao không muốn nhắc lại những cái tên gớm chiếc và xa lạ ấy nữa, mày biết vậy không? Bọn chúng mày biết vậy không? Tao vụt đứng bật dậy vì luồng nhiệt cực nóng nào đó vừa từ hạ phần thân thể đâm thốc lên như kiếm lửa nhưng tao vội ngồi xuống; tao thấy rõ đôi mắt trách cứ của mày núp sau ly bia đầy bỏ không, ôi đôi mắt mày bao dung xa xôi diệu kỳ quá, đôi mắt phát phen những tia nhìn giễu cợt nhẹ nhàng nghìn triệu năm tao chẳng thể bắt gặp nữa.

Con ruồi trên tô phở nguội bay đâu mất rồi?

Buổi chiều xuôi ngược bụi mờ phố xá ngoài kia và nắng đang tắt trên những cánh tay thánh giá quanh hieu nào đó. Tao cay đắng nhớ mây.

Nhớ mây là một con sâu rượu nên tao vẫn thường gọi mây là “bọm nhậu”. Nhớ lúc còn khốn nạn trên núi mây đã nhậu cả hộp với nước đá. Ôi, thật khốn khổ cho mây. Nước, ở đây sao nhiều nước lắm thế?

Mây đã bịt mũi uống nước đá trên núi để có sức mơ về những chai bia lạnh ở thành phố. Mây thèm rượu, mây khát nước; tao khát nước nhưng không thèm rượu nên tao đỡ khổ hơn. Mây uống rượu chì nhất tiểu đoàn, tao uống rượu

dở ọc nhưng rất hãnh diện có một
thằng bạn là bọm nhậu. Bây giờ
rượu ê hề, tao cố nhịn, chỉ uống
một chai thôi.

Ly bia trước mặt tao vẫn đầy,
tô phở trước mặt tao đã nguội, hồn
linh thiêng mày có về?

Bây giờ tao ngồi đây mà nhớ
mày. Tao nhớ mày như mây nhớ
nước, như sông nhớ nguồn, như
lá rụng nhớ cây, như la-de nhớ củ
kiệu. Tao nhớ mày như mày nhớ
rượu, nhớ con mẹ góa ca vọng cổ
ư ử ư ử dưới bụng ông già mày.
Tao nhớ mày, biết mày còn nhớ
tao không?

Vĩnh biệt mày, tên bọm nhậu
thân yêu của tao.

Vĩnh biệt mày!

Vĩnh biệt mày tao vĩnh biệt
rượu luôn, từ nay tao chỉ uống
cà phê, cà phê sữa, sữa đá, nước
chanh, chanh đá, chanh muối vân
vân và vân vân.

Vĩnh biệt mày!

Vĩnh biệt mày, tên bọm nhậu
thân yêu nhất đời tao.

Mường Mán

thơ

Hoàng Hương Trang *
Hoàng Lộc

Soi gương uống rượu

Cho ta thêm chén tình đau

*Cho ta thêm khói thuốc màu nhớ
nhung*

Đắng cay đầy chén âm thầm

Khói cao mở mắt, một lần gọi

tên

Rượu vào những tưởng vơi quên

Ai ngờ men thấm, tình thêm nhớ
tình!

Soi gương uống rượu một mình

Ngắm ta ảo ảnh lung linh, chợt
cười.

Cất cao tiếng gọi, hỡi người!

Khói bay mờ tỏ, vây đời ta sao?

Trong gương ai đó mời chào

Chén cao, chén thấp, chén nào
cho nhau?

Ô hay, rượu đắng tình đau

Người trong ảo ảnh cũng sầu
như ta

Rượu hay nước mắt chan hòa?

*Ai say? Ai khóc? Là ta hay
người?*

Môi nào tan vỡ nụ cười

Môi nào chết lịm một đời bơ vơ?

Dung nhan ngày tháng phai mờ

*Rượu say, Thơ chết, hững hờ cố
nhân*

Bước cao, bước thấp cuồn chân

*Tay đưa, tay rút, tay nâng chén
mời*

Say đi, say để quên đời

*Uống cho biển cạn, sông vơi, bỏ
sầu*

Uống cho lịm chết ngày sau

*Cho quên ngày trước, cho nhầu
thời gian*

Tình ta đã lỡ trái ngang

*Soi gương nguyên rửa, dở dang
chén thề*

Người trong ảo ảnh si mê

*Cũng say sưa đây, đừng chê ta
cuồng*

Đập tan chén, rượu tràn tuôn

*Chén tan, gương vỡ nổi buồn
chưa vơi*

Người trong ảo ảnh mất rồi

Ta say ta hát, quên đời có ta!

Hoàng Hương Trang

(trong Túy Ca)

bất ngờ, gặp Quế Linh ở Tân Định

*lâu rồi tôi kiếp sâu đo
quần quanh trăm lá sầu khô một
đời
em qua gió tạt từng hồi
xô tôi lũng lảng giữa trời oan
khiên.*

Hoàng Lộc

Hồ Minh Dũng

Những chiếc vỏ ốc lặn

Ngoài cửa sổ, từng vệt sáng nhọn đâm thủng qua màn đêm. Con kênh nhỏ mang đầy nước luân qua những tầng cây thấp, không ai có thể nhìn ra nó được bởi vì bóng tối quá dày, trên trời không có một vì sao, con kênh hiện diện giữa một thành phố lúc này thật quá thừa thãi. Lão Châu đứng dựa vào song cửa, nhìn những giọt mưa xuyên qua vệt ánh sáng,

những giọt mưa nhỏ, võ vụn, mềm như tơ đỏ đã làm cho lão nhớ trận mưa xối xả ban chiều, khi lão còn lái chiếc xích lô máy chở đầy súc vật phóng qua mấy con đường ngập nước, chảy tàn bạo như dòng nước lũ. Lão Châu cảm thấy mình trống trải và buồn hơn bao giờ hết khi một sợi dây vô hình nào đó đã bắt lão phải nhìn qua con kênh không còn rõ hình dáng, bắt lão phải nhớ tới người đàn bà bên kia, bên bãi cỏ hoang, bên con đường đất đỏ đưa tới khu nhà thờ của xóm lao động, để rồi lão gắng gượng nở một nụ cười, cố tạo cho mình một hình ảnh sáng sủa hơn, ngày căn nhà này không còn mạng nhện, không còn những giun dế, những con dán cánh, những con chuột bụi và lão không còn đi về u uẩn như

một tên đao phủ trở lại căn nhà đầy ắp bóng tối sau khi đã hành quyết nhiều tội nhân. Ngoài trời, mưa vẫn chưa ngớt mặc dù là cơn mưa yếu ớt kéo dài từ buổi chiều, nhưng biết tới bao giờ mới tạnh, biết đâu sau cơn mưa sẽ có một vầng trăng mọc lên.

Biết đâu sau cơn mưa con Nga sẽ về, nó sẽ đem lại cho căn nhà này những tiếng động kể cả tiếng hát yêu đời của nó. Nghĩ đến con gái, lão Châu thấy thương yêu nó lắm, tưởng chừng nó vắng nhà đã lâu, nó bỏ đi biệt xứ không còn hy vọng chi trở về nữa. Con gái của lão quả thật đã đi vào cuộc đời bằng một con đường tắt, bằng một kiệt quá ngắn. Hai bàn tay tội nghiệp của nó đã vin vào cái vỏ đời

sống quá trơn trượt. Chính những lúc như thế này, lão thấy nhớ đến gương mặt béo phệ, cả nốt ruồi trên sống mũi và mùi nước hoa quen thuộc của nó nữa. Lão thấm thía sự đơn độc của một người góa vợ. Lão nhớ tới người vợ qua đời với một ít kỷ niệm còn sót lại sau khi bị cái phễu thời gian gạt lọc đi. Vợ chồng lão chung sống với nhau nhiều năm chỉ để lại một đứa con gái, giọt máu đó hẳn phải quý giá vô ngần. Lão Châu mong muốn cho nó được có người chồng như bao nhiêu người khác, đã nhiều lần lão âm thầm cầu nguyện vong hồn vợ phù hộ cho con gái mình, nếu đời không sáng sủa lắm thì xin đừng đen tối. Trước mắt lão, xã hội ngày một thay đổi, bao cảnh lạ lùng, kỳ quặc đã làm cho lão suy nghĩ. Tại

bạn con Nga là một bằng chứng cụ thể. Dần dà rồi đứa nào cũng có thai. Lão không muốn nhìn thấy một đứa bé chào đời ngay trong căn nhà này, lại càng không muốn nghe tiếng khóc không giống một đứa trẻ nào bên cạnh hàng xóm, lão nhớ lại những chuyến xe chở những bọn đàn bà lúc sắp lâm bồn, lão đã nhiều lần làm người phu cần mẫn chở họ từ bệnh viện về mang theo những đứa trẻ mũi lõ, mắt nâu. Nếu không may mắn, nó lấy một người ngoại quốc thì lão mong sao nó phải đi thật xa, coi như người bị tù chung thân đày đi. Con Nga năm nay mười tám tuổi. Nó lớn và khỏe mạnh, nở nang thêm từ khi đi làm việc, nhất là sau khi đổi chuyển làm ngày ra làm đêm. Bọn con trai trong xóm, kể cả

mấy đứa ở ngoài kiệt không đứa nào mà không biết tên nó, có đứa theo nó tán tỉnh mãi. Bọn chúng đều mê con Nga vì cái thân hình lộ liễu bên ngoài, nhưng nó như một tấm bia chai lì, không có mũi tên nào bắn thẳng được. Chính con Nga đã có lần thổ lộ với cha, con không muốn lấy chồng quanh quẩn đây đâu, ở đây đứa nào mà không biết mẹ con làm thợ nhuộm, cha thì đi xe. Một là con ở vậy suốt đời, hai là con lấy chồng thiệt xa, xa lắm, càng xa càng tốt. Nói xong nó cười thật kiêu hãnh, mắt nó tràn ngập ánh sáng. Lão Châu tuy buồn nhưng cũng đồng ý với con, đem một vài kinh nghiệm về tình yêu thời trai tráng kể cho con nghe rồi kết luận, đàn bà, con gái không khác nào cái múi chanh, người ta

vắt hoài, khi nào hết nước, rồi vắt đi. Con Nga nghe cha nói cười nức nở, đánh thêm một lớp phấn vào mặt rồi xách bóp đi.

Buổi sáng hôm ấy, còn lại một mình trong căn nhà này. Ngoài cửa sổ, vòm cây chạy dọc theo con kênh xanh ngắt, tiếng nước dâng lên và mấy cụm mây trắng lênh đênh, trôi dạt trên bầu trời làm cho lão nhớ tới người đàn bà bên kia, xa vắng và mịt mờ tận một cõi trời nào rồi, đâu có phải ở bên kia bãi cỏ hoang, bên kia con đường dẫn vào xóm đạo, lão lắng tai nghe đã bao lần sao cái tháp cao đó không rung một hồi chuông nào. Lão nhớ vô cùng. Nhớ như ngày nhớ tình đầu. Bao giờ ả sẽ về đây, ảm cả những đứa con về đây chung sống nữa.

Hay lão sẽ để ngôi nhà này cho con Nga, lão sẽ qua bên ấy, lão sẽ cư ngụ như một loài chim ngủ đêm. Đó là tổ ấm. Đó là cái hang hạnh phúc. Mưa ngoài những vệt sáng vẫn chưa dứt. Bây giờ hai hàng cây ở bờ sông đã hiện ra, vẽ phớt một bức tranh mờ nhạt. Có một ngọn đèn cháy trong lòng lão. Lão tiến tới bàn thờ vợ. Con Nga đã trở về. Nó dừng lại ở cửa, nhìn chừng giọt mưa bắn vào cửa sổ, nó hỏi, không có điện hờ ba, kỳ quá hè. Lão Châu quay lại nhìn thấy con mặt ướm đầm, tay xách một cái giỏ đầy trái cây. Độ này nhờ con Nga, gia đình lão trở nên khá giả, lão chạy xe chỉ là một thói quen, như một cách giải trí lành mạnh.

Thỉnh thoảng thẳng Ngô về, nó

không xin tiền, lão cũng nhét vào tay nó một ít, lão nói:

– Tao coi mày như con đẻ. Lớn rồi mày làm gì cũng được, quyền mày miễn sao là đừng làm cho cái thân mày khổ và đừng liên lụy đến tao.

Thằng Ngộ không nói gì. Nó đã bỏ nhà đi đâu không ai biết được. Nhiều lần lão Châu và con Nga vặn hỏi công việc làm ăn của hần nhưng hần chỉ mỉm cười hay nói một vài câu văn hoa, bóng bẩy rồi chuồn đi. Mỗi lần nghĩ tới thằng Ngộ, con Nga cho rằng bọn đàn ông đũa nào cũng khó hiểu. Và lời nói với cha trước đây thật không sai.

– Cha nuôi săn sóc cho mệt thế nào lá cũng rụng về cội.

Cha nó thì lúc nào cũng tỉnh bơ:

– Mày nói bậy hoai, mình làm ơn đừng mong người ta trả ơn. Trời có mắt.

Nhớ lại, con Nga cho cha nó lắm cảm, không phải vì tuổi già mà vì rượu đế. Nó đặt lên bàn thờ mẹ mấy trái cam vàng rộm, miệng khấn vái mẹ cho tai-quia-nạn-khỏi. Cánh cửa đóng ập lại, đuổi những ngọn gió ra khỏi nhà.

Đêm nay trời mưa chắc thẳng Ngộ không bò về. Tại sao nó chỉ về trong đêm thanh vắng. Dạo này trông nó ốm yếu, hớt hải, bơ phờ. Lão Châu ngồi một mình trầm ngâm với cút rượu, nghĩ thầm, nó hoạt động cho một tổ chức chính trị nào chẳng hay nó là một tên

cướp đang bị cảnh sát săn đuổi. Con Nga đoán được sự lo lắng của cha, nó cười mũi.

– Anh ấy có gì liên hệ với ba đâu, thân anh ấy làm thì anh ấy rán mà chịu.

Lão Châu buồn rầu:

– Con nói vậy sao được, ba coi nó như tình ruột rà. Mẹ mày cũng coi nó như vách thịt để ra. Nó ở với ba gần hai mươi năm nay, sống một ngày cũng tình nghĩa.

Chính những lúc hai cha con nói chuyện với nhau như thế, trong lòng lão Châu nung nấu bởi một dĩ vãng xa vời, ngày đó chính chiếc xe xích lô này chở vợ đến sinh con đầu lòng ở nhà thương. Sanh xong

thì đưa con tắt thở.

Khi lão chở vợ và xác con về thì trông thấy đứa bé mới sinh nằm trong bọc vải bên lề đường. Lão ngừng xe lại, đem đứa bé về nuôi và an ủi vợ, mình cứ coi nó như con mình vừa đẻ ra, con ai bỏ mình nuôi lớn cũng như con mình. Cũng nhờ đó mà vợ lão đỡ đi một phần đau khổ.

Con Nga thì không bao giờ coi Ngô như anh, sự có mặt của Ngô trong gia đình này càng làm cho sự trống trải, lạnh lẽo lan rộng thêm ra. Về sau này, khi mẹ nó qua đời, may ra đôi khi ngồi lại suy nghĩ nó mới thấy thương tâm một chút.

Con Nga nhớ mẹ, nhớ hai bàn tay mẹ thường vuốt lên tóc anh nó

những lúc lẫn chiếc xe chở đầy áo quần nhuộm trở về. Hai bàn tay mẹ lúc nào cũng nhuộm nhiều màu lẫn lộn. Đời sống quả thật có nhiều bí ẩn, quả thật đường đời có nhiều ngõ ngách. Những chiếc bấy lúc nào cũng giương ra chờ mời. Nó nghĩ tới những tên lính Đại Hàn trong sở. Đến lúc này nó vẫn chưa dám thổ lộ với cha về những biến chuyển quan trọng trong đời nó.

Nó đã bị phá vỡ cái gọi là thành-trì-của-đời-con-gái rồi. Nó không thua gì con Hải Yến, con Thu Hà, con Vinh, con Tuyết, những đứa có thai rồi phá thai, có con rồi cho con. Con Nga không buồn lắm hay ít ra nó cũng chống đỡ cái buồn ấy bằng một cái nặng yếu ớt. Nó nghĩ, đời con gái đứa nào rồi cũng mất

trinh, không sớm thì muộn, cũng như đời người, người nào rồi cũng phải chết.

Đối với nó, thật bất hạnh cho những người đàn bà ôm giữ cái trinh tiết khô bèo trong người, không khác nào một thân cây không được vun xới, sống le lói trên mảnh đất cằn cỗi, già, tàn rồi ngã. Con Nga đã thật sự chia lìa đời con gái bằng nhát dao quá ngọt. Không phải bây giờ, không phải những tên Đại Hàn thô lỗ mà chính là một tên họa sĩ vẽ quảng cáo trước đây đã nhận vẽ lại hình mẹ nó để thờ. Ngày đó, nó mới lớn lên, vì quá thương mẹ, nó phải ở lại buổi trưa trong căn nhà của họa sĩ ấy để chờ lấy hình mẹ đem về. Chính cái bàn tay nghệ sĩ tài ba ấy, đã nắn nót từng nét vẽ,

đã thở hơi thở vào khuôn mặt mẹ sáng sủa như ngày nào còn sống. Nét mặt mẹ giống như đang cử động, nó sung sướng vô cùng, mẹ nó đã phục sinh dưới bàn tay của chàng họa sĩ tài ba ấy. Và chính bàn tay đó đã cầm lấy tay nó trong cơn sốt rung cảm. Nó xam xoàng như không biết gì hết. Trưa hôm ấy, khi chỗi dậy, ôm ảnh mẹ về, chàng họa sĩ kỳ dị ấy đưa nó ra tận bến xe buýt, chàng đưa tay lên từ giã, nó có lắng tai nghe lời chàng nhưng tuyệt nhiên không có một lời hứa hẹn gặp gỡ nào. Từ đó không bao giờ nó gặp lại chàng nữa, sau này nó tìm đến quán vẽ xưa nhưng chàng đã dời đi một nơi nào khác không ai biết được.

Con Nga luôn luôn nghĩ tới chàng như một cái bóng bên mình. Năm tháng qua đi, cuộc đời đổi thay, hình mẹ trên bàn thờ ngày càng nhạt nhòa, nó vẫn không sao khuây nổi nhớ nhung vô vọng ấy. Cả cha nó và mối tình với người đàn bà bên kia kênh. Cái tháp chuông câm lúc nào cũng ở trong lớp mây mù.

Tại sao cơn mưa đêm nay chưa dứt hột. Cơn mưa dài chưa chắc là để báo hiệu cho sự đổi thay của thời tiết. Mùa thu chắc chỉ đã về sớm hơn mọi năm. Chỉ có thể thôi, đời sống tự nó đã bao trùm bí mật. Chưa kể đến tên họa sĩ với chiếc quán lưu động quanh năm, thẳng Ngọ ra đi với những lần xuất hiện đột ngột.

Lão Châu bây giờ đã ngồi ngay ngắn trên tấm phản, đôi mắt tìm kiếm ngoài trời đen. Lão nhớ tới chiếc xe treo đầy những áo quần nhuộm đủ màu sắc của vợ. Nhớ tới chuỗi ngày trú ngụ bên một chân cầu rác rưởi với ngày đầu gặp vợ thề với nhau ăn ở suốt đời. Chân cầu thâm lặng đó với bao nhiêu kỷ niệm đẹp đẽ nhất của đời người. Dòng sông dù đục ngầu nhưng cũng đủ làm cho hai người trôi trên chiếc bè êm ái. Lão nhớ lại, chuyện xưa nay hắt hiu như một tia chớp lóe lên ở chân trời.

Một buổi sáng trời quang đãng. Con Nga đứng trước tấm gương lớn nhìn lại mặt mình sau một đêm thức làm việc. Bỗng một người con

gái xuất hiện. Nga liếc qua một lượt hỏi:

– Chị kiếm nhà ai?

Người con gái nói:

– Đây nhà anh Ngộ?

Nga gật đầu,

– Chị hỏi có việc gì không?

Người con gái đứng lại ở cửa nhìn vào nhà không nói. Con Nga cũng dờn chỗ đứng,

– Mời chị vào nhà, ơ kia, sao chị khóc. Chị có việc gì cứ nói đi. Anh Ngộ tôi có gì không?

Người con gái thở dốc, không anh ấy không bị gì cả, anh nói tôi đến đây, ở luôn đây.

– Chị là bồ của anh tôi?

– Không, tôi là vợ rồi, anh ấy lấy tôi rồi.

Nga thở ra như trút gánh nặng.

– Chị quen với anh tôi trong trường hợp nào?

Người con gái trở lại tỉnh táo:

– Tôi gặp anh ấy thật kỳ cục, âu là duyên số, ông Trời cột lại với nhau, phải chịu.

Nga hỏi dồn:

– Chị có khi nào nghĩ bọn đàn ông hay điểm đàn ông không?

Người con gái mỉm cười:

– Nhưng anh ấy yêu tôi lắm, hứa không quên tôi, không bỏ tôi.

Câu chuyện đến đây chấm dứt. Con Nga bỏ ra phố chơi, còn lại một mình người con gái nhìn nắng rực rỡ chiếu sáng trên hàng cây ngoài bờ kênh, ở đó có vài tiếng chim hót quen quen.

Nhà cửa, cây cối, người vật đang ở trong cái chảo nước sôi ở độ cao. Nắng làm cho con kiệt dẫn vào nhà khô tóp lại. Đến chiều lão Châu trở về. Trước khi về lão ghé qua quán rượu nhậu năm ba chai bia để khuây buồn. Hôm nay có lẽ là một ngày buồn nhất từ khi nghe tin thằng Ngộ-con-nuôi đã bỏ trốn đi một thành phố khác. Khi nghe tin hỏa hoạn trưa nay đã thiêu rụi sạch sẽ hàng cây ở bờ kênh và cũng ngày hôm nay người đàn bà bên khu nhà thờ đã tin cho lão biết đã

dứt khoát tình cảm với lão. Khi về đến nhà, trong chệnh choáng men rượu, lão nghe tiếng rên nhỏ ở trong buồng vọng ra. Lão cất tiếng hỏi:

– Nga, mày đau gì mà rên inh ỏi kỳ vậy?

Có tiếng trả lời:

– Ba về đó hả, ba làm ơn gọi cho con chiếc xe. Con đau quá, chịu hết nổi.

Lão Châu di chuyển tới cửa buồng:

– Mày đau gì đó, Nga?

– Không, con là vợ anh Ngộ đây, ba.

Lão Châu vò đầu:

– Kỳ quá, mà đau gì nói đại cho tao biết không được sao?

– Con là vợ của anh Ngô đây ba, chồng con có gởi tiền về nhờ ba giữ sau này xây lăng cho má. Ba làm ơn gọi cho con chiếc xe tới bệnh viện. Đau quá chịu hết nổi.

Lão Châu ngã xuống của buồng, miệng lè nhè:

– Xe tao chết máy rồi làm sao chở mà được, Nga ơi...

Bên trong đứa con gái đã đẻ non cái bào thai nhỏ xíu. Dù trong cơn đau đớn vô cùng nó cũng ngoái cổ để nhìn cái thai bất động. Ở đó, dường như đang thoi thóp thở. Con ơi, dù đẻ non con ra nhưng con phải sống, đêm nay chắc ba con sẽ

về. Mẹ đây, đừng khóc, để mẹ sẽ
bồng con.

Hồ Minh Dũng

6-1971

ĐÃ PHÁT HÀNH

PHỐ NGƯỜI

tập truyện

MANG VIÊN LONG

Tác phẩm ưng ý nhất của tác giả *
Đồ Bàn xuất bản * Đồ Toàn trình
bày * Nhà sách Hàm Thụ 666,
Phan Thanh Giản Sài-gòn tổng
phát hành * Bản đặc biệt trên giấy
quí: bưu phiếu 300 đồng (đề tên
Mang Viên Long) về địa chỉ: số 01
Hoàng Diệu Tuy Hòa (Phú Yên).

mỗi thứ năm nhớ đón đọc

tuổi ngọc

tuần báo của tuổi vừa lớn

DUYÊN ANH chủ trương

đi xa với

Doãn Quốc Sỹ

NGUYỄN NAM ANH thực hiện

Sinh ngày 17-2-1923 tại xã Hạ Yên quyết, ngoại thành Hà Nội. Thân phụ là một nhà tân Nho, thân mẫu chuyên về buôn bán. Cộng tác với các báo; Lửa Việt, Dân Chủ, Sáng Tạo, Tân Phong, Hiện Đại, Thế Kỷ XX, Văn Nghệ, Chỉ Đạo, Gió Mới, Luận Đàm, Bách Khoa, Văn Học, Văn, Tân Văn, Nghệ Thuật... Đã xuất bản: Sợ Lửa (tập truyện cổ

tích, 1956), U Hoài (truyện ngắn, 1957), Gánh Xiếc (truyện ngắn, 1958). Dòng Sông Định Mệnh (tập truyện, 1959, tái bản 1964), Hồ Thùỵ Dương (tập truyện cổ tích, 1960), Trái Cây Đau Khổ (tập kịch, 1963), Khu Rừng Lau, tiểu thuyết trường thiên gồm 4 quyển nhưng mới được 3 quyển:

- Ba sinh hương lửa (1962)
- Người đàn bà bên kia vĩ tuyến (1964)
- Tình yêu thánh hóa (1965)

Tập khảo luận dân tộc, Người viết đáng yêu (1965), Vào Thiên giai thoại tùy bút (1970) và Sầu Mây (truyện dài, 1970). Trái Đẳng Trường Sinh (đoản văn, 1971).

– Sách giáo khoa: Khảo Luận về Đoạn Trường Tân Thanh, về Nguyễn Công Trứ, về Trần Tú Xương, về Nguyễn Khuyến, về Cao Bá Quát (soạn chung với Việt Tử), về Tự Lực Văn Đoàn, về Tản Đà.

Lược khảo về Ngữ Pháp Việt Nam.

– Giáo sư các trường Trung học Công lập Nguyễn Khuyến (Nam Định, 1951-1952), Chu Văn An (Hà nội, 1952-1953), Trần Lục (Sài Gòn 1953-1960).

– Hiệu trưởng trường Trung học Công lập Hà Tiên (1960-1961), giáo sư trường Hồ Ngọc Cẩn (1961-1962), giáo sư trường Sư phạm Sài Gòn (từ 1962 đến nay).

– Đã đi Hoa Kỳ.

NGUYỄN NAM ANH: Thưa anh, SẦU MÂY có phải là truyện dài mới nhất của anh?

DOÃN QUỐC SỸ: Vâng, SẦU MÂY là truyện dài mới nhất của tôi ấn hành năm ngoái (1970) cùng với tập giai thoại tùy bút VÀO THIỀN. TRÁI ĐẮNG TRÀNG SINH là tập đoản văn sau cùng mới được ấn hành năm nay (1971).

NNA: Một bạn văn có cho chúng tôi biết là thoát đầu anh định viết “Sầu Mây” như một truyện ngắn, nhưng rồi sự đưa đẩy của ngòi bút đã làm cho nó thành một truyện dài. Anh có cho rằng câu chuyện đó đúng không?

DQS: Bạn tôi làm đấy. Hồi mới ở Mỹ về tôi có viết cho VĂN ĐỀ số xuân một hình thức truyện ngắn lấy tên là KHE MÂY. Khi viết nó tôi đã ý thức trước rằng đó là một mảnh của truyện dài SẦU MÂY mà tôi sẽ viết. Có điều là khi bắt đầu viết SẦU MÂY cho Tân Văn (rồi VĂN) tôi vẫn chưa ước lượng được truyện sẽ dài bao nhiêu.

NNA: Như anh mới vừa nói xong, năm ngoái (1970) anh có cho in tập giai thoại tùy bút VÀO THIỀN. Thiền có còn là mối quan tâm hiện nay của anh không? Thực ra, anh đã quan tâm đến nó từ bao giờ?

DQS: Chính tôi cũng không nhớ rõ là mình đã để ý đến Thiền từ

bao giờ. Có điều chắc chắn là từ xưa tới nay trên các sách báo gặp bất kỳ đoạn nào, bài nào về Thiền tôi cũng đọc. Điều này tôi có nói ngay trong đề từ của tập Vào Thiền. Không biết rằng đây đó trong tác phẩm của tôi độc giả có bắt gặp những gì thấp thoáng màu Thiền không, nhưng nếu Thiền mà thành mối quan tâm đặt vào sáng tác thì Thiền hỏng mất rồi còn đâu.

NNA: Thưa anh, vậy người ta phải hiểu Thiền một cách đặc biệt như thế nào?

DQS: Anh ơi, đây là một chuyện Thiền có in trong tập VÀO THIỀN của tôi: Thiền như hết một người ở thế tự treo lơ lửng trên bờ vực thẳm. Răng hăn cắn lấy một cành

cây để giữ toàn thân lơ lửng trên vực. Tay hẵn không hề nắm giữ một cành cây nào; chân hẵn không hề được đặt trên một cành cây nào. Đúng lúc đó trên một mỏm đá gần đây có người cúi xuống hỏi: “Này anh, Thiền là gì?” Không trả lời ư? Thua cuộc! Trả lời ư? Nát thân dưới đáy vực! Trả lời về Thiền nguy hiểm như vậy đó, anh có muốn tôi phải trả lời không?

(Chúng tôi cùng cười xòa)

NNA: Cùng với Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan, Duy Thanh... người ta nói anh là một trong những sáng lập viên của nhóm Sáng Tạo, một sáng lập viên hiền từ nhất của nền văn chương thời 50-60 của miền Nam Việt

Nam. Anh nghĩ sao về ý tưởng đó?

DQS: Tôi và Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Duy Thanh, Ngọc Dũng, đã kết thành “bầy” từ ngày tôi làm chủ nhiệm tờ NGƯỜI VIỆT. Sau đó đến tờ SÁNG TẠO.

Về cách trình bày thì tuần báo NGƯỜI VIỆT của chúng tôi dạo đó còn lem nhem lắm, sang đến nguyệt san SÁNG TẠO do Mai Thảo chủ trương thì bộ mặt tờ báo khang trang hẳn. Chúng tôi quả là những bạn đồng hành khăng khít trong việc gánh vác nguyệt san này.

NNA: KHU RỪNG LAU có phải là quyển tiểu thuyết dài duy nhất của anh không?

DQS: Vâng, cho đến nay, KHU RỪNG LAU là trường thiên tiểu thuyết duy nhất của tôi.

NNA: Anh vừa nói đến trường thiên tiểu thuyết. Sao không gọi là trường giang tiểu thuyết?

DQS: Tôi vẫn có khuynh hướng muốn chính danh hai danh từ “trường giang tiểu thuyết” và “trường thiên tiểu thuyết”. Theo tôi hiểu “trường giang” là loại tiểu thuyết mà các mạch chuyển tình tiết từ quyển này sang quyển khác rất lỏng lẻo, nếu không phải là không có. Dây nối quâyể này sang quyển khác trong một bộ trường giang nhiều khi chỉ là sự nhận diện ra một vài nhân vật chung nào đó. Còn trường thiên tiểu thuyết như

Khu Rừng Lau của tôi thì dù truyện có dài tới hai ba ngàn trang nhưng các mạch chuyển vẫn rõ ràng. Y như ta chèo thuyền, chèo từ ngọn nguồn con sông cho tới lúc xuôi ra cửa biển. Dùng hình ảnh này thì chính danh từ “trường giang” lại gần gũi và thích hợp hơn nếu “trường giang” được hiểu theo nội dung như vậy. Vấn đề vẫn là chính danh.

NNA: Anh có nghĩ rằng đó là một tác phẩm lớn không?

DQS: Anh hỏi về Khu Rừng Lau? Vì anh có lòng yêu mà đặt câu hỏi như vậy. Tôi thì bao giờ cũng thấy câu hỏi đó có tính chất khô hài.

NNA: Anh không nghĩ đến việc viết một tác phẩm gọi theo kiểu

nói bây giờ là một tác phẩm để đời sao?

DQS: Với tôi đó lại là một cách nói khôi hài khác.

NNA: Hình như anh còn soạn cả kịch nữa. Anh có thể nào cho độc giả của Văn biết đôi điều về quan niệm kịch của anh?

DQS: Ừa, anh hỏi về kịch của tôi ư? Lối viết kịch cũng như thế giới kịch của tôi là một thứ fantaisie, đúng như lời Thanh Tâm Tuyền nhận xét khi anh viết tựa cho tập kịch Trái Cây Đau Khổ của tôi: “đó là một cuộc đối thoại triền miên không dứt ngụp lặn trong thế giới của Thực và Mơ”. Ờ mà hỏi về kịch anh mới làm tôi sức nhớ xưa mỗi lần viết kịch là tôi cảm thấy

ngòi bút được thanh thoi vùng vẫy như con cá no mỗi trong một vùng biển tĩnh. Mới đây khi viết đoạn văn hay đoạn thiên tôi có khuynh hướng phá vỡ bờ lũy không gian, phá vỡ bờ lũy thời gian, phá vỡ bờ lũy cả các thể văn nữa, tinh thần này – suy ngẫm kỹ thì thấy thế – mạnh nha từ thái độ viết kịch của tôi.

NNA: Mới đây, ông V.Kh.Kh. trong một bài phỏng vấn của chúng tôi, có cho rằng một vở kịch lớn là một vở kịch không có khán giả. Anh có chia sẻ quan niệm này không?

DQS: Rất có thể vào một dịp vui anh em họp mặt nào, tôi cùng nâng ly cả cười mà nói với anh Khoan: “Đồng ý!”

NNA: Có người nói kịch của anh chỉ dành để đọc hơn là để trình diễn. Nó là một thứ kịch truyền thanh hơn là kịch để coi. Anh nghĩ sao về nhận định này?

DQS: Tôi không đồng ý. Với kỹ thuật sân khấu và ánh sáng ngày nay những màn kịch “thần thoại” của tôi vẫn có thể dựng được một cách dễ dàng và thể hiện được một cách trung thực những ý tứ hàm ngụ của tôi. Độc giả biết đấy, tôi đã sáng tác cả phần nhạc cho một vài vở kịch.

NNA: Và âm nhạc nữa. Những âm nhạc đích thực trong tác phẩm của anh.

DQS: Tôi chính là một thứ nhạc sĩ hụt – un musicien manqué. Hồi

còn là học sinh trung học ở Hà Nội
tôi học nhạc, xây mộng sáng tác
những bản đại hợp tấu sau này.
Cho mãi đến năm di cư - 1954 -
tôi còn ấp ủ giấc mộng đó. Thế rồi
chẳng hiểu loay hoay làm sao mà
vào Nam tôi thành viết văn. Vì thế
mà ý nhạc thường ám ảnh tôi hoài
trong các tác phẩm chẳng?

NNA: Chúng tôi được biết là
anh vừa mới đi một vòng các nước
Đông Nam Á về. Nếu có thể xin anh
cho biết sinh hoạt văn hóa ở các
nước này?

DQS: Bốn nước tôi qua: Tân-gia-
ba, Mã-lai, Phi-luật-tân và Thái-
lan, tới nước nào tôi cũng cảm thấy
lòng bưng bưng khát vọng vươn
lên của người dân nước đó dưới sự

lãnh đạo của những nhà cầm quyền có ý thức trách nhiệm, có lòng yêu thương đồng bào, có lòng tự hào về nơi mình sinh trưởng, có cái nhìn sáng suốt thấy sâu điều lợi lâu dài của văn hóa. Họ còn ý thức được cả việc bước từ mảnh đất dân tộc đơn độc sang sự hợp tác rộng hơn, hữu hiệu hơn của cộng đồng miền (region), miền Đông Nam Á chẳng hạn. Bước đầu hiện giờ là hợp tác văn hóa, Việc tôi đi dự khóa hội thảo về giáo dục ba tháng – vì giấy tờ chậm một tháng nên tôi chỉ được dự có hai tháng – chính là một hình thức hợp tác văn hóa miền, miền Đông Nam Á, để rồi sau đây sẽ tiến dần đến hợp tác kinh tế, chính trị. Tựa như hình thức hợp tác của các nước cộng đồng Tây Âu.

Nếu anh hiểu văn hóa theo nghĩa rộng, thì đây, hoạt động văn hóa của họ có ý hướng trưởng thành như vậy. Tôi chỉ tiếc cuộc xuất ngoại của tôi tới nơi nào là có chương trình khít khao nơi đó nên không có thì giờ làm quen để tìm hiểu rõ ràng hơn về sinh hoạt văn nghệ xứ đó. Qua Phi-luật-tân mãi tới ngày cuối cùng tôi mới có thì giờ tới được Trung tâm Văn hóa Phi xem một cuộc triển lãm tranh. Tại Tân-gia-ba, khi cuộc hội thảo bế mạc, tôi phải bỏ chuyến phi cơ từ Tân-gia-ba bay thẳng về Sài Gòn để lấy xe lửa đi Kuala-Lampur, tới viện bảo tàng xem một mảnh trống đồng Đông Sơn đã bị rách nát. Vẫn theo đường xe lửa, tôi tới Penang xem phòng triển lãm tranh của một họa sĩ Mã-lai, rồi lên phi

cơ về Sài Gòn ghé qua Bangkok một đêm và nửa ngày. Nơi nào cũng vội sắp vội ngựa như vậy nên không sao mà tiếp xúc và tìm hiểu thật rõ sinh hoạt văn nghệ nơi đó cho được.

NNA: Vậy anh không có mẫu chuyện nào để kể cho người ở nhà nghe sao?

DQS: Có. Nhưng... tôi để dành cho những sáng tác sau này. Tôi ở Mỹ về thì viết «Sầu Mây», anh biết đấy.

NNA: Nếu phải bỏ hết các tác phẩm mà anh đã viết và chỉ được giữ lại một quyển thôi, anh sẽ giữ quyển nào? Tại sao?

DQS: Tôi sẽ giữ tất cả. Càng

những «đứa con» gặp ít nhiều trắc trở tôi càng thương. Anh có thấy tình cảm các bà mẹ Việt Nam thường như thế?

NNA: Anh có hay đọc những bài phê bình và quan niệm của anh về phê bình văn chương?

DQS: Tôi vẫn thường đọc những bài phê bình. Tôi quan niệm phê bình khen có tác dụng thổi bùng được những tài năng, phê bình chê có tác dụng bắt tác giả phải thức tỉnh không được quyền cầu thả.

NNA: Vậy anh ưng đứng ở phe nào của phê bình?

DQS: Tôi không đứng ở phe nào cả. Chuyên về sáng tác tôi đã có dịp thấy từ vệt đom đóm đến đám

cháy rừng đều có vẻ đẹp tuyệt vời và giá trị thiêng liêng của nó. Vẻ đẹp và giá trị chủ quan, tất nhiên! Của những người sáng tác chân thành, tất nhiên!

NNA: Quyển sách nào của anh, được giới phê bình chú ý tới nhất (theo nghĩa tốt cũng như xấu của nó).

DQS: Hầu hết các tác phẩm của tôi khi ra đời đều được các bạn hữu xa gần quen biết hoặc không quen biết phê bình, khen có, chê có. Ngay trong bài khen cũng có lời chê, ngay trong bài chê cũng có lời khen. Những lời khen chê đó đều có tác dụng giúp ích rất nhiều cho tôi.

NNA: Anh có đọc những tác giả trẻ hiện nay tại miền Nam?

DQS: Nhiều chứ! Cả thơ lẫn văn! Chỉ xin đôi lời văn tắt gặp đầu nói đây. Tỉ như đọc thơ Nguyễn Bắc Sơn tôi có liên tưởng đến tiếng thơ Quang Dũng trong bài “Tây Tiến”. Chỉ khác thơ Quang Dũng là kết tinh một hoàn cảnh bi hùng, còn thơ Nguyễn Bắc Sơn là kết tinh một hoàn cảnh bi hài. Tôi còn nhớ những câu đăng trên tuần báo Khởi Hành:

Mai ta đụng độ ta còn sống

*Về ghé Sông Mao phá phách
chơi.*

Chia sớt nỗi sầu cùng gái điểm,

Đốt tiền mua vội một ngày vui.

hay:

*Này bóng mây cao, này vòm lá
thấp*

*Con đường phố người anh em
tấp nập*

*Một người này yêu một chút
người kia*

*Tay ấm trong tay, chân ấm vĩa
hè*

*Trái tim ấm lửa tình người ấm
áp*

*Người sống sót nâng ly mời kẻ
khuất*

Lại gần đây trên bãi cỏ bờ sông.

*Về văn, thiếu gì. Nói đâu xa,
mới gần đây thôi, vừa từ các nước*

Đông-Nam Á về tôi được đọc “Đêm Trên Thung Lũng” một truyện ngắn thật khởi sắc của cây bút mới Nguyễn Mộng Giác đăng trên “Bách Khoa” số 348. Đừng nói đến những cây bút trẻ cùng những cây bút mới trên các mặt báo, tôi còn đọc rất nhiều những nội san in, những nội san quay rô-nê, những bích báo viết tay của giáo sinh trường tôi (Sư phạm Sài Gòn), của học sinh các trường trung học khác, khắp nơi tôi đều bắt gặp những suy tư, những xúc động, những lo âu, những dẫn vật rất đáng quý mến nếu không phải là rất đáng kính mến. Mà sao anh lại chỉ hỏi đến những cây bút trẻ thôi nhỉ?

NNA: Ý anh muốn nói đến những cây bút khác?

DQS: Vâng, sao lại chỉ đọc đến văn thơ của các bạn trẻ? Tôi đã theo dõi một cách lý thú những bài nhận định thời sự đặc biệt dí dỏm của Vũ Bảo trên “Bách Khoa”. Rất tiếc không hiểu vì sao dạo này Vũ Bảo ít viết. Tôi đã say sưa đọc thiên khảo luận thật công phu và độc sáng của Phạm Việt Châu “Trăm Việt trên vùng định mệnh”. Rồi những hoạt động của Bác sĩ Hoàng Văn Đức cổ động cho một thực thể Đông-Nam Á. Gần đây, cùng một dòng suy tư này tôi được đọc “Đông Nam Á Đi Về Đâu” của Đại tá Nguyễn Tử Đóa trên nguyệt san “Chính Văn”. Tôi theo dõi một cách hào hứng những bài viết về Đông Y của Bác sĩ Trần Văn Tích trên “Bách Khoa”, cùng những hoạt động đam mê theo chiều hướng dung hòa Đông Y và

Tây Y của bác sĩ Bùi Duy Tâm. Tôi theo dõi những bài viết của Bác sĩ Trần Ngọc Ninh đi sâu vào cái bát ngát của thần thoại để cố tìm ra manh mối của nền văn hóa thái cổ Việt. Đọc thơ trào phúng của Tú Kếu, của Mã Tử. Đọc những bài nhận định về chính trị của Trương Tử Phòng trên báo “Điều Hâu”, của Lý Đại Nguyên trên báo “Đời” v.v... Ở tác giả nào tôi cũng tìm được cái gì tinh khôi để học hỏi để thưởng ngoạn. Việc gì phải ngửa cổ vọng ngoại chiêm ngưỡng ai? Việt Nam thủ-đô-đau-khổ-chiến-tranh của nhân loại, trong niềm đau khổ ngút ngàn đó tiếng nói tâm linh của ta thống thiết và chân thực biết chừng nào, khu vườn tâm linh của ta phồn thịnh và chân thực biết chừng nào. Rồi từ khu vườn tâm linh ấy đưa

mắt nhìn sang những khu vườn khác, cái-được-ta-nhìn thực đã trở nên sinh động và phong phú vô vàn. Đó là điều chúng ta nên nhắc nhở nhau ý thức lấy mà gìn giữ lấy nhau, gây dựng cho nhau.

(Ngừng một lát)

Tôi muốn cúi đầu trước niềm cô đơn khả kính của ông Nguyễn Bạt Tụy tại Đà Lạt, nhà học giả về ngữ học phong tục học, dân tộc học. Đường đi của ông cô đơn đã đành, đến như bao nhiêu công trình sưu tập, sắp xếp, suy tư của ông cũng đành chịu cảnh cô đơn như chính ông dưới con mắt thờ ơ ghẻ lạnh của một chính quyền được trang bị đủ một Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa và một Hội đồng Văn

hóa Giáo dục. Một quốc gia không biết lưu giữ những công trình của tiền nhân, không biết trù mẫn những di tích văn hóa, nào có khác gì một bộ óc không trí nhớ, một con người không dĩ vãng?

Nhưng tôi cũng đã sung sướng theo dõi tin Khánh Ly đoạt giải nhất trong cuộc thi quốc tế bên Nhật khi nàng ca bài Diễm Xưa của Trịnh Công Sơn. Tôi sung sướng khi hay tin một em gái nọ biểu diễn dương cầm tại nước ngoài đã khiến đám khán giả quốc tế phải thán phục mà thốt lời nói: “Không ngờ một nước Việt Nam chìm ngập trong chiến tranh mà vẫn sản xuất được những thiên tài nghệ thuật như vậy”. Sau này tôi cũng sung sướng được biết là sau bao nhiêu trắc trở

(sao lại trắc trở nhỉ?!) em gái đó đã xin được học bổng qua Tây Đức để tiếp tục chau chuốt tài nghệ. Rồi trong đêm khuya lan man suy nghĩ, tôi tự hỏi chẳng biết tất cả những chân tài Việt Nam ở mọi ngành khi đạt đến vùng tuyệt đỉnh, họ có nghĩ rằng sở dĩ đỉnh núi cao vì chân núi chắc dưới đáy đất, mặt cầu cao vì móng cầu chắc dưới đáy sông?

Chết chưa, anh chỉ hỏi về văn, thơ, tôi đã trả lời sang cả văn nghệ lẫn văn hóa. Anh xem, thường xuyên tôi đọc, tôi nghe, tôi nghĩ lan man như vậy đó.

NNA: Chúng tôi cũng được biết anh còn là một người kể chuyện cổ tích duyên dáng. Có thể, ở một khía cạnh nào đó như một vài ý kiến đã

được phát biểu, xếp anh vào hàng những nhà văn ưu tư về tuổi thơ và tuổi trẻ không?

DQS: Trong số những tác phẩm đã ấn hành của tôi có hai tập truyện cổ tích: *Sợ Lửa và Hồ Thuyền Dương*. Căn cứ vào những tập truyện cổ tích ấy mà xếp tôi vào những nhà văn của tuổi thơ là một lầm lẫn lớn. Đọc lại tất cả những truyện cổ tích ấy anh sẽ rất ít thấy không khí thoải mái đơn sơ cần thiết cho tuổi thơ, trái lại toàn là những thứ cổ tích hàm ngụ cho người lớn đọc. Có thể trong tinh thần toàn bộ tác phẩm đã ấn hành của tôi có chút gì bổ ích cho tuổi thơ, tuổi trẻ. Tôi nghĩ gần đây dư luận xếp tôi vào số những nhà văn ưu tư về tuổi thơ và tuổi trẻ. Có thể vì hai điều:

thứ nhất tôi là một nhà giáo, nhất lại dạy ở trường Sư phạm Sài Gòn nơi cung cấp cán bộ giáo dục cho ngành tiểu học; thứ hai tôi đương cho ấn hành dần bộ “Tuyển tập Văn chương Nhi đồng” gồm những ca dao, ngụ ngôn, thần thoại, cổ tích... Việt Nam và quốc tế.

NNA: Anh có thể cho biết lý do đã khiến anh viết bộ tuyển tập này?

DQS: Hai năm tôi đi Mỹ - 1966 - 1968 là nghiên cứu học hỏi về ngành này, do trường Sư phạm cử đi. Về nước, tôi thực hiện bộ này làm tài liệu giáo khoa cho chính tôi, giúp tài liệu giáo khoa cho các đồng nghiệp, đồng thời cũng là tài liệu giáo khoa cho các giáo sinh sư phạm của tôi khi ra trường nhập

tịch nghề giáo. Công việc “thuật nhi bất tác” này (và dịch thuật nữa) cũng chiếm nhiều thì giờ ngang với những sáng tác. Nhưng tôi rất hài lòng vì đặt được một số nền móng đầu tiên cho khu vườn thiếu nhi để những bạn sau tôi có đủ thì giờ mà hoàn tất một cách mỹ mãn hơn nhiều.

NNA: Xin anh nói thêm về những tác phẩm sẽ được viết của anh.

DQS: Về những tác phẩm sẽ viết tôi nghe như mình sẽ theo khuynh hướng đã nói trên: phá vỡ bờ lũy không gian, thời gian và các thể văn. Đó là cách – tôi nghĩ – mình tự khai phá mình để tự đổi mới nghệ thuật. Tôi chắc bất cứ ai theo

đuổi con đường văn nghệ cũng luôn luôn quan tâm đến việc tự khai phá, tự đổi mới. Được đến đâu hay đến đấy, được chừng nào hay chừng nấy. Theo như sự suy ngẫm của tôi, suy ngẫm tự mình rồi ra đến người, thì thấy rằng dù nghệ thuật của một cá nhân có đổi mới đến mấy, cá nhân đó vẫn không thể mất được cái gì là cá biệt làm nên cá tính của mình. Riêng về tôi qua những lời các bạn phê bình khen cũng như chê, quả thực tôi không sao cưỡng được sức hút của thực tại, kể cả khi tôi viết theo thể thức “thần thoại” nhất, kể cả khi tôi viết về... Thiên nữa, cũng vẫn mang hẳn những chứng tích gần gũi và cụ thể của thực tại đất nước.

NNA: Xin anh một câu sau cùng:
Dự định và trù liệu về một tương
lai gần cho nhà xuất bản của anh?

DQS: Trong năm nay và khoảng
hai năm tới cố hoàn thành bộ
“Tuyển tập Văn chương Thanh
Thiếu nhi” (Tôi không muốn giữ
đề cũ “Tuyển tập Văn chương Nhi
đồng” vì nhiều truyện vượt hẳn
nhi đồng).

Mở thêm một tủ sách dịch thuật
cho nhà xuất bản SÁNG TẠO, khởi
đầu bằng một dịch phẩm của anh
bạn tôi, giáo sư Trần Văn Điền,
mang nhan đề “Tôi Làm Dĩ”, một
truyện dài thật cảm động, thật sâu
sắc, của nhà văn thời danh ý Al-
berto Moravia. Hiện đã bắt đầu
cho sắp chữ.

Thử thí nghiệm một tủ sách mới, giống như loại sách nhỏ và mỏng in trên giấy màu hoa đào của nhà Lá Bối nhưng có in kèm theo bản dịch Anh văn, lấy tên là Loại Sách Kỷ Niệm. Đây là bước đầu dò dẫm tôi muốn giới thiệu một số đoạn tác của mình và của các bạn mình sang Anh văn. Các độc giả thay vì gửi một tấm các chào mừng cho các bạn ở ngoại quốc thì gửi đi tập sách nhỏ xinh đó. Mỗi quyển có một phong bì riêng. Nếu bước đầu này mà thành công, nhà xuất bản SÁNG TẠO sẽ mở một tủ sách dịch thuật sang Anh văn hẳn hoi để giới thiệu những tuyển tập của các nhà văn Việt Nam.

Quyển sách đầu tiên trong loại Sách Kỷ niệm này đã được phát

hành: Con Cá Mắc Cạn trích trong Khu Rừng Lau. Bản dịch Anh văn và minh họa của Võ Đình, một anh bạn họa sĩ rất thân tình tuy là bạn tôi mới được quen hồi qua Mỹ.

Trong năm nay tôi sẽ cho khởi in bộ đã sử dọc theo suốt các đời Lý, Trần, Hồ, Lê, Mạc của Đỗ Trọng Huề và bộ sử Thế Chiến II của anh bạn Giáo sư Nguyễn Mạnh Quang tốt nghiệp Cao học về Sử tại đại học đường Ohio.

Về sáng tác, cũng trong năm nay tôi hy vọng sẽ in kịp một tập truyện ngắn của Trùng Dương, một tập thơ của Tuệ Mai.

Ấy là chưa kể một số sách đã hết, cần tái bản.

Ấy là chưa kể tôi đương phải sửa soạn cho in gấp nốt khoảng 200 trang cuối cùng của KHU RỪNG LAU. Phần mục lục của bộ trường thiên này, ngoài việc liệt kê số quyển, số phần, số chương, tôi còn dự định liệt kê số tên các nhân vật chính cũng như phụ hiện diện trong truyện và một số địa danh chính có dính líu tới bối cảnh lịch sử của bộ truyện. Tôi nghĩ việc này tác giả tự làm thì tiện hơn, giúp các độc giả dễ theo dõi những tình tiết, vì câu chuyện đã trải quá dài trong thời gian cũng như quá rộng trong không gian.

Về sáng tác khác, nếu chưa có gì mới thì sang năm (1972) tôi cũng sẽ sửa chữa và cho in tác phẩm “Đại Lộ Hoàng Hôn” mà tôi đã cho

đăng rải rác đây đó trong các tạp chí.

Công việc dự định thì nhiều, nhiều quá, nhiều đến luôn luôn trào bọt cả bốn bề, mà ngày của đất trời chỉ vền vẹn có 24 tiếng. Hãy cứ dự định thế đã.

Nguyễn Nam Anh

thực hiện

Thơ
Khê Kinh Kha *
Trần Dạ Lữ

nỗi niềm

*trên con đường này chiều nay
tôi trở lại nhìn từng mảnh nắng
vàng rơi trên bờ cỏ thân yêu mà
nghe hồn mình dịu dịu chút hương
sen, lòng nở trăm bông cúc vàng,
tôi nghe đâu đó lời của con sông*

thương mến đang tình tự trong
từng khe đá tương tư, tôi nghe đâu
đó tiếng chim ca vang trong gió
nhẹ, tiếng chân trâu trở về nhai lại
mớ cỏ buổi đầu sương

giữa con đường làng này chiều
nay lá vàng bay nhiều quá và hồn
mình cũng reo vui như con trẻ, hàng
dâu nhà ai hoa giấy nở rộn ràng như
môi cười của đứa em lên chín như
ánh mắt vui của mẹ già trước hiên,
trong vườn nhà ai thiếu nữ đang
phơi áo đứng nhìn mơ màng cuối
chân trời, xin cho tôi gửi lời thăm
hỏi xin cho tôi đến gần với người ơi

*bên chân cầu này chiều nay tôi
đứng tựa mà nghe lòng mình còn
xao xuyến kỷ niệm xa nào, kỷ niệm
chờ nhau ái ngại kỷ niệm gió lùa
tóc mướt kỷ niệm nón nghiêng dẫu
nụ cười xuân và đâu đây nhịp chèo
nào còn khua động lòng người viễn
xứ*

*trong quán nước này chiều nay
tôi ngồi đốt thuốc mà trí óc lênh
bềnh như ấm men rượu, khu chợ
này sao quạnh hiu quá hỡi em những
người thân giờ trôi giạt phương
nào mà sao nghe lệ mình đang tức
tươi giữa buồng tim*

*quanh chốn cũ này tôi đứng ngơ
ngàng chiều nay áo xưa buồn biết
gởi trả cho ai*

*hỡi ai đi đó xin để tôi đến gần,
xin kéo tôi đến gần.*

Khê Kinh Kha

Nhánh tay buồn

Tay ôm khăn gói tìm quê

*Đường giăng mình bấy biết về
phương mô*

Chiều như ông cụ đau, ho

*Dừng chân thấp thuốc khói mờ
đầu non.*

Mấy năm cháy chậm trong hồn

*Nhớ nơi cắt rún lửa đun trong
đầu.*

Trần Dạ Lữ

15-6-1971

Dương Nghiễm Mậu

Kẻ sống đã chết,

Truyện dài (kỳ 6)³

Buổi chiều đã xuống từ lúc nào, về tới ngã tư phố Tràng Tiền, Hữu ngừng lại trong do dự, chợ hoa đã không còn một người ngồi, chỉ còn lại những kệ đá, Hữu nhìn Thu:

– Em muốn về đường nào?

³ xem Văn từ số 180.

– Mình đi thăm mấy cửa hàng trên này một chút.

Hai người băng qua đường đi dưới hàng hiên rộng hướng về phía nhà hát lớn. Nhà Thông tin của Pháp đã đóng cửa, phần lớn những cửa hàng đều đã nghỉ bán, con phố như rộng ra và Hữu cảm thấy nổi cô quạnh đã khởi đầu trong lòng phố cũ: Chính con đường này hàng mười năm trước đã có lúc là một thác người xuôi chảy với những bước chân mạnh mẽ, những cánh tay vung lên và những ngọn cờ đỏ tung bay trên về phía công trường Nhà Hát lớn... Những người muốn năm cũ. Hồn ở đâu bây giờ... Nếu mình là con phố này, nát lòng dâu biển... Ngọn cờ vàng kia rồi được hạ xuống, rồi cờ đỏ lại kéo lên, còn

như thế bao nhiêu đổi thay, bao nhiêu người gục xuống cho một hy vọng. Chỉ có hy vọng. Hữu nhìn Thu:

– Nay mai rồi mấy cô tiểu thư sẽ chẳng còn được đi thông thả nữa, rồi cũng không còn gì để mà ngắm nghĩa nữa. Em thấy không?

Thu bước chậm bên Hữu:

– Nghe như con phố đã chết anh nhỉ.

Không còn những cửa hàng với cửa kính bóng loáng, những hiên nhà có những chiếc ghế rộng và những chiếc dù cho những khách Tây phương ngồi uống rượu buổi chiều nhìn ra ngã tư, không còn những tà áo óng chuốt tung bay,

bảy giờ những thu lại, những khép kín, những ra đi, những thì thầm.

– Sao anh không thuyết cho ông Trâm ở lại.

Câu hỏi của Thu như lời Hữu trở lại thực tại:

– May là ông ấy không thuyết anh đó, không thì có khi anh cũng theo chứ đừng nói mình thuyết ông ấy.

Hữu nhớ tới ông giáo cùng với những liên tưởng tới ông Trâm và ông Nguyễn, những người được coi như tiêu biểu của thế hệ cha chú mình, thế hệ đã thực sự ở trong cuộc, chính họ, trong những lựa chọn đã lay động tâm trí Hữu. Hữu phân vân giữa những tư tưởng

không hòa hợp. Ông Nguyễn dứt khoát ở lại. Ông nói với Hữu: như mình lấy vợ, trước là tình sau là nghĩa, mình không thể bỏ được, cậu hiểu ý tôi. Cậu nói như một ý nghĩa được giải thích bằng ẩn dụ. Hữu hiểu những khó khăn của ông. Hữu cũng hiểu một phần vì sao ông Trâm vẫn còn trông đợi người bạn ấy, người bạn đã từng cùng ông chia xẻ ngọt bùi trong suốt những năm kháng chiến gian khổ. Như vậy thì đích thực của đời sống này cũng không là toàn vẹn? Kháng chiến thành công rồi sao còn có những người không tin ở thành công ấy? Hữu lắng nghe những phân vân, con đường này tâm tư nào giấu kín trong lòng của những nhịp sống đã trải qua. Bao nhiêu những bước chân ngày cũ còn có

dịp trở về đi lại trên những viên gạch, lề đường này, những ai lắng nghe lại tâm tư mình từ thuở lên đường với lời hẹn ước. Bao nhiêu kẻ đã nhắm mắt với giấc mơ trở về Hà Nội. Bao nhiêu người sống ở một nơi heo hút mà trái tim mình vẫn bỏ lại trong thủ đô này.

Tây tiến đoàn quân không mọc tóc.

Quân xanh màu lá dữ oai hùm.

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới.

Đêm mơ Hà nội dáng kiều thơm[Thơ Quang Dũng.].

Hữu mệnh tượng tới một ngày thật gần đây, những người trở về trong tiếng hát khải hoàn

có bao giờ nghe thấy tiếng thở dài của những người ra đi đã không được trở lại để thở hít không khí một thủ đô ngày mở rộng lòng, như một đại hội. Có thực thế. Hay họ cũng trở về trong những ngậm ngùi mà mình không lắng nghe thấy. Và rồi những kẻ hôm nay đang âm thầm ra đi, bao nhiêu kẻ vẫn còn để trái tim mình trở lại trong nhịp thở của thủ đô này và trông đợi ngày trở về. Trong niềm vui, Hữu thấy quanh quất một nỗi ngậm ngùi chua xót, như giọt nước mắt giấu kín của người mẹ khi thấy người con yêu trong cuộc chiến trở về với thân thể tàn phế. Một trở về không toàn vẹn hoan ca. Hữu thấy như mình đang sống trong không khí một buổi chia tay. Như hôm Hữu từ biệt Quang, chia

tay Bôi Anh, mỗi người đi một ngả với một nỗi riêng. Thu ngừng lại nơi góc đường, qua khoảng sân rộng nhà hát lớn đứng cao im lặng trong nền trời buổi chiều có một ráng đỏ lẩn quất phía sau những ngọn cây cao. Hữu nhìn lên những cột thu lôi cao. Hữu nhìn Thu đứng bên; Thu nói như trông đợi:

– Mới đây em được coi Ngọc Giao diễn kịch thơ “Nho phong”, em mê giọng ngâm thơ của ông ấy. Chắc sau này sẽ được coi kịch luôn anh nhỉ, em nghe nói kịch ở ngoài khu hay lắm.

Hữu cười với cô em gái:

– Nhưng chắc không được coi lại Nho phong nữa.

- Sao thế anh.
- Anh nghĩ thế.
- Không có “Nho phong” thì coi kịch khác.

Hứa bước xuống đường. Thu theo sau, hai người vượt qua khoảng sân rộng, bước lên những bậc thềm cao đứng nhìn về phía hồ Hoàn Kiếm, con phố rộng, hai dãy nhà cao gọn gàng, những mái hiên bám gần hết lề đường không có một bóng cây, ở cuối con đường là những ngọn cây cao ven bờ hồ. Con phố vắng hoe mấy người đi lại chậm chạp, một chiếc xe hơi đen chạy xuôi về phía bờ hồ. Khung cảnh buồn nản buổi chiều khiến Hữu cảm thấy như hơi lạnh:

– Em tưởng như anh em mình đang đi từ biệt Hà Nội ấy.

– Thật đấy chứ.

Thu nhìn Hữu khó hiểu, trong giây phút Thu quay nhìn trở lại con phố chạy thẳng trước mặt. Thu ngồi xuống bậc tam cấp:

– Anh định đi Nam sao mà đi từ biệt Hà nội?

– Từ biệt những ngày tháng cũ của Hà Nội.

Giọng Hữu nghe xa vắng và buồn, một nỗi buồn không rõ ràng nhưng đầy ngậm ngùi thương mến.

– Em thương những người bạn của em đã phải đi, đưa nào nó cũng nói em nhớ viết thư cho nó,

nói chuyện Hà Nội cho nó nghe.
Em không muốn đi đâu cả. Em ở
lại đây.

– Chả hiểu được cô, khi nói
thích đi, khi nói thích ở, thật là
bạn của cô Thu có khác...

– Cô Thu nào nữa?

– Cô Thu, người tình của anh
chàng Trương ấy.

Thu phá lên cười:

– Anh định trả thù em nhé.
Chưa chừng em là cô Thu thật đó
chứ không phải là bạn đâu.

– Thế thì buồn quá?

– Sao lại buồn?

– Vì bây giờ tìm cho ra một ông

Trương ho lao cũng khó lắm, bây giờ hết người ho lao rồi.

Nói chưa hết câu Hữu đã cười, tiếng cười nghe khô khan. Thu ngồi thả hai tay về phía trước:

– Thế thì buồn thật anh ạ.

Giọng Thu như lạc đi một vẻ nghiêm trọng, tưởng như câu chuyện không có chút đùa rỡn. Hữu đi ra phía bên ngả lên khu đại học đứng im nhìn theo con đường những bóng cây cao xanh đen trong buổi chiều mỗi lúc một xẫm xuống, chàng đi men xuống hông nhà hát. Khi Thu ngẩng lên thì không thấy Hữu đâu nữa. Thu cất tiếng gọi, Thu nghe như tiếng mình vang lên và dội trở về không có tiếng Hữu trả lời. Thu chạy ra hai bên hông nhà

hát nhìn quanh quất nhưng không còn thấy bóng Hữu đâu nữa. Thu cất tiếng gọi lớn. Nàng bỏ chạy dọc theo xuống hông nhà hát. Không một bóng người, chỉ có lối đi nhỏ, hoang liêu, những cánh cửa đóng kín. Thu thở dốc kinh hoàng với tiếng gọi không ngừng, Anh Hữu, anh Hữu ... không có tiếng Hữu, chỉ có tiếng Thu mất hút cùng với những lùm cây bí mật. Chạy hết một vòng, khi trở lại, Thu thấy Hữu ngồi ngay giữa nhà hát, hai tay bó gối. Thu thở dốc nhìn Hữu, nàng chột chảy nước mắt. Hữu xoe xoe bông cỏ trên tay nhìn Thu ngạc nhiên:

– Em chạy đi đâu vậy?

Thu ngúng nguẩy không nhìn

Hữu, lấy tay lau nước mắt đọng trên gò má:

– Anh biến đi đâu vậy, em chạy kiếm anh không thấy đâu.

– Ơ thế mà khóc, trời ơi, trẻ con chưa, anh sang phía bên kia.

– Anh không nghe em gọi à, em tưởng...

– Tưởng ma bắt anh?

Hữu phá lên cười, Thu cười theo khi nhận thấy mình trẻ con. Thu nhìn bông cỏ trong tay Hữu thấy mình vô lý. Hữu đứng lên:

– Thôi mình về, tối rồi.

Thu theo Hữu bước xuống những bậc thềm, Hữu ngắt từng bông cỏ thả về phía trước mà thổi,

những cánh hoa cỏ bay là là tả rồi rơi xuống mặt đường. Con phố bây giờ như vắng hơn. Hai người ra tới bờ hồ thì những ngọn điện cũng đã bật sáng, từng đoàn xe điện không có khách chạy liên tiếp với nhau, tiếng chuông, tiếng bánh sắt kêu ròn rã trong buổi chiều tịch mịch, ngang qua tháp Báo Thiên, Hữu ngừng lại tìm kiếm, Thu nhìn Hữu cười thầm, người tàu bán lạc rang đã không còn ngồi nơi chiếc ghế đá. Trên mặt hồ bây giờ như có những lượn sương mỏng chờn vờn. Bên kia hồ những ngọn đèn sáng lên ẩn hiện trong những bụi cây. Thu giữ lấy vạt áo cho khỏi bay, Hữu nghe thấy hơi lạnh bao phủ quanh người. Mùa đông sẽ đến. Thu bước đi, trong lặng lẽ nàng bỗng giật mình. Những mong đợi gặp

gỗ đã qua nhưng sao nàng không nhận thấy một điều gì khác, sao Hữu không nói gì về cha mẹ nàng, không nói tới bất cứ một điều gì. Sao nàng không hỏi. Hữu có thực là anh Trác của mình không. Thu liếc nhìn sang Hữu, đầu hơi cúi, bước đi chậm, nét mặt thực ít khi lộ rõ một điều gì. Có điều gì được giấu lại trong con người kia. Có gì lẫn trốn nơi con người khéo léo nhẹ nhàng kia. Thu thấy như có một khoảng cách giữa nàng và Hữu, một khoảng cách khó chịu hơn cả khoảng cách mà trước đó khi nàng chưa biết gì về Hữu là anh mình. Thu lắng nghe mình một chùng lẫn xao động.

– Anh Hữu.

Tiếng Thu ở bên, Hữu đi chậm lại, ngẩng lên nhìn Thu:

– Gì đó cô?

– Sao anh không nói cho em nghe chuyện ở ngoài khu.

Hữu mỉm cười.

– Em muốn nghe hả, mình còn nhiều thì giờ mà, lo gì, kể đến cả năm cũng chưa hết nữa, nhưng phải để nhớ dần dần chứ. Để thông thả đã. Anh còn định sau này sẽ viết một cuốn hồi ký, phải như thế thì mới nói hết được. Chưa chừng em sẽ có một ông anh văn sĩ.

Thu mở lớn mắt nhìn Hữu như tỏ sự ngạc nhiên và đùa:

– Thế nữa, như vậy thì kinh

thật, em ông văn sĩ chứ ít sao? Em phải nuôi hy vọng ấy mới được. Sợ lại là một ông văn sĩ không thành ấy chứ. Khi ấy chắc buồn lắm...

– Không tin anh à.

– Em tin chứ.

Thu nói vội vàng không chờ đợi. Hai người đã ngang qua cổng đền Ngọc Sơn. Trong thoáng chốc hai người đã đứng lại nơi đầu đường Hàng Đào. Hữu ngừng lại nói với Thu:

– Em mới chân rồi phải không, em thuê xe về, anh phải về.

– Bao giờ anh lại nhà.

– Lúc nào có thì giờ. Cô về đi.

Hữu nói như ra lệnh và bồng

trở nên vững vàng, khó khăn như bất cứ một người lớn nào. Thu kêu xe bước lên về nhà. Hữu bỏ con phố đi dọc theo đường Hàng Bông rồi rẽ xuống cửa Đông. Bước lên gác Hữu đã thấy người thanh niên ngồi đợi với một người khác. Hữu ngạc nhiên nhìn người đồng chí trong đơn vị:

– Anh mới về.

– Tôi về đã được ba ngày.

Giọng nói khô khan, người thanh niên nhìn Hữu vẻ lo ngại. Người đồng chí ngồi im nơi ghế, hai tay để lên mặt bàn, giọng đều đều:

– Tôi muốn được anh cho biết tình hình, tôi thấy như công tác đã

không được theo dõi, đôn đốc... cán bộ đã không được đặt đúng chỗ, lại nữa, những nơi mình cài người đều hỏng. Anh có biết là nhiều cán bộ của ta đã sa ngã không?

Không khí nghiêm trọng đầy trong gian phòng. Hữu chợt nhớ tới tiếng cười của người ngồi đó hôm được tin Đỗ Đình Đạo đã bị giết chết bí mật trong gian phòng kín. Hữu ngồi vào một bên bàn, trước mặt người lạ và bắt đầu trình bày công việc, người trước mặt ngồi im lặng nghe với chiếc bút trên tay ghi chép không ngừng. Báo cáo hết những công việc, Hữu ngừng lại trong giây lát rồi nói tiếp:

– Anh cũng biết hiện nay chúng ta phải hoạt động kín đã đã có sự

thỏa thuận nhưng nếu bên địch nó cứ làm ầu thì anh tinh sao, vì thế chúng tôi phải thận trọng.

– Cô gái nào vẫn đi với anh.

Hữu nghiêm nét mặt nhìn thẳng về người đối diện:

– Em tôi.

– Anh có em ở Hà Nội, sao tôi không được biết điều này.

– Chính tôi cũng không ngờ, cha mẹ tôi chết vì bom giặc, em tôi sống sót được một người bạn mang vào thành, may mắn tôi đã gặp lại.

– Được rồi, tôi tin anh. Anh gặp ông Trâm có việc gì?

– Ông Nguyễn nhờ tôi chuyển thư, điều ấy các anh đã rõ.

– Thế công tác nơi ông Trâm anh đã biết được những gì?

– Tôi hẹn trở lại, tôi chỉ biết rõ một điều, ông Trâm đang chờ một số bạn, ông Nguyễn thì đã trả lời ông Trâm là ở lại, Tôi nghĩ chúng ta đã thành công trong việc giữ ông Nguyễn. Có điều dân trong thành đi nhiều ngoài sự ước đoán của chúng ta, Tôi không đủ người, cơ sở nội thành vỡ, không hữu hiệu.

Người đàn ông đứng lên đi một vòng rồi ngừng lại, giọng nói nhấn mạnh rõ từng tiếng:

– Anh sẽ được giao công tác khác. Tôi sẽ tạm thời thay anh

trong khi chờ đợi anh trở lại.

Hữu ngồi lặng đi, chàng hiểu sự việc đang xảy ra. Chàng lấy một điếu thuốc châm hút. Ngay lúc đó có hai người lạ bước lên, người đàn ông bỏ sang phòng bên với hai người lạ. Hữu ngồi lại một mình bên người thanh niên đã gặp chàng trong những ngày vào thành. Người thanh niên có vẻ e ngại. Hữu đứng lại bên chiếc bàn với cửa sổ nói với người thanh niên:

– Anh nên quyết định sớm. Chắc chúng ta không còn gặp nhau.

Người thanh niên gật đầu nhìn Hữu rồi xuống thang gác. Một lúc sau ba người trở lại, người đàn ông lớn tuổi nói:

– Anh đi với chúng tôi.

Một chiếc xe ô-tô đậu ở dưới từ bao giờ, người gác nhà bỏ hành lý của Hữu lên xe, cả bốn người cùng lên. Không khí nặng nề, Hữu ngồi ghế sau với hai người lạ, nét mặt im, kín đáo nhìn người đàn ông lái xe. Trời đã tối. Hữu thấy lo âu. Lúc sau xe chạy ra ngoại ô, rẽ vào một con đường nhỏ hai bên là cây thấp um tùm, rồi đậu lại trong một ngôi biệt thự nhỏ với khoảng sân rộng có vẻ một ngôi nhà bỏ hoang. Người đàn ông quay người lại nói:

– Anh ở tạm lại đây trong khi chờ đợi. Chắc anh hiểu.

Hữu xuống xe với hai người lạ. Chiếc xe quay đầu trở ra, lúc sau

không khí hoàn toàn cô quạnh trong ngôi nhà, Hữu được đưa vào gian phòng giữa, vốn là phòng khách của ngôi nhà, có chiếc sập gụ, đồ đạc trong nhà ngăn nắp sạch sẽ chứng tỏ nơi đây có người ở. Hữu nghe tiếng bước chân ngoài hiên nhà, tiếng động trong nhà sau. Một người đàn bà đưa lên mâm cơm. Hữu ngạc nhiên thấy Thanh.

– Chị về đây bao giờ.

Thanh mỉm cười nhìn người em nuôi.

– Chị mới về hôm qua.

– Có chuyện gì vậy chị Thanh.

Người đàn bà khoảng ba mươi tuổi tên Thanh đặt mâm cơm nơi

chiếc tràng kỷ, vẽ thanh thảo bình tĩnh, Hữu ngồi nơi sập gụ hai chân đong đưa.

– Đâu có chuyện gì, công việc của em sao.

Hữu lắc đầu thở dài, Thanh đứng nơi đầu ghế:

– Em cũng không hiểu được, chừng như các ông ấy nghi ngờ em điều gì, chị biết không?

– Đúng đấy, các anh ấy nghi em đã liên lạc với những tổ chức khác, mà hình như từ lúc nhận công tác mới em không còn tỏ ra là một người xuất sắc, đáng tin cậy nữa, sao thế.

– Đâu có gì thay đổi đâu, có điều tình hình ở trong này chị hiểu là

rất tế nhị, đâu phải ở ngoài phòng tuyến cứ vác súng mà nhảy lên. Thôi cũng không sao.

– Em ăn cơm đi rồi nghỉ, chị cũng đang chờ công tác mới. Có lẽ chị phải xuống Hải Phòng.

Hữu ngồi vào ăn cơm, mâm cơm chứng tỏ chỉ dành riêng cho Hữu, một cái bát và một đôi đũa. Chị Thanh đi xuống nhà lúc sau trở lên mang theo cho Hữu một cốc nước trà nóng, mùi trà hạt ướp hoa cúc nồng nàn. Hữu nhớ lại người chị nuôi trong những năm trước, có lúc chị Thanh đã vào thành hoạt động địch vận, chị cũng liên hệ vào một số hoạt động phá hoại và khủng bố. trong đó có vụ Đỗ Đình Đạo... Hữu cảm thấy có một cái vung như

chụp xuống đời sống mình. Tiếng chị Thanh nghiêm trọng:

- Hữu định đi Nam phải không?
- Ai nói với chị vậy,
- Nghe các bạn nói. Chị thì không tin.
- Em biết thế này thì chẳng tội gì nhận công tác này.
- Hữu chưa trả lời cho chị mà
- Tưởng như vậy là Hữu đã trả lời chị. Em nghe mình như rời rã. Có lẽ em xin trở vào trong Thanh Hóa.

Hữu không bình tâm trong những ý nghĩ của mình. Thanh khêu lớn ngọn đèn nơi bàn cao. Hữu nói:

– Em thấy nhớ những ngày mình còn công tác, từ bấy đến nay trông chị vẫn không khác gì.

Hữu lặng người với những kỷ niệm cũ, những ngày xuôi ngược. Bây giờ chừng như tâm tư chàng đang đổi thay. Hữu ngó lên người chị nuôi:

– Có phải em sẽ được đưa trả ra khu không chị?

Người đàn bà ngồi im không trả lời.

(Còn tiếp)

Dương Nghiễm Mậu

DIỄM CA. 2

« Kỷ niệm chúng mình »

Bằng nhạc làm hồi sinh
tất cả kỷ niệm đời người

ĐÃ PHÁT HÀNH:

NHỮNG CÁNH DIỀU

của **LINH BẢO**

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

21 Nguyễn Thiện Thuật Sài Gòn -

ĐT: 92.017

Gần hết

Đang chuẩn bị tái bản



ĐỂ TƯỞNG NHỚ MÙI HƯƠNG

tiểu thuyết của **MAI THẢO**

* Thế giới ngọt ngào, dồn nén của những người đàn bà tỉnh nhỏ, đẹp lòng lấy và vô ích, mà tình yêu là một nỗi loạn cùng đường, không lối thoát.

* Những đời người, qua những cái bé nhỏ ghê gớm và những cái dịu dàng khốc liệt.

* Hiện tượng tan vỡ kỳ lạ của những trận tình bị hủy diệt ngay từ khi vừa bốc cháy.

* Qua hơn 300 trang sách nồng nhiệt, lôi cuốn từ chương đầu tới chương cuối cùng.

Nguyễn Đình Vượng xuất bản

ĐÃ PHÁT HÀNH:



CON SÂU

truyện dài của

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

* tiếng kêu thất thanh của tuổi
trẻ mồ côi trên đất nước lửa đạn
và xã hội phá sản

* hy vọng của tuyệt vọng trong
tình bạn, tình yêu, tình người...

Nguyễn Đình Vượng xuất bản

Giải đáp thắc mắc

*** ông Trương Chấn, Kontum;
ông Lâm Quang Trúc, Phan Thiết,
hỏi:**

1) Xin ông cho biết nguyên bản bài thơ “Bạc tần hoài” của Đỗ Mục, giải nghĩa, dịch thơ...?

(thư ngày 28 tháng 5 năm 1971)

1) Xin cho biết bài thơ “Ngâm khúc Hậu đình hoa”, tác giả và xuất xứ?

(thư ngày 3 tháng 6 năm 1971)

– Trả lời:

BẠC TẦN HOÀI

*Yên lung hàn thủy, nguyệt lung
sa,*

Dạ bạc Tần Hoài cận tửu gia

*Thương nữ bất tri vong quốc
hận.*

*Cách giang do xướng “hậu đình
hoa”.*

Giải nghĩa:

Bài này tả cảnh một đêm trên bến Tần Hoài. Đêm ấy, hơi sương mù mù như khói tỏa trên mặt nước, ánh trăng đã lồng trên mặt bãi cát. Tác giả tình cờ ghé thuyền trên sông Tần Hoài, chỗ gần một tiệm rượu. Bấy giờ trong tiệm khách khứa hãy còn ăn uống, những ả

thương nữ chuyên đi hát xướng
kiếm tiền, đương hát trong quán.
Lẳng tai nghe những tiếng hát réo
rắt ở bên kia sông đưa sang, thì
thấy họ hát khúc Hậu-đình-hoa
của Trần hậu chủ. Té ra họ không
biết rằng: khúc hát ấy là một khúc
hát mất nước, vì nó đã làm Hậu-
chủ say đắm, chơi bời, bỏ cả việc
nước, đến nỗi phải mất nước nhà.

Dịch vần:

GHÉ THUYỀN SÔNG TẦN HOÀI

Sông Tần khói tỏa, trắng in

*Bên ngoài quán rượu, con thuyền
đêm qua.*

Mặc ai tan nát nước nhà,

*Chị-em vẫn hát bài “Hoa sau
vườn”.*

(trích “Thi văn bình chú”, Ngô Tất
Tố,

Thế Giới, Sài-gòn 1956, tr tr. 139-
140)

Ngọc thụ ca: khúc ca Ngọc thụ,
Trần Hậu-chủ tên là Thúc Bảo tính
thích văn chương, chọn những
cung nhân hay chữ phong làm Nữ
Học sĩ. Mỗi khi trong cung yến tiệc
vua cho vời các quan văn thần vào
cùng các nữ học sĩ làm thơ xướng
họa, rồi chọn lấy những bài hay phổ
vào nhạc dạy cung nữ hát múa, gọi
là khúc Ngọc-thụ Hậu-đình-hoa.
Đây là một bài do tự tay vua làm:

Lệ vũ phương lâm đối cao các

*Tân trang diễm chất bản khu-
ynh thành*

Ánh hộ ngưng kiều sạ bất tiến

*Xuất duy hàm thái tiểu tương
nghinh*

Yêu cơ kiểm tự hoa hàm lộ

*Ngọc thụ lưu quang chiếu hậu
đình.*

Nghĩa là:

Nhà đẹp rừng thơm trước gác
cao

Lối tân trang của người đẹp
thành cũng nghiêng

Ánh đẹp bên cửa ngập ngừng
không tiến tới

Ra khỏi màn, vẻ đẹp nụ cười
xinh

Mắt nàng đẹp như hoa ngậm
hạt sương

Ánh sáng ở cây Ngọc-thụ soi
vào chỗ hậu đình.

Tùy-thư-nhạc-chí: Trần Hậu-
chủ ở trong cung Thanh-lạc cùng
với bốn hạnh thần đặt ra khúc hát
Ngọc-thụ Hậu-đình-hoa và khúc
Kim-thoa-lưỡng-mấn-hồng để cho
trai gái xướng họa, lời văn khinh
bạc, tiếng hát bi ai, chứa đầy nỗi
oán hận, ai nghe cũng biết là khúc
ca vong quốc.

(trích “Đường thi trích dịch”, Đỗ
Bằng Đoàn
và Bùi Khánh Đản, bản in rô-nê-ô,
Sài-gòn 1961, trtr. 421 - 422).

*** Cô Giang-thị Tuyết, Cần Thơ, hỏi:**

Xin ông cho biết tiểu sử và văn nghiệp nhà văn Võ Hồng?

(thư ngày 18 tháng 6 năm 1971)

– Trả lời:

Chúng tôi xin được mượn tài liệu trong bộ “Tù điền các Tác giả Hiện đại” của TPG (sắp in) để trả lời cô:

VÕ HỒNG, sinh ngày 5 tháng 5 năm 1921 tại làng Ngân Sơn, quận Tuy An, tỉnh Phú yên (Trung phần).

Văn phẩm đầu tay là một truyện ngắn nhan đề “Mùa gặt”, mô tả nếp sống nông thôn miền Trung.

Truyện đăng trên tuần san “Tiểu thuyết Thứ Bảy” vào khoảng giữa năm 1939, dưới bút hiệu Ngân Sơn.

Tác phẩm thứ nhất xuất bản là tập truyện “Hoài cố nhân” ấn hành năm 1959.

Tác phẩm đã in:

2. Lá vẫn xanh 1962
3. Vết hằn năm tháng 1965
4. Con suối mùa xuân 1966
5. Khoảng mát 1966
6. Hoa bướm bướm 1966
7. Người về đầu non 1966
8. Bên kia đường 1968
9. Gió cuốn 1969

10. Những giọt đắng 1969
11. Áo em cài hoa trắng 1969
12. Nhánh rong phiêu bạt 1970
13. Trầm mặc cây rừng 1971
14. Như cánh chim bay 1971

*** Lê thị Lệ Hằng, Kiến Hòa, hỏi:**

1) Xin ông cho biết xuất xứ cùng tác giả câu thơ:

“Tự cung thanh đạm, tinh thần sáng,

Tổ sự thung dung, nhật nguyệt trường.”

2) “Gió đưa cảnh trúc la đà,

Tiếng chuông Thiên mục, canh gà Thọ xương.”

3) Bút hiệu Khải Hưng do tên thật Trần Khánh Giư ghép lại, theo phép chiết tự. Xin ông giải thích cho cháu biết chiết tự là gì? Còn tác giả nào lấy bút hiệu theo phép chiết tự không?

(thư ngày 20 tháng 6 năm 1971)

– Trả lời:

1) Câu cô hỏi có nghĩa: “Sống thanh đạm thì tinh thần sáng khoái. Làm việc gì cũng ung dung thì sống lâu.” Đây là một câu cách ngôn, không rõ của ai.

2) Chúng tôi không biết câu cô hỏi. Trong “Bốn cảnh Hà thành ven hồ Tây”, có:

*Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn võ, canh gà
Thọ xương.*

*Mịt mù dặm cát đồi sương,
Dịp chày An thái, mảnh gương Tây
hồ.*

Không biết ở đất Thần kinh thì hai câu tiếp sau là gì. Mong vị nào biết vui lòng chỉ dẫn giùm.

3) Khái Hưng đã lấy các chữ trong tên thật chắp lại thành bút hiệu. Trong Nam, có nhà thơ Tố Phang đã chắp tên thật NGÔ văn PHÁT mà thành bút hiệu. Còn Chiết tự, theo định nghĩa của từ điển, là: Một cách bói chữ, cứ đếm theo nét chữ mà đoán cát hung.

*** Văn Trinh, Quảng Trị, hỏi:**

1) Theo Linh Việt, trong “Tuổi Ngọc” số 3, truyện Kiều của Nguyễn Du dài 3.250 câu. Nhưng trong “Tìm hiểu Văn nghệ” của Vũ Hạnh, nơi trang 156, có chú thích là: Truyện Kiều khoảng cuối thế kỷ 18 (hoặc 19) gồm 2251 câu lục bát. Vậy thì Kiều trong “Tìm hiểu Văn nghệ” có phải là Kiều của Nguyễn Du không?

2) Truyện Thạch Sanh tác giả là ai? và nhà xuất bản nào cho in?

(thư ngày 27 tháng 6 năm 1971)

– Trả lời:

1) Truyện Kiều có 3.254 câu.

Chắc nhà in đã lộn con số 3 thành 2, nên mới ra 2.254 câu; khiến cho mất đúng 1.000 câu.

2) Truyện Thạch Sanh, bản in Quốc ngữ lần đầu do nhà Quảng Thịnh xuất bản tại Hà Nội năm 1920, không ghi tên tác giả. Theo chỗ chúng tôi dò hỏi, nhà Quảng Thịnh đã căn cứ theo một bản chữ nôm và tác giả dường như là một người Nam. (?)

3) Chúng tôi không biết gì về 4 câu thơ bạn hỏi. Có điều mấy câu thơ đó tồi quá, chẳng đáng để chúng ta tốn thì giờ truy cứu xuất xứ. Mong bạn cảm phiền.

*** Nguyễn Công Dung, Hoài Nhơn, hỏi:**

Xin ông cho biết tiền sử của:

1) Nhà văn Vũ Hạnh, tác giả cuốn “Tìm hiểu Văn nghệ”, “Cú đấm” v.v...?

2) Nhà văn Chu Tử, tác giả cuốn “Yêu”, “Sống” v.v...

(thư ngày 30 tháng 6 năm 1971)

– Trả lời:

1) Nhà văn Vũ Hạnh tên thật là Nguyễn Đức Dũng, sinh năm 1928 tại xã Bình Nguyên, quận Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, Trung phần. Bắt đầu đăng thơ trên tờ Sông Hương xuất bản tại Huế khoảng 1944-45. Viết nhiều kịch trong thời

kháng chiến chống Pháp, còn lại vợ Người chủ tiệm đã có diễn trên đài phát thanh Sài Gòn vào năm 1961. Viết phê bình trên Bách Khoa ký Cô Phương Thảo, viết truyện ký Vũ Hạnh. Viết trên Mai ký Minh Hữu. Tác phẩm đầu tay là tập truyện Vượt Thác, do Giao Điểm xuất bản, Sài Gòn 1963. Đã cho xuất bản tiếp:

- Mùa xuân trên đỉnh non cao
- Chết ngọc
- Đọc lại truyện Kiều
- Cha mẹ bơ vơ
- Tìm hiểu văn nghệ.

2) Nhà văn Chu Tử tên thật là Chu Văn Bình, sinh ngày 17 tháng 4 năm 1917, tại Sơn Tây, Bắc phần.

Học Luật. Dạy học. Sau 1954, đã cộng tác với hầu hết các báo xuất bản tại thủ đô Sài Gòn. Sau 1963, chủ trương nhật báo Sống. Từ 1970, chủ trương tuần báo Đời. Tác phẩm đã xuất bản gồm 6 cuốn tiểu thuyết:

- Yêu
- Sống
- Ghen
- Loạn
- Tiền
- Yêu sống

Sau khi Chu Tử bị ám sát (hút) ban biên tập báo Sống có ra một chứng từ về vụ ám sát này nhan “Không hận thù”.

(Tài liệu mượn trong “Tủ điển các Tác giả Hiện đại”, sắp in, của TPG).

*** Lưu Quang Đức, Kbc. 6457, hỏi:**

Xin ông vui lòng cho biết nguyên chữ các chữ viết tắt:

a) PEN: hội Văn Bút quốc tế

b) VPA: hội Nhà văn Hoa Kỳ.

(thư ngày 19 tháng 7 năm 1971)

– Trả lời:

a) P là chữ viết tắt của playwright, poet; E = essayist, editor; N = novelist. Xin xem thêm bài “Quét sân đình” của Mỗ Làng Văn

đăng trong VĂN số 47 (1-12-1965).

a) Chúng tôi tra cứu không ra. Hỏi thăm mấy trung tâm văn hóa Hoa Kỳ tại Sài-gòn, cũng không ai biết gì về VPA cả. Mong bạn đọc nào biết vui lòng chỉ dẫn giùm. Đa tạ.

*** Đinh Lynch, Sa Đéc, hỏi:**

Xin bác vui lòng cho cháu biết xuất xứ và có thể xin chép hộ cháu bài thơ có những câu:

Đây Tha-La xóm đạo,

Có trái ngọt, cây lành.

Tôi về thăm một đạo,

Giữa mùa nắng vàng hanh,

Ngậm ngùi, Tha-La bảo:

– Đây rừng xanh, rừng xanh

Bụi đùn quanh ngõ vắng

Khói đùn quanh nóc tranh

Gió đùn quanh mây trắng

Và lửa loạn xây thành (...)

(thư ngày 21 tháng 7 năm 1971)

– Trả lời:

Mười câu thơ trên là đoạn mở đầu bài thơ “THA LA” của Vũ Anh Khanh, in trong tập “Thơ Mùa Giải Phóng” do Sống Chung xuất bản, Sài Gòn 1949, tr-tr. 65-68.

Vì toàn bài thơ quá dài (93 câu và 3 phân đoạn) in ra mất tới 4 trang báo VĂN, nên chúng tôi rất

tiếc không thể chép giùm em đặng.
Đành hẹn lại em, một dịp khác,
thuận tiện hơn.

*** Trần Hoàng Nguyên, Sài Gòn, hỏi:**

1) Xin cho biết đề tựa cùng tác giả hai câu thơ sau:

Ngày mai trong đám xuân xanh
ấy,

Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.

2) Xin cho biết tạp chí Phổ biến Khoa học còn hoạt động không? Nếu đã ngưng xuất bản thì số sau chót là số mấy? năm nào?

3) Tác phẩm “Tro than” của Nguyễn Đình Toàn có xuất bản thành sách không?

(thư ngày 22 tháng 7 năm 1971)

– Trả lời:

1) Bài “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử đã đăng trọn bài trong Văn số 172 (15-2-1971). Bạn nên xem thêm Văn số 179 (1-6-1971).

2) Tạp chí “Phổ biến Khoa học” số 1 ra ngày 1 tháng 12 năm 1966, số sau cùng là số 32 ra ngày 15 tháng 6 năm 1968.

3) “Tro than” hiện đang in. Sách chắc sẽ được phát hành vào khoảng cuối tháng 9 tới đây.

*** ông Trần Thanh Sơn, Định Tường, hỏi:**

Về bốn câu thơ của Hồ Dzếnh...

– **Trả lời:**

Bổ túc cho câu trả lời số 2, đăng trên VĂN số 183, một bạn đọc ở Bình Dương, ông Trần Chương, đã chỉ dẫn cho chúng tôi tài liệu tham khảo sau đây:

Trong quyền Thượng, bộ “Việt-nam Thi nhân Tiền chiến” của Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng, Sống Mới xuất bản, 1968, nơi trang 510, có bốn câu thơ:

Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,

Trời ơi! Người ấy có buồn không?

Có thầm nghĩ tới loài hoa vỹ

Tựa trái tim phai, tựa máu hồng.

(1)

Ở cuối trang 510, chú thích (1), dẫn giải như sau:

“Để trả lời bốn câu thơ này của T.T.KH., Hồ Dzếnh có làm bốn câu sau đây đăng trong Trung Bắc Tân Văn:

Rồi một ngày mai em lấy chồng

Anh về lấy vợ thế là xong.

Vợ anh không giống em là mấy

Anh lấy cho anh đỡ lạnh lòng.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn ông bạn Trần Chương.

Có điều đáng tiếc ở đây là hai soạn giả bộ VNTNTC đã không ghi rõ báo Trung Bắc Tân Văn số mấy, ngày tháng năm nào, nên chúng tôi không kiểm chứng lại được,

và không dám tin chắc là tài liệu dẫn trong bộ sách đó có thật đúng hay không? Dầu sao cũng xin nêu ra đây để ông Trần Thanh Sơn tra cứu và kiểm chứng lại...

Nhắn tin:

– Phạm-thị Minh Tâm, Sài Gòn.

1) Thi sĩ Bùi Giáng hay chơi chữ lắm. Làm thơ đối với ông, cũng chỉ là một cách chơi, một thú chơi.
2) Chúng tôi không biết hai câu thơ cô hỏi, 3) Đó là thơ Vũ Hoàng Chương, rất dễ kiểm thấy.

– Trác Văn Thành, Bình Định.

1) Xin ghi nhận những ý kiến thẳng thắn và xây dựng của ông.

Chúng tôi, hơn ai hết, cũng biết thế. Nhưng e rằng rồi sẽ càng “chẳng có gì” hơn nữa, vì những lý lẽ riêng tây không tiện giải bày. Mong ông thông cảm và lượng thứ. 2) Ông có thể tìm trong cuốn “Đường Thi” của Trần Trọng San. Sách tự học, ông có thể biên thư hỏi Nhà sách Khai Trí, số 60-62 đại lộ Lê Lợi, Sài Gòn. 3) Chúng tôi rất tiếc không thể tiết lộ địa chỉ các cộng tác viên. Đề nghị ông biên thư gửi về tòa soạn, nhớ kèm thêm tem để chúng tôi chuyển theo thư ông tới người nhận.

– Một độc giả ở Pleiku.

Như đã nhiều lần minh định: mục này chỉ trả lời những câu hỏi có tính cách văn học tổng quát. Bốn

câu hỏi của ông thuộc lãnh vực sử địa và chính trị, đề nghị ông viết hỏi đồng nghiệp của chúng tôi: a) tập san “Sử Địa”, số 221 đường Cộng Hòa, Sài Gòn; nguyệt san “Chính Văn”, số 215-B/34 đường Chi Lăng, Phú Nhuận.

– Bùi Xuân, Nha Trang.

1) Cháu nhớ lầm rồi, trong VĂN số 22. chúng tôi đã ghi rõ “Tương biệt dạ” là thơ của Huyền Kiêu, còn tranh vẽ là của Khái Hưng. 2) Ông Bùi Giáng chơi chữ, nói lái đấy mà. 3) Cuốn “Tản Đà Vận văn” có bán ở mấy sạp chuyên buôn sách cũ, dọc đường Lê Lợi, Sài Gòn.

– Phạm Huy Tường, Kbc 4168.

Các quốc gia Do Thái, Ba Tư, Ả

Rập không thiết lập bang giao với nước ta.

– Lâm Văn Sang, Ba Xuyên.

1) Ma là mài, chiết là gãy. Ma chiết là những nỗi khó khăn làm cho mình mòn mỏi chí khí. 2) Chúng tôi rất tiếc không biết ý nghĩa, tác giả cùng xuất xứ câu thơ “Bút ký thiên thành não khách tâm”. Ước mong trong bạn đọc, vị nào biết xin vui lòng chỉ dẫn giùm.

– Huỳnh Thanh Khiêm, Phan Thiết.

1) Về chiết tự, xách tự, trắc tự xin xem lại bài “Bạn đọc và Chúng tôi” đăng trong Nguyệt san TÂN VĂN (Nghiên cứu và Phê bình Văn học) số 3, tháng 7 năm 1968, trang

120. Muốn mua số báo này, bạn có thể gửi 40 đồng tem thư (bảo đảm) về Ty Trị sự VĂN. 2) Cám ơn bạn đã có lòng chỉ dẫn. Để chúng tôi sẽ chuyển thư bạn tới vị độc giả nọ.

– Trần Thắng, Kbc 4376.

1) Bài thơ đó xuất hiện ở hậu phương trong thời tản cư kháng chiến, không rõ ai là tác giả. 2) Chúng tôi không biết gì về bài thơ bạn hỏi. Sẽ cố gắng tra cứu thêm. 3) Nhầm thứ sáu 28 tháng 10 năm 1949.

CHÚC MỪNG

Thành thật chúc:

LÊ VĂN TRUNG

và **NGUYỄN THỊ HIỆP**

trăm năm hạnh phúc

PHẠM CAO HOÀNG

NGUYỄN VĂN TÂM

tin văn văn

Cảm đề “Thơ Say” tục bản

Ngày 5 tháng 5 năm 1971, nhân dịp phát hành “Thơ Say” (do Nguyễn Đình Vượng tái bản, dày 100 trang, giá 250 đồng), tác giả Vũ Hoàng Chương có bài thơ “Cảm đề”. chúng tôi mạo muội chép lại nơi đây để toàn thể bạn đọc đồng thưởng lãm:

*Ba mươi năm trước, giọng thơ
Say*

Mở lối vào phương gió bụi này.

*Thuyền Mộng lạc loài men đã
ngấm*

*Thành Sầu nghiêng ngựa khói
càng xây*

Bao đêm lửa quý nghe tim bắc

*Một sớm gương thần hỏi bóng
mây.*

Chữ lại lên khuôn lời giải đáp

Rằng hư rằng thực cũng là đây.

Không nói, hẳn bạn đọc yêu thơ đều rõ “Thơ Say” là thi phẩm đầu tay của họ Vũ, xuất bản lần đầu từ thời tiền chiến (Hà Nội, 1940) và chính thi phẩm này đã tôn vinh họ Vũ lên cao trên đài danh vọng.

Nhân đây, chúng tôi xin mạn phép được đính chính một chữ in sai trong bài thơ “Cảm đề Đời vắng em rồi say với ai” đã đăng trong

cùng mục này, VĂN số 183. Câu thứ sáu trong bài:

Hài son **ngọc** bắc cũng dần phai
xin bạn đọc vui lòng sửa lại giùm là:

Hài son **ngọn** bắc cũng dần phai.

Lại xin chân thành cáo lỗi cùng tác giả VHC và toàn thể bạn đọc.

Hoạt động của TTVBVN

Vào hồi 10 giờ sáng Chủ nhật 8 tháng 8 vừa qua, tại trụ sở của Hội, Trung tâm Văn bút Việt nam đã tổ chức một buổi nói chuyện văn chương. Diễn giả là nhà văn Sơn Nam. Đề tài: Gilbert Trần Chánh

Chiều, báo “Lục tỉnh Tân văn” và Phong trào Duy tân ở miền Nam (1908). Bài nói chuyện của Sơn Nam được soạn thảo rất công phu, thu thập nhiều tài liệu súc tích, trình bày giản minh một giai đoạn quan trọng trong sinh hoạt báo chí xứ Nam-kỳ hồi đầu thế kỷ...

Một hoạt động khác, cũng có tính cách thường xuyên, vừa được TTVBVN loan báo: việc tổ chức giải thưởng về bộ môn Sân khấu, năm 1971. Thể lệ cuộc thi như sau:

1.- Giải thưởng: Một giải thưởng độc nhất: 100.000\$00 (một trăm ngàn đồng).

2.- Tác phẩm dự thi: Bản thảo chưa từng in về bộ môn sân khấu, (Hát bội. chèo cổ, cải lương, kịch

nói hay kịch thơ) đề tài tự do.

3.- Cách thức gửi: Xin gửi 5 bản đánh máy đề tên ông Nguyễn Đức Hình, Trung tâm Văn bút Việt nam, 107 đường Đoàn thị Điểm (Sài Gòn), trên 5 bản dự thi chỉ ghi một biệt hiệu chưa hề dùng, còn tên thực hay bút hiệu quen dùng thì bỏ riêng vào phong bì dán kín lại gửi kèm.

4.- Thời hạn dự thi: Từ ngày công bố thể lệ này cho đến hết ngày 15-11-1971.

5.- Ngày tuyên bố kết quả: 15-12-1971.

6.- Ban giám khảo: Danh sách sẽ được công bố sau.

Ngoài ra, TTVBVN cũng đang chuẩn bị xuất bản một tờ nguyệt san văn nghệ, lấy tên là VĂN BÚT. Được biết đây là cơ quan chánh thức của Hội, do ông Phạm Việt Tuyền đứng tên chủ nhiệm, và chủ bút là nhà văn Vũ Hạnh.

VĂN BÚT số ra mắt dự trù phát hành vào ngày 15 tháng 9 tới đây, và sẽ thực hiện chủ đề: Trách nhiệm của các nhà văn hóa trước tình trạng suy sụp hiện nay của xã hội.



GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

*** XIN LẠI TÌNH NGƯỜI, ĐỒ** Quyên Văn đoàn, Thần Kinh xuất bản. Sách dày 24 trang, giá 100 đồng.

Tập thơ gồm 15 bài của Lữ Tùng Anh, Bùi Duy Uyên, Đình Khuê, Miên Khương, Văn Châu và Triều Sơn. Liên lạc: 21 Lam Sơn Huế.

* NHỮNG CÁNH DIỀU, Linh Bảo, Trí Đăng xuất bản. Sách dày 128 trang, giá 140 đồng.

Sách gồm 7 đoản thiên, của một nữ sĩ danh tiếng.

* SIÊU HÌNH TÌNH YÊU SIÊU HÌNH SỰ CHẾT, Schopenhauer, Hoàng Thiên Nguyễn dịch, Kinh Thi xuất bản. Sách dày 240 trang, giá 260 đồng.

Tiểu luận triết lý, dịch theo 2 tập “Métaphysique de l’Amour”, “Métaphysique de la Mort” vốn là hai chương của tập bổ túc cho cuốn “Die Welt als Mille und Vorstellung”, tác phẩm quan trọng của triết gia Schopenhauer.

* PHỔ NGƯỜI, Mang Viên Long, Đồ Bàn xuất bản. Sách dày 11 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Tác phẩm thứ ba của MVL là một tập gồm 6 đoản thiên, Bìa Đồ Toàn.

* THIẾU NHI, số 1, 32 trang khổ lớn, giá 40 đồng.

Tuần báo của thiếu nhi ra ngày chủ nhật. Tòa soạn: 159 Thiệu Trị, Phú Nhuận. Chủ biên: nhà văn Nhật Tiến, với sự cộng tác của nhiều nhà văn, nhà giáo tên tuổi.

* SCHOPENHAUER NHÀ GIÁO DỤC, Nietzsche, Mạnh Tường và Tổ Liên dịch, Ca Dao xuất bản. Sách dày 160 trang, giá 180 đồng.

Sách dịch theo bản Pháp dịch
“Schopenhauer, éducateur” của
Genevière Bianquis.

* NHỮNG CUỘC TỰ SÁT TẬP
THỂ, Minh Hương, Alpha xuất bản.
Sách dày 96 trang, giá 120 đồng.

Sách gồm mười bài khoa học
viết về các loài vật, nhằm giúp bạn
trẻ vừa giải trí vừa học hỏi. Phụ
bản có nhiều tranh ảnh.

* ẢO TƯỚNG, 7 tác giả, Lá Bối
xuất bản. Sách dày 180 trang, bản
đặc biệt không ghi giá.

Tập truyện của Sơn Nam, Thiều
Chi, Nhất Hạnh, Hồ Hữu Tường,
Chinh Ba, Võ Phiến và Tuệ Uyên.
Bìa Đinh Cường.

* QUANH TÔI HIU HẮT CUỘC

ĐỜI, Phạm Thanh Chương, Hành Động xuất bản. Sách in rô-nê-ô, dày 40 trang, phổ biến hạn chế.

Sách gồm 17 bài thơ. Phụ bản: tranh Phạm Ngủ Yên, nhạc do Nguyễn Tùng soạn từ thơ. Liên lạc: 194/6 Lê Quốc Hưng, Sài Gòn-4.



* Nguyễn Lăng Nhân, Đà Lạt.

HHT hiện là công chức tại Cam Ranh.

* N-T-T, Mỹ Tho.

a) thứ hai 17 tháng Năm Kỷ

Sửu, b) thứ ba 20 tháng Một Giáp Ngọ. c) thứ bảy 6 tháng Chạp Canh Dần.

* Trần thị Từ Ly, Pleiku.

Thư cô phải dán 7 đồng tem mới đủ. Cô dán có 4 đồng, người nhận thư phải nộp phạt 12 đồng rồi đó. Nhân đây, xin lưu ý chung quý bạn gửi thư nên nhớ dán đủ số tem để người nhận khỏi bị phạt vạ. Đa tạ.

* Trần Anh Thi, Qui Nhơn.

Chúng tôi rất tiếc không thể nhận bán báo dài hạn, bởi lẽ báo gửi bưu điện thường hay bị mất, phần khác chúng tôi lại thiếu nhân viên. Tại Qui Nhơn, nhà sách Khánh Hưng bao giờ cũng có đủ báo Văn.

Mong ông hỏi mua tại nhà sách
đó thì tiện hơn.

* Trang Trang, Vĩnh Long.

Rất tiếc không thể nhận được
vì còn bị kẹt nhiều lắm.

* Trương Khánh Mân, Đà Nẵng,

Trong thư bạn, không có con
tem nào cả.

* Thu Lan, Đà Nẵng.

a) thứ tư 21 tháng 7 năm 1948.

b) chủ nhật 4 tháng 2 năm 1945.

* Huỳnh Ngọc Minh, Huế.

Cuốn “VN Văn học Sử yếu” của
Dương Quảng Hàm, do Trung tâm
Học liệu Bộ Giáo dục xuất bản.

* Phạm Hữu Quang, Long Xuyên

a) Xin ghi nhận những ý kiến xây dựng của bạn và chân thành cảm tạ. b) Báo đóng kim mà ra được đúng kỳ hạn đã là may mắn lắm. Việc khâu chỉ tốn kém cả thời giờ lẫn tiền bạc, đành dành cho loại sách in ít, bán giá cao thôi bạn.

ĐÍNH CHÍNH:

Trong VĂN số 184, trang 74 dòng 27, ở truyện “Kỷ niệm của tháng Chín” của Ferenc Móra có một câu in sót 4 chữ: “... tôi đã rất ngạc nhiên đưa lưng bàn tay lên chùi mắt.” Xin sửa lại là “tôi đã rất ngạc nhiên **khi thấy cha tôi** đưa lưng bàn tay lên chùi mắt”.

Xin chân thành cáo lỗi cùng
toàn thể độc giả.

LƯU Ý BẠN ĐỌC:

Hiện nay các số báo VĂN cũ: 33, 40, 47, 106 + 108 và VĂN UYÊN số 13, 17 đã hết. Vậy, xin quý bạn đừng đặt mua những số báo kể trên nữa.

Nhân đây, cũng xin lưu ý bạn đọc nhờ là thư hỏi mua báo cũ, nhớ kèm tem và địa chỉ rõ ràng để Ty Trị sự trả lời riêng. Mục “Hộp thư Bạn đọc” sẽ không trả lời những thư hỏi mua báo cũ. Muôn vàn cảm tạ.

NHẮN TIN RIÊNG:

* ông Đinh Ngọc Bính, Berlin.

Sẽ đăng “Anh vẫn chờ em”.
Mong ông cử gửi tiếp. Chúc lành.

* Mừng Mán, Huế.

Sẽ đăng “Cái mũ cối”. Tình thân.

* D-V-H, Kbc 4100.

Không được. Đạo này cậu không
viết được gì à? Tình thân.

* Hồ Minh Dũng, Huế.

Đã chuyển tin. Tình thân.



BÀI LAI CẢO NHẬN ĐƯỢC

Theo thông lệ, Tòa soạn không giữ lại cũng như không phát hoàn bản thảo những bài lai cảo không được chọn đăng. Xin quý bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ “yêu cầu miễn ghi” trên bản thảo.

* VĂN

Quý bạn: TH-Y-CH: Trần-thị Hương-nguyên. Chi An Trương Khánh Mân. Trần Văn Âu. Phạm Văn Láng. Chinh-y Mặc-can. Đoàn Phú Nông. P-C-NGH. Nguyễn Văn Đông.

* THƠ

Quý bạn: Chim Thành phố NQC.
 Cao Xuân Thủy. Tinh Huyền (2).
 Áo-trắng Từ-ly. Tuyết Lạnh. Kỳ
 Đồng Tử. Vĩnh Tần. Trầm Khanh.
 Đông Phố. Phạm Lệ Dung. Tạ Mỹ.
 Nguyễn Lãng Nhân. Nguyên Phan.
 Phạm Văn Láng. PIK Thanh Điền.
 Phạm Việt Hùng. Huỳnh Hoàn
 Hưng. Từ Khánh Huy. Lê Trần
 Cảnh. Phương Dy. Triều Doãn Thái.
 T-M Trường Linh .Thùy Giao. Hàn
 Nhân. Nguyễn Văn Danh. Thương
 Tá. Thanh Triều Dương. Nguyễn
 thy Bích Khương. Mi Hạ. Vương
 Trường Giang. Đông Phố. Lê thị
 Thiên Phương. Đào-thái Thương-
 anh. Thiên Lang. La Minh Viện.
 Đỗ Minh. Trương Cẩm Liên. Tiêu
 Tường. Thành Sơn. Hoài Linh Vũ.

Việt Cường. Nguyễn Thế Quát. Tố
Diễm. Triều My. Nguyễn Thụy Kha.
Kiên Sa. Huy Chuân. Mai A Niệm.
Hồ Du Mục. Hoài Tường Ph-2 Dạ
Diễn Du. Khanh. Quang Nhân. Lê-
truong-đình Hoàng-anh. Văn Tấn
Hùng. Phùng-khắc Nguyễn Minh.
Văn M-Thụy. Nguyễn Đình. Hội
Vân. Nguyễn-phước Duy xuyên.
Lê Trần Cảnh. Trần Mộng Hoàng.
Dạ Du Tử. Lê Thụy Hà. Lê Hoàng
Phương Giang Du. Trần Chương
(2). Chu Kha (2). Ngã Dạ Triều.
Quang Thịnh. P-C-NGH. Trần-
minh Thiên-vũ. C-NG-C. Phạm
Hữu Quang. Vũ Bình Nguyên. Thái
Dũng.

Ban Tuyển đọc Tác phẩm của
VĂN đã đọc những bài lại cáo của
quý bạn có tên trên đây và rất tiếc

không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những bài mới khác.

CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC

* Bạn đã từng hoài nghi sự thực hữu của Thượng đế?

* Bạn đã từng thắc mắc: Tại sao loài người sinh ra để chịu đựng đau khổ?

* Bạn đã từng băn khoăn về cuộc đời bên kia thế giới?

Để tìm được câu trả lời, Bạn hãy ghi tên theo học Lớp Thánh Kinh bằng thư miễn phí:

CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC

Bạn chỉ cần gửi về (Trường Thánh Kinh Hàm thụ SION. Hộp thư 2316 Saigon) tên, tuổi và địa chỉ của Bạn, ngay sau đó Bạn sẽ nhận được bài học số I.

SÁCH LÁ BỐI

Đã bày bán khắp nơi:

* Như Cánh Chim Bay truyện dài của VÕ HỒNG

Ai đã tham dự kháng chiến chống Pháp 45-47 nên đọc “Như Cánh Chim Bay” để thấy lại hình bóng mình ở đó.

* Góp Nhặt Cát Đá của Thiền sư Muju, Đỗ Đình Đồng dịch

Tác phẩm viết vào thế kỷ thứ 13. Những suy niệm về Zen.

* Ảo Tượng tuyển tập truyện ngắn của 7 tác giả: Sơn Nam, Hồ hữu Tường, Chinh Ba, Thiều Chi, Nhất Hạnh, Võ Phiến, Tuệ Uyển. (Tái bản lần I)

* Bông Hồng Cài Áo của Nhất Hạnh

Tái bản lần thứ năm, 1971

Giữa tháng 9-1971 sẽ phát hành:

* Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ của Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch.

Sách dày khoảng 600 trang, số lượng in ít vì vốn in quá nặng, bạn nên dẫn trước ở hiệu sách quen, đừng để mua không kịp như Sử Ký Tư Mã Thiên và Chiến Tranh và Hòa Bình (Tái bản giá tiền tăng hơn gấp đôi).

* Chiến Tranh và Hòa Bình I (tái bản) của Léon Tolstoi Nguyễn Hiến Lê dịch.

